

**GỎI 5: HÓA CHẤT**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 291/QĐ-SYT ngày 22 tháng 3 năm 2016)

STT	STT HSMT	Tên hóa chất	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nhà thầu
1	1	Test chẩn đoán nhanh HBsAg	test	Abon	Trung Quốc	50 test/hộp	3.000	13.600	40.800.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
2	2	0702010MiniLyse LMG 1lit	Chai	ABx	Pháp	1 lít	76	6.950.000	528.200.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
3	3	0802010 MiniDil LMG 10lit	Thùng	ABx	Pháp	10 lít	220	4.375.000	962.500.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
4	4	Aeskulisa Cardioliipin GM	Test	Aesku	Đức	96test/hộp	2.304	68.600	158.054.400	Công ty TNHH Biolabs Việt Nam
5	5	Aeskulisa Ds DNA check	Test	DiaPro	Ý	96test/hộp	2.304	59.100	136.166.400	Công ty TNHH Biolabs Việt Nam
6	6	Test thử Alere Determin HBsAg	test	Alere Medical	Nhật	100 test/túi	57.400	32.900	1.888.460.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
7	7	Test thử Alere Determin HIV - 1/2	test	Alere Medical	Nhật	100 test/túi	78.700	39.990	3.147.213.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
8	11	Hemoglobin	hộp	Beckman Coulter	Mỹ	2x250ml	1	2.411.850	2.411.850	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm
9	13	Anti - D (RH+)	Lọ	Linear Chemicals	Spain	Lọ 10mL	1	162.000	162.000	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ NGHĨA TÍN
10	14	Anti A 10ml	Lọ	Linear Chemicals	Spain	Lọ 10mL	70	105.000	7.350.000	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ NGHĨA TÍN
11	15	Anti A+B 10ml	Lọ	Linear Chemicals	Spain	Lọ 10mL	70	105.000	7.350.000	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ NGHĨA TÍN
12	16	Anti B 10ml	Lọ	Linear Chemicals	Spain	Lọ 10mL	70	105.000	7.350.000	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ NGHĨA TÍN
13	17	Anti D 10ml	Lọ	Linear Chemicals	Spain	Lọ 10mL	8	162.000	1.296.000	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ NGHĨA TÍN
14	19	Alfa Diluent 20 lít	Bình	Boule Medical AB	Thụy Điển	20 lít/ Bình	59	4.748.000	280.132.000	Công ty TNHH Việt Phan
15	20	Alfa Lyse 5 lít	Bình	Boule Medical AB	Thụy Điển	05 lít/ Bình	59	6.199.000	365.741.000	Công ty TNHH Việt Phan
16	21	M-Series Diluent 20 lít	Thùng	Boule Medical AB	Sweden	Thùng 20 lít	50	4.296.820	214.841.000	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ NGHĨA TÍN
17	22	M-Series Lyse 5 lít	Thùng	Boule Medical AB	Sweden	Thùng 5 lít	60	4.912.094	294.725.640	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ NGHĨA TÍN
18	23	Hematolgy Diluent	Bình	CDS	Mỹ	20 Lit	148	5.740.000	849.520.000	Công ty TNHH thương mại kỹ thuật TPCOM
19	26	ASAT 60 (1-214)	Hộp	Cormay	Poland	5x48ml, 1x60ml	24	1.182.000	28.368.000	Công ty CP Dược vật tư y tế Thái Bình
20	27	Anti A, Monoclonal - 10010	Lọ	Linear Chemicals	Spain	Lọ 10mL	370	105.000	38.850.000	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ NGHĨA TÍN

STT	STT HSMT	Tên hóa chất	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nhà thầu
21	28	Anti A,B, Monoclonal - 10030	Lọ	Linear Chemicals	Spain	Lọ 10mL	370	105.000	38.850.000	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ NGHĨA TÍN
22	29	Anti B, Monoclonal - 10020	Lọ	Linear Chemicals	Spain	Lọ 10mL	370	105.000	38.850.000	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ NGHĨA TÍN
23	30	Anti D IgG + IgM , Monoclonal - 10040	Lọ	Linear Chemicals	Spain	Lọ 10mL	161	162.000	26.082.000	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ NGHĨA TÍN
24	31	Anti human Globulin AHG - 10070	Lọ	Linear Chemicals	Spain	Lọ 10mL	16	295.000	4.720.000	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ NGHĨA TÍN
25	32	Anti D IgG + IgM , Monoclonal 10ml	Lọ	Linear Chemicals	Spain	Lọ 10mL	24	162.000	3.888.000	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ NGHĨA TÍN
26	33	Anti A	Lọ	Linear Chemicals	Spain	Lọ 10mL	30	105.000	3.150.000	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ NGHĨA TÍN
27	34	Anti AB	Lọ	Linear Chemicals	Spain	Lọ 10mL	30	105.000	3.150.000	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ NGHĨA TÍN
28	35	Anti B	Lọ	Linear Chemicals	Spain	Lọ 10mL	30	105.000	3.150.000	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ NGHĨA TÍN
29	36	Huyết thanh mẫu A	Lọ	Linear Chemicals	Spain	Lọ 10mL	21	105.000	2.205.000	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ NGHĨA TÍN
30	37	Huyết thanh mẫu A+B	lọ	Diagast	Pháp	10ml	21	168.000	3.528.000	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm
31	38	Huyết thanh mẫu B	lọ	Diagast	Pháp	10ml	21	168.000	3.528.000	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm
32	39	Fibri Prest 2	Lọ	Diagon	Hungary	Hộp 12 lọ x 2mL	1020	251.429	256.457.580	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ NGHĨA TÍN
33	40	STA CaCl2 0,025M	Lọ	Diagon	Hungary	Hộp 12 lọ x 16mL	200	55.756	11.151.200	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ NGHĨA TÍN
34	41	STA CaCl2 0,025ml	Hộp	Diagnostica Stago	Pháp	24x15ml	101	3.950.000	398.950.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
35	42	STA Cleaner Solution	Hộp	Diagnostica Stago	Pháp/Ai Len	6x2,5 lít	101	10.050.000	1.015.050.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
36	43	Sta Coag -Control N+P(24lọ*1ml)	Hộp	Diagnostica Stago	Pháp	24 lọ x1ml	1	8.250.000	8.250.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
37	44	STA Desorb U	Hộp	Diagnostica Stago	Pháp	24x15ml	101	6.300.000	636.300.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
38	45	Sta LiatestD.DI(6*6ml)	Hộp	Diagnostica Stago	Pháp	6x6ml/6x5ml	1	54.000.000	54.000.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
39	46	STA Neoplastine CI+5	Lọ	Diagnostica Stago	Pháp	6 lọx5ml	806	395.000	318.370.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
40	47	STA Owren Koller	Hộp	Diagnostica Stago	Pháp	24x15ml	101	3.625.000	366.125.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công

STT	STT HSMT	Tên hóa chất	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nhà thầu
41	48	STA Thrombin 2	Hộp	Diagnostica Stago	Pháp	12x2ml	51	3.239.000	165.189.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
42	49	DIA-CaCl2	Lọ	Diagon	Hungary	Hộp 12 lọ x 16mL	360	55.756	20.072.160	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ NGHĨA TÍN
43	50	DIA - COAG - CLEANER	Thùng	Diagon	Hungary	Thùng 4500mL	36	5.148.000	185.328.000	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ NGHĨA TÍN
44	53	DIA-IMIDAZOL	Lọ	Diagon	Hungary	Hộp 12 lọ x 15mL	576	73.991	42.618.816	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ NGHĨA TÍN
45	59	CLEANER SOLUTION (Hóa chất rửa máy)	Can	Diagon	Hungary	2500ml/ can	20	3.380.000	67.600.000	Liên danh Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Trí Đức và Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Dịch vụ Anh Phát
46	60	DIA-CACL2 (Dung dịch Canxi)	Hộp	Diagon	Hungary	Hộp 12 lọ x 16mL	2	669.072	1.338.144	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ NGHĨA TÍN
47	61	DIA-FIB2 (Định lượng Fibrinogen)	Hộp	Diagon	Hungary	Hộp 12 lọ x 2mL	5	3.017.148	15.085.740	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ NGHĨA TÍN
48	71	Murex HBsAg Version 3.0	test	Diasorin S.p.A	Anh	Hộp 480 test	11.520	23.030	265.305.600	Công ty CP Y tế Đức Minh
49	72	HCV	test	Biorex	Anh	480 test	24	20.554	493.300	Công ty TNHH Khoa Học Kỹ Thuật Vietlab
50	73	Murex HIV 1.2.0	test	Diasorin S.p.A	Anh	Hộp 480 test	11.520	23.030	265.305.600	Công ty CP Y tế Đức Minh
51	75	APTT (APTT-XL)	Lọ	Fisher	Mỹ	Lọ 4ml	50	400.000	20.000.000	Công ty TNHH Thiết bị y tế Phương Đông
52	76	BOVINE THROMBIN 10 x2ml	Lọ	Fisher	Mỹ	Lọ 2ml	400	420.000	168.000.000	Công ty TNHH Thiết bị y tế Phương Đông
53	77	Cacl 0,02M	Hộp	Fisher	Mỹ	Hộp 10 lọ x 10 ml	4	4.100.000	16.400.000	Công ty TNHH Thiết bị y tế Phương Đông
54	78	CACL2 0,02M 10x10ml	Lọ	Fisher	Mỹ	Lọ 10ml	250	410.000	102.500.000	Công ty TNHH Thiết bị y tế Phương Đông
55	79	IMIDAZOLE BUFFER 2x135ml	Lọ	Fisher	Mỹ	Lọ 135ml	8	1.780.000	14.240.000	Công ty TNHH Thiết bị y tế Phương Đông
56	80	THROMBIN TIME 10x1ml	Lọ	Fisher	Mỹ	Lọ 1ml	80	400.000	32.000.000	Công ty TNHH Thiết bị y tế Phương Đông
57	81	THROMBO PLASTIN DS 10x4ml	Lọ	Fisher	Mỹ	Lọ 4ml	400	380.000	152.000.000	Công ty TNHH Thiết bị y tế Phương Đông
58	82	APTT-XL 10x4ml	Lọ	Fisher	Mỹ	Lọ 4ml	30	400.000	12.000.000	Công ty TNHH Thiết bị y tế Phương Đông
59	83	Ftress Fibriongen	Hộp	Fortress Diagnostics	Anh	2x2ml + 1x20ml	20	2.327.500	46.550.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ & THIẾT BỊ THIÊN PHÚC
60	84	Ftress PT	Hộp	Fortress Diagnostics	Anh	10x5ml	10	6.441.000	64.410.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ & THIẾT BỊ THIÊN PHÚC
61	85	Ftress Special Cleaning solution	Hộp	Fortress Diagnostics	Anh	500ml	10	3.467.500	34.675.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ & THIẾT BỊ THIÊN PHÚC
62	86	Anti A, B, AB	Bộ	Fortress Dianogstic	Anh	3x10ml	20	585.000	11.700.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ & THIẾT BỊ THIÊN PHÚC
63	87	Anti D	lọ	Fortress Dianogstic	Anh	1x10ml	20	441.000	8.820.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ & THIẾT BỊ THIÊN PHÚC
64	88	APTT-XL	Hộp	Fisher	Mỹ	Hộp 10 lọ x 4ml	6	4.000.000	24.000.000	Công ty TNHH Thiết bị y tế Phương Đông
65	89	TPLN-DS	Hộp	Fisher	Mỹ	Hộp 10 lọ x 4ml	15	3.800.000	57.000.000	Công ty TNHH Thiết bị y tế Phương Đông
66	90	Ống chống đông EDTA	Ống	HBA	Việt Nam	100 ống/hộp	173.900	560	97.384.000	Công ty CP Dược vật tư y tế Thái Bình

STT	STT HSMT	Tên hóa chất	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nhà thầu
67	91	Ống chống đông EDTA	ống	HTM	Việt Nam	100 ống/hộp	160.400	756	121.262.400	Công ty CP Dược vật tư y tế Thái Bình
68	92	Ống chống đông Heparin	ống	HTM	Việt Nam	100 ống/hộp	458.200	825	378.015.000	Công ty CP Dược vật tư y tế Thái Bình
69	93	ống chống đông Natricitrat 3.8 %	cái	HTM	Việt Nam	100 cái/hộp	122.400	825	100.980.000	Công ty CP Dược vật tư y tế Thái Bình
70	100	Anti A,B,AB	bộ	Biorex	Anh	10ml	30	350.000	10.500.000	Công ty TNHH Khoa Học Kỹ Thuật Vietlab
71	101	Fibinogen	Hộp	Elitech	Pháp	1x25ml	1	4.752.000	4.752.000	Công ty TNHH Vạn Niên
72	102	APTT	Hộp	IL	Mỹ	5x4ml+1x20ml	6	10.800.000	64.800.000	Công ty TNHH Thiết bị Phúc An
73	103	APTT-SP (Liquid)	Hộp	IL	Mỹ	5x9ml+5x8ml	6	10.600.000	63.600.000	Công ty TNHH Thiết bị Phúc An
74	104	Fibrinogen	Hộp	IL	Mỹ	5x2ml	6	10.800.000	64.800.000	Công ty TNHH Thiết bị Phúc An
75	105	Fibrinogen-C	Hộp	IL	Mỹ	10x2ml	1	16.800.000	16.800.000	Công ty TNHH Thiết bị Phúc An
76	106	PT	Hộp	IL	Mỹ	5x4ml	6	10.260.000	61.560.000	Công ty TNHH Thiết bị Phúc An
77	107	PT-Fibrinogen HS Plus	Hộp	IL	Mỹ	5x8.5+5x8.5	10	15.600.000	156.000.000	Công ty TNHH Thiết bị Phúc An
78	108	Thrombin Time	Hộp	IL	Mỹ	4x2ml+1x9ml	7	5.900.000	41.300.000	Công ty TNHH Thiết bị Phúc An
79	111	LeucoLyse (WBC Lyse)	Thùng	J.T Baker	Hà Lan	5 lít	12	12.000.000	144.000.000	Công ty TNHH Thiết bị Phúc An
80	112	Ống chống đông Natri Citrat 3,8%	Ống	KLC	Việt Nam	100 ống/hộp	400	868	347.200	Công ty CP Dược vật tư y tế Thái Bình
81	113	LAB Cacl2 0,025M for aPTT determinations ; Liquid	Hộp	Labitec	Đức	10x4ml	14	6.900.000	96.600.000	Công ty TNHH thương mại kỹ thuật TPCOM
82	117	LAB. aPTT Rabbit brain cephalin with Ellagic acid; Liquid	Hộp	Labitec	Đức	10x4ml	14	6.900.000	96.600.000	Công ty TNHH thương mại kỹ thuật TPCOM
83	118	LAB. PT recombinant thromboplastin liquid	Hộp	Labitec	Đức	10x4ml	18	7.380.000	132.840.000	Công ty TNHH thương mại kỹ thuật TPCOM
84	119	Ống chống đông EDTA	Ống	Medical.co-KLC	Việt Nam	100 ống/hộp	216.400	600	129.840.000	Công ty CP Dược vật tư y tế Thái Bình
85	122	Hemolynac 3N (500ml)	Can	Nihon Kohden	Nhật Bản	Can 500ml	56	2.480.000	138.880.000	Công ty TNHH Thiết bị y tế Phương Đông
86	123	Isotonac 3 (18lit/can)	Can	Nihon Kohden	Nhật Bản	Can 18 lít	60	2.480.000	148.800.000	Công ty TNHH Thiết bị y tế Phương Đông
87	124	Mẫu máu chuẩn (máu chuẩn MEK-5DN)	Lọ	Nihon Kohden	Nhật	Lọ 3ml	7	5.200.000	36.400.000	Công ty TNHH Thiết bị y tế Phương Đông
88	125	Chuẩn máy huyết học MEK 6420K (máu chuẩn MEK-3DN)	Lọ	Nihon Kohden	Nhật	Lọ 2ml	3	1.500.000	4.500.000	Công ty TNHH Thiết bị y tế Phương Đông
89	126	Murex HIV Ag/Ab Combination	hộp	Diasorin S.p.A	Anh	Hộp 96 test	5	3.939.600	19.698.000	Công ty CP Y tế Đức Minh
90	127	Test nhanh chẩn đoán nhanh HBsAg	Test	Phamatech	Hoa Kỳ	50 Test/Hộp	49.900	24.500	1.222.550.000	Công ty TNHH TM Hùng Phương
91	128	Test nhanh chẩn đoán HCV	Test	Phamatech	Hoa Kỳ	30 Test/Hộp	5.300	36.500	193.450.000	Công ty TNHH TM Hùng Phương
92	129	Test nhanh chẩn đoán HIV	Test	Phamatech	Hoa Kỳ	25 Test/Hộp	12.000	29.700	356.400.000	Công ty TNHH TM Hùng Phương
93	130	Test thử HBsAg chậm	Test	Phamatech	Hoa Kỳ	96 Test/Hộp	12.020	17.500	210.350.000	Công ty TNHH TM Hùng Phương
94	131	Test thử HCV chậm	Test	Phamatech	Hoa Kỳ	96 Test/Hộp	11.520	45.500	524.160.000	Công ty TNHH TM Hùng Phương
95	132	Test thử HIV chậm	Test	Phamatech	Hoa Kỳ	96 Test/Hộp	12.020	34.000	408.680.000	Công ty TNHH TM Hùng Phương
96	133	Test thử HIV nhanh	Test	Phamatech	Hoa Kỳ	25 Test/Hộp	37.000	29.700	1.098.900.000	Công ty TNHH TM Hùng Phương
97	134	Anti HBS	Hộp	Roche	Đức	100 test	15	3.585.600	53.784.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công

STT	STT HSMT	Tên hóa chất	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nhà thầu
98	135	HBeAg	Hộp	Roche	Đức	200 test	5	6.000.000	30.000.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
99	138	Coagpia APTT-N APTT	Hộp	Sekisui	Nhật bản	10lọ x 4ml	40	6.095.600	243.824.000	Liên danh Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Trí Đức và Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Dịch vụ Anh Phát
100	139	Coagpia APTT-N CaCl2	Hộp	Sekisui	Nhật bản	10lọ x 4ml	30	2.898.400	86.952.000	Liên danh Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Trí Đức và Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Dịch vụ Anh Phát
101	140	Coagpia Fbg Sample Diluent	Hộp	Sekisui	Nhật bản	10 x10ml	50	5.964.000	298.200.000	Liên danh Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Trí Đức và Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Dịch vụ Anh Phát
102	142	Coagpia PT-N	Hộp	Sekisui	Nhật bản	10 lọ x10ml	50	8.595.600	429.780.000	Liên danh Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Trí Đức và Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Dịch vụ Anh Phát
103	143	CP2000 New Alkali	chai	Sekisui	Nhật bản	250 ml/chai	5	4.492.000	22.460.000	Liên danh Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Trí Đức và Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Dịch vụ Anh Phát
104	144	CP2000 rinsing water tank filter	đơn vị	Sekisui	Nhật bản	1 đơn vị	5	3.496.000	17.480.000	Liên danh Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Trí Đức và Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Dịch vụ Anh Phát
105	145	Nanopia D dimer	Hộp	Sekisui	Nhật bản	Set (R1 10,5ml; R2 10ml)	1	17.958.720	17.958.720	Liên danh Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Trí Đức và Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Dịch vụ Anh Phát
106	146	Nanopia P-FDP	Hộp	Sekisui	Nhật bản	Set (R1 10,5ml; R2 10ml)	1	17.958.720	17.958.720	Liên danh Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Trí Đức và Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Dịch vụ Anh Phát
107	148	Ống chống đông EDTA	Ống	Shandong Chengwu	Trung Quốc	100 ống /Hộp	17.000	2.300	39.100.000	Công ty TNHH thương mại kỹ thuật TPCOM
108	149	ống đo tốc độ máu lắng	Hộp	Shandong Chengwu	Trung Quốc	100 ống/hộp	2.184	1.530.000	3.341.520.000	Công ty TNHH thương mại kỹ thuật TPCOM
109	150	Calcium chlorid (0,025 mol)	Hộp	Siemens	Đức	15ml x 10	30	6.390.000	191.700.000	Công ty TNHH XNK thiết bị y tế An Bình
110	151	Standard human plasma (10 x1ml)	Hộp	Siemens	Đức	1ml x 10	10	11.780.000	117.800.000	Công ty TNHH XNK thiết bị y tế An Bình
111	152	Test Thrombin Reagent 30 NIH	Hộp	Siemens	Đức	5mlx10	20	4.900.000	98.000.000	Công ty TNHH XNK thiết bị y tế An Bình
112	153	Thrombin (100 NIH U/ml)	Hộp	Siemens	Đức	1mlx10	50	8.790.000	439.500.000	Công ty TNHH XNK thiết bị y tế An Bình
113	154	Control Plasma N	Hộp	Simens	Đức	1mlx10	2	15.780.000	31.560.000	Công ty TNHH XNK thiết bị y tế An Bình
114	155	Control Plasma P	Hộp	Simens	Đức	1mlx10	2	15.780.000	31.560.000	Công ty TNHH XNK thiết bị y tế An Bình
115	156	Thrombinreagent (1ml x10)	Hộp	Simens	Đức	1mlx10	2	7.680.000	15.360.000	Công ty TNHH XNK thiết bị y tế An Bình
116	157	STA Cephascreen 10	Hộp	Stago	Pháp	12x10ml	100	27.839.000	2.783.900.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
117	158	STA CK Prest 5	Hộp	Stago	Pháp	6x5ml	101	6.390.000	645.390.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công

STT	STT HSMT	Tên hóa chất	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nhà thầu
118	159	STA Control FM Control	Hộp	Stago	Pháp	6x2x1ml	10	8.745.000	87.450.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
119	160	STA Control LA 1+2	Hộp	Stago	Pháp	3x2x1ml	10	7.100.000	71.000.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
120	161	STA Deficient IX	Hộp	Stago	Pháp	6x1ml	10	9.230.000	92.300.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
121	162	STA Deficient V	Hộp	Stago	Pháp	6x1ml	10	2.090.000	20.900.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
122	163	STA Deficient VII	Hộp	Stago	Pháp	6x1ml	10	15.200.000	152.000.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
123	164	STA Deficient VIII	Hộp	Stago	Pháp	6x1ml	10	8.396.000	83.960.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
124	165	STA Deficient X	Hộp	Stago	Pháp	6x1ml	10	7.837.000	78.370.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
125	166	STA immunoDef VIII	Hộp	Stago	Pháp	6x1ml	10	9.500.000	95.000.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
126	167	STA Liatest Control N+P	Hộp	Stago	Pháp	12x2x1ml	10	11.460.000	114.600.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
127	168	STA Liatest FM	Hộp	Stago	Pháp	6x4ml/6x2ml	10	37.038.000	370.380.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
128	169	STA Liatest Free Protein S	Hộp	Stago	Pháp	3x2ml	10	21.000.000	210.000.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
129	170	STA LiatestD-Di plus	Hộp	Stago	Pháp	6x6ml	20	55.889.000	1.117.780.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
130	171	STA Liquid Anti Xa 4	Hộp	Stago	Pháp	6x4ml	10	25.150.000	251.500.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
131	172	STA Liquid Fib	Hộp	Stago	Pháp	12x4ml	200	16.756.000	3.351.200.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
132	173	STA Neoplastin R15	Hộp	Stago	Pháp	12x15ml	100	13.489.000	1.348.900.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công

STT	STT HSMT	Tên hóa chất	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nhà thầu
133	174	STA PTT-LA	Hộp	Stago	Pháp	6x2ml	10	5.150.000	51.500.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
134	175	STA Stachrom Protein C	Hộp	Stago	Pháp	6x3ml	10	78.900.000	789.000.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
135	176	STA Thrombin 10	Hộp	Stago	Pháp	12x10ml	50	15.378.000	768.900.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
136	177	STA Unicalibrator	Hộp	Stago	Pháp	6x1ml	4	4.150.000	16.600.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
137	178	Test nhanh chẩn đoán HbsAg (SD Bioline HBsAg)	Test	Standard Diagnostic, InC	Hàn Quốc	Hộp 100 test	14.700	13.650	200.655.000	Công ty CP Y tế Đức Minh
138	180	Test nhanh chuẩn đoán HCV (SD Bioline HCV) 100test/hộp	test	Standard Diagnostic, InC	Hàn Quốc	Hộp 100 test	15.000	29.500	442.500.000	Công ty CP Y tế Đức Minh
139	181	Cell clean (CL - 50)	Lọ	Sysmex	Nhật	50mlx1	44	2.950.000	129.800.000	Công ty TNHH XNK thiết bị y tế An Bình
140	184	Cellpack	Thùng	Sysmex	Singapore	20Lx1	20	3.140.000	62.800.000	Công ty TNHH XNK thiết bị y tế An Bình
141	186	Cellpack DFL 1.5L x 2	Hộp	Sysmex	Nhật bản	1.5Lx2	20	9.260.000	185.200.000	Công ty TNHH XNK thiết bị y tế An Bình
142	191	Stromatolyser 4DL (Stromatolyser-4DL)	Hộp	Sysmex	Singapore	5lx1	48	17.910.000	859.680.000	Công ty TNHH XNK thiết bị y tế An Bình
143	192	Stromatolyser 4DS (Stromatolyser-4 DS)	Hộp	Sysmex	Singapore	42mlx3	112	17.820.000	1.995.840.000	Công ty TNHH XNK thiết bị y tế An Bình
144	193	Stromatolyser FB (Stromatolyser FB)	Hộp	Sysmex	Singapore	5Lx1	48	6.410.000	307.680.000	Công ty TNHH XNK thiết bị y tế An Bình
145	194	Stromatolyser-WH	Lọ	Sysmex	Singapore	500mlx1	25	2.920.000	73.000.000	Công ty TNHH XNK thiết bị y tế An Bình
146	195	Sulfolyer (SLS- 220A)	Hộp	Sysmex	Singapore	5Lx1	10	7.390.000	73.900.000	Công ty TNHH XNK thiết bị y tế An Bình
147	197	sulfolyer 1.5Lx2	Hộp	Sysmex	Nhật Bản	1.5Lx2	8	9.685.000	77.480.000	Công ty TNHH XNK thiết bị y tế An Bình
148	198	SYS Concentrated Cleaning	Lọ	Sysmex/ Nhật Bản	Nhật Bản	500ml	20	2.385.000	47.700.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ & THIẾT BỊ THIÊN PHÚC
149	199	SYS-Diluent	Can	Sysmex/ Nhật Bản	Nhật Bản	20l	20	2.250.000	45.000.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ & THIẾT BỊ THIÊN PHÚC
150	200	SYS-Lyser	Lọ	Sysmex/ Nhật Bản	Nhật Bản	500ml	15	3.141.000	47.115.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ & THIẾT BỊ THIÊN PHÚC
151	201	TriniCAL Fibrinogen (10x1ml)	Lọ	Tcoag	Ireland	10x1ml	2	1.590.000	3.180.000	Công ty TNHH Vạn Niên
152	202	TriniCAL Reference Plasma (10x1ml)	Lọ	Tcoag	Ireland	10x1ml	5	1.590.000	7.950.000	Công ty TNHH Vạn Niên
153	203	TriniCLOT aPTT S 10 ml (5x10ml)	Hộp	Tcoag	Ireland	5x10ml	10	15.201.000	152.010.000	Công ty TNHH Vạn Niên
154	204	TriniCLOT aPTT S 3 ml (5x3ml)	Hộp	Tcoag	Ireland	5x3ml	10	8.562.000	85.620.000	Công ty TNHH Vạn Niên
155	205	TriniCLOT Fibrinogen 6 ml (10x6ml)	Hộp	Tcoag	Ireland	10x6ml	22	36.700.000	807.400.000	Công ty TNHH Vạn Niên
156	206	TriniCLOT Imidazole Buffer (6x20ml)	Hộp	Tcoag	Ireland	6x20ml	17	4.500.000	76.500.000	Công ty TNHH Vạn Niên

STT	STT HSMT	Tên hóa chất	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nhà thầu
157	207	TriniCLOT PT Excel 20 ml (5x20ml)	Hộp	Tcoag	Ireland	5x20ml	5	15.950.000	79.750.000	Công ty TNHH Vạn Niên
158	208	TriniCLOT PT Excel 6 ml (10x6ml)	Hộp	Tcoag	Ireland	10x6ml	15	11.987.000	179.805.000	Công ty TNHH Vạn Niên
159	209	TriniCLOT Thrombin Time (10x4ml)	Hộp	Tcoag	Ireland	10x4ml	5	8.800.000	44.000.000	Công ty TNHH Vạn Niên
160	210	TriniCHECK Control 1 (10x1ml)	Hộp	Tcoag	Ireland	10x1ml	5	1.490.000	7.450.000	Công ty TNHH Vạn Niên
161	211	TriniCHECK Control 2 (10x1ml)	Hộp	Tcoag	Ireland	10x1ml	4	1.490.000	5.960.000	Công ty TNHH Vạn Niên
162	212	TriniCHECK Control abnormal (10x1ml)	Hộp	Tcoag	Ireland	10x1ml	5	1.734.000	8.670.000	Công ty TNHH Vạn Niên
163	213	TriniCHECK Level 1 (10x1ml)	Hộp	Tcoag	Ireland	10x1ml	3	1.267.000	3.801.000	Công ty TNHH Vạn Niên
164	214	TriniCHECK Level 2 (10x1ml)	Hộp	Tcoag	Ireland	10x1ml	3	1.267.000	3.801.000	Công ty TNHH Vạn Niên
165	215	Thrombine time (TT)	Hộp	Tcoag	Ireland	10x1ml	80	2.500.000	200.000.000	Công ty TNHH Vạn Niên
166	216	Ông đo tốc độ máu lắng	Cái	Vital (thuộc tập đoàn Elitech Group)	Italia	50 cái / hộp	700	9.500	6.650.000	Công ty TNHH Thiết bị y tế Phương Đông
167	218	Test thử Heroin (test thử Morphin)	test	Abon	Trung Quốc	50 test/hộp	5.000	8.500	42.500.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
168	219	Combi 11 (test thử nước tiểu 11 TS)	Hộp	Analyticon	Đức	Lọ 150 que	550	550.000	302.500.000	Công ty TNHH Thiết bị y tế Phương Đông
169	220	Que thử nước tiểu 11TS (Combi-Screen)	Hộp	Analyticon	Đức	Lọ 150 que	250	550.000	137.500.000	Công ty TNHH Thiết bị y tế Phương Đông
170	221	Urinary / CSF protein OSR6170	hộp	Beckman Coulter	Ailen	4x19ml +1x3ml	11	6.108.900	67.197.900	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm
171	222	URINE CLEANER SOLUTION	Hộp	Bio Apex	Canada	500ml	10	2.457.000	24.570.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ & THIẾT BỊ THIÊN PHÚC
172	223	Uro Dip 11P - Thanh thử nước tiểu 10/ 11 thông số	Hộp	Bio Apex	Canada	100 thanh	120	679.250	81.510.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ & THIẾT BỊ THIÊN PHÚC
173	224	Uro Dip Calibration - Thanh thử chuẩn máy nước tiểu	Hộp	Bio Apex	Canada	3 thanh/ 3 mức	3	585.000	1.755.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ & THIẾT BỊ THIÊN PHÚC
174	227	Que thử nước tiểu 11 thông số Self Stik	Hộp	Chungdo	Hàn Quốc	100 Test/ Hộp	1.310	600.000	786.000.000	Công ty TNHH thương mại kỹ thuật TPCOM
175	228	Cybow	hộp	DFI	Hàn Quốc	100 test/hộp	200	400.000	80.000.000	Công ty CP Dược vật tư y tế Thái Bình
176	229	Test thử nước tiểu 11 thông số	Test	DFI Co., Ltd	Hàn Quốc	100test/hộp	31.400	6.500	204.100.000	Liên danh Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Trí Đức và Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Dịch vụ Anh Phát
177	230	Test xét nghiệm nước tiểu reader 300	Hộp	DFI	Hàn Quốc	100 test/hộp	1.580	800.000	1.264.000.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
178	231	Protein Total in Urine/CSF	Hộp	Dialab	Áo	5x25ml	2	1.600.000	3.200.000	Công ty TNHH Thiết bị Phúc An
179	233	Protein Total Urine/CSF Std D03600	hộp	Dialab	Áo	1x3ml	5	231.000	1.155.000	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm

STT	STT HSMT	Tên hóa chất	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nhà thầu
180	235	Column Unit	Hộp	Fortress Diagnostics	Anh	1 chiếc/ hộp	12	3.325.000	39.900.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ & THIẾT BỊ THIÊN PHÚC
181	236	Test nước tiểu Dus 11M	Hộp	Gyung-Nam	Hàn Quốc	100 test/hộp	50	400.000	20.000.000	Công ty CP Dược vật tư y tế Thái Bình
182	238	Hóa chất điện giải niệu (Urine diluent)	Hộp	I.S.E	Italy	1*120 ml	9	6.690.000	60.210.000	Công ty TNHH thương mại kỹ thuật TPCOM
183	239	Micro Abumin	Hộp	Elitech	Pháp	1x50ml	1	6.532.000	6.532.000	Công ty TNHH Vạn Niên
184	240	Test thử nước tiểu 11 thông số Uryxon stic	Hộp	Macherey - Nagel	Đức	100 test/ hộp	200	475.000	95.000.000	Liên danh Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Trí Đức và Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Dịch vụ Anh Phát
185	242	Que thử nước tiểu 11 thông số LABUREADER PLUS ( Labstrip U11 Plus )	Hộp	77 Elek tronika	Hungary	150 test/ hộp	50	920.000	46.000.000	Liên danh Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Trí Đức và Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Dịch vụ Anh Phát
186	244	10171735122 PRECINORM U 4x5ml	Hộp	Roche	Đức	4x5ml	4	1.245.000	4.980.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
187	245	10171760122 PRECIPATH U 4x5ml	Hộp	Roche	Đức	4x5ml	4	1.436.000	5.744.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
188	246	Clinitek Atlas Negative Control 5037	Hộp	Siemens	Mỹ	25 test/hộp	6	1.900.000	11.400.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
189	247	Clinitek Atlas Possitive Control 5019	Hộp	Siemens	Mỹ	25 test/hộp	6	1.900.000	11.400.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
190	248	Clinitek Novus Cal Kit	Hộp	Siemens	Mỹ	4x230ml	6	3.500.000	21.000.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
191	249	Clinitek Novus Rinse Addtive	Hộp	Siemens	Mỹ	4x26ml	6	3.500.000	21.000.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
192	250	Test thử Multistix 10TS	Hộp	Siemens	Ba Lan	100 test/hộp	741	818.000	606.138.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
193	251	Thanh thử nước tiểu Novus Pro 12 Cassette	Hộp	Siemens	Mỹ	450 test/hộp	80	4.285.000	342.800.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
194	252	Test nước tiểu TC URS - 10	Test	TECO	Mỹ	Hộp 100 test	20.000	5.000	100.000.000	Công ty CP Thiết bị y tế Thái An
195	253	Microalbumin	Hộp	Spinreact	Tây Ban Nha	1 x 40 mL / 1 x 10 mL	2	4.935.000	9.870.000	Công ty TNHH XNK thiết bị y tế An Bình
196	255	Cartridge EG7	Test	Abbott	Canada	25 test/hộp	3300	160.000	528.000.000	Công ty TNHH Thiết bị y tế Phương Đông
197	256	Access AccuTnl+3 (DxI)-A98264	Hộp	Beckman Coulter	Mỹ	2x50XN	6	6.816.600	40.899.600	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm
198	257	Access AccuTnl+3 Calibrators (DxI)-A98265	Hộp	Beckman Coulter	Mỹ	2x1.5ml +4x1ml	1	2.312.100	2.312.100	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm
199	258	Access AccuTnl Calibrators-33345	Hộp	Beckman Coulter	Mỹ	6x1ml	1	2.515.800	2.515.800	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm

STT	STT HSMT	Tên hóa chất	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nhà thầu
200	259	Access AccuTnl-A78803	Hộp	Beckman Coulter	Mỹ	2x50XN	6	7.547.400	45.284.400	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm
201	263	Access BR MONITOR CALIBRATORS 387647	Hộp	Beckman Coulter	Mỹ	6x1.5ml	1	5.320.350	5.320.350	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm
202	268	Access CK-MB Calibrators-386372	Hộp	Beckman Coulter	Mỹ	6x2ml	1	2.796.150	2.796.150	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm
203	269	Access CK-MB-386371	Hộp	Beckman Coulter	Mỹ	2x50XN	12	3.787.350	45.448.200	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm
204	270	Access Cortisol Calibrators-33605	Hộp	Beckman Coulter	Mỹ	6x4ml	1	3.635.100	3.635.100	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm
205	271	Access Cortisol-33600	Hộp	Beckman Coulter	Mỹ	2x50XN	6	3.152.100	18.912.600	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm
206	273	Access ESTRADIOL CALIBRATOR S0	Hộp	Beckman Coulter	Mỹ	1x4ml	1	1.395.450	1.395.450	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm
207	275	Access Folate Calibrators-A98033	Hộp	Beckman Coulter	Mỹ	6x4ml	1	5.311.950	5.311.950	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm
208	276	Access Folate-A98032	Hộp	Beckman Coulter	Mỹ	2x50XN	6	3.456.600	20.739.600	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm
209	277	Access Free T3 Calibrators-A13430	Hộp	Beckman Coulter	Pháp	6x2.5ml	1	3.913.350	3.913.350	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm
210	278	Access Free T3-A13422	Hộp	Beckman Coulter	Mỹ	2x50XN	6	2.822.400	16.934.400	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm
211	279	Access Free T4 Calibrators-33885	Hộp	Beckman Coulter	Mỹ	6x2.5ml	1	2.796.150	2.796.150	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm
212	280	Access Free T4-33880	Hộp	Beckman Coulter	Mỹ	2x50XN	6	2.898.000	17.388.000	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm
213	285	Access HYPERSensitive hTSH Calibrators-33825	Hộp	Beckman Coulter	Mỹ	6x4ml	2	2.237.550	4.475.100	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm
214	286	Access HYPERSensitive hTSH-33820	Hộp	Beckman Coulter	Mỹ	2x50XN	6	2.898.000	17.388.000	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm
215	288	Access OV MONITOR CALIBRATORS 386358	Hộp	Beckman Coulter	Mỹ	6x2.5ml	1	4.041.450	4.041.450	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm
216	296	Access RED BLOOD CELL Folate LYSING AGENT-A14206	Hộp	Beckman Coulter	Mỹ	2x100ml	2	1.397.550	2.795.100	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm
217	297	Access Sample diluent A 81908	hộp	Beckman Coulter	Mỹ	1x4ml	12	1.438.500	17.262.000	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm
218	298	Access Substrate 81906	hộp	Beckman Coulter	Mỹ	4x130ml	34	11.304.300	384.346.200	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm
219	301	Access TOTAL IgE	Hộp	Beckman Coulter	Mỹ	2x50XN	1	4.091.850	4.091.850	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm
220	302	Access TOTAL IgE CALIBRATORS	Hộp	Beckman Coulter	Mỹ	6ml +6x4ml	1	3.635.100	3.635.100	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm
221	305	Access TOTAL T3	Hộp	Beckman Coulter	Mỹ	2x50XN	1	2.846.550	2.846.550	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm
222	306	Access TOTAL T3 CALIBRATORS	Hộp	Beckman Coulter	Mỹ	6x4ml	1	3.635.100	3.635.100	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm

STT	STT HSMT	Tên hóa chất	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nhà thầu
223	307	Access Total T3 Calibrators-33835	Hộp	Beckman Coulter	Mỹ	6x4ml	1	3.635.100	3.635.100	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm
224	308	Access Total T3-33830	Hộp	Beckman Coulter	Mỹ	2x50XN	6	2.846.550	17.079.300	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm
225	309	Access Total T4 Calibrators-33805	Hộp	Beckman Coulter	Mỹ	6x4ml	2	3.456.600	6.913.200	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm
226	310	Access Total T4-33800	Hộp	Beckman Coulter	Mỹ	2x50XN	6	2.898.000	17.388.000	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm
227	311	Access TPO Antibody Calibrators-A18227	Hộp	Beckman Coulter	Pháp	6x2ml	1	7.547.400	7.547.400	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm
228	312	Access TPO Antibody-A12985	Hộp	Beckman Coulter	Mỹ	2x50XN	6	8.817.900	52.907.400	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm
229	313	Access Thyroglobulin Antibody II Calibrators-A36920	Hộp	Beckman Coulter	Mỹ	4ml +5x2.5ml	1	8.386.350	8.386.350	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm
230	314	Access Thyroglobulin Antibody II-A32898	Hộp	Beckman Coulter	Mỹ	2x50XN	6	7.242.900	43.457.400	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm
231	315	Access Thyroglobulin Calibrators-33865	Hộp	Beckman Coulter	Mỹ	6x2ml	1	7.827.750	7.827.750	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm
232	316	Access Thyroglobulin Sample diluent -33866	Hộp	Beckman Coulter	Mỹ	1x14ml	2	2.515.800	5.031.600	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm
233	317	Access Thyroglobulin-33860	Hộp	Beckman Coulter	Mỹ	2x50XN	6	8.817.900	52.907.400	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm
234	318	Access Thyroid uptake Calibrators-33815	Hộp	Beckman Coulter	Mỹ	6x1ml	1	3.787.350	3.787.350	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm
235	319	Access Thyroid uptake-33810	Hộp	Beckman Coulter	Mỹ	2x50XN	6	2.515.800	15.094.800	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm
236	320	Access ULTRASENSITIVE hGH	Hộp	Beckman Coulter	Mỹ	2x50XN	1	14.700.000	14.700.000	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm
237	321	Access ULTRASENSITIVE hGH CALIBRATORS	Hộp	Beckman Coulter	Mỹ	6x2ml	1	7.350.000	7.350.000	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm
238	322	Access UNCONJUGATED ESTRIOL 33570	hộp	Beckman Coulter	Mỹ	2x50XN	1	3.898.650	3.898.650	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm
239	323	Access UNCONJUGATED ESTRIOL CALIBRATORS 33575	hộp	Beckman Coulter	Mỹ	4ml +6x2.5ml	1	7.928.550	7.928.550	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm
240	324	Access Vitamin B12 Calibrators-33005	Hộp	Beckman Coulter	Mỹ	6x4ml	1	2.515.800	2.515.800	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm
241	325	Access Vitamin B12-33000	Hộp	Beckman Coulter	Mỹ	2x50XN	6	3.787.350	22.724.100	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm
242	328	Citranox, 1 gallon 81912	lọ	Beckman Coulter	Mỹ	1 gallon	12	3.798.900	45.586.800	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm
243	331	Total $\beta$ hCG (5th IS) Calibrators B11754	hộp	Beckman Coulter	Mỹ	6x4ml	1	2.796.150	2.796.150	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm
244	332	TRASFERRIN OSR 6152	Hộp	Beckman Coulter	Ailen	4x7ml +4x8ml	6	29.726.550	178.359.300	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm

STT	STT HSMT	Tên hóa chất	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nhà thầu
245	333	Kit Elisa T3 - Bios	Hộp	Human	Đức	96 test/hộp	1	5.245.000	5.245.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
246	334	Kit Elisa T4 - DGR	Hộp	Human	Đức	96 test/hộp	1	5.245.000	5.245.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
247	335	Kit Elisa TSH - Bios	Hộp	Human	Đức	96 test/hộp	1	5.370.000	5.370.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
248	338	Access Immunoassay system reaction vessels	Hộp	Beckman Coulter	Mỹ	1000 cái	1	2.310.000	2.310.000	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm
249	339	Control Premium Plus tri -level IA3112	Hộp	Randox	Anh	4x3x5ml	3	9.950.000	29.850.000	Công ty TNHH Biolabs Việt Nam
250	340	Maternal Screening control Level 1	Lọ	Randox	Anh	3x1ml	1	1.961.000	1.961.000	Công ty TNHH Biolabs Việt Nam
251	341	Maternal Screening control Level 1 MSS5024	Hộp	Randox	Anh	3x1ml	2	1.961.000	3.922.000	Công ty TNHH Biolabs Việt Nam
252	342	Maternal Screening control Level 2	Lọ	Randox	Anh	3x1ml	1	1.961.000	1.961.000	Công ty TNHH Biolabs Việt Nam
253	343	Maternal Screening control Level 2 MSS5025	Hộp	Randox	Anh	3x1ml	2	1.961.000	3.922.000	Công ty TNHH Biolabs Việt Nam
254	344	Maternal Screening control Level 3	Lọ	Randox	Anh	3x1ml	1	1.961.000	1.961.000	Công ty TNHH Biolabs Việt Nam
255	345	Maternal Screening control Level 2 MSS5026	Hộp	Randox	Anh	3x1ml	2	1.961.000	3.922.000	Công ty TNHH Biolabs Việt Nam
256	347	04641655190 PSA RP	Hộp	Roche	Đức	100 test	10	6.700.000	67.000.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
257	349	AFP - CS- 04487761190	Hộp	Roche	Đức	4x1ml	2	1.679.000	3.358.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
258	350	AFP - RP 04481798190	Hộp	Roche	Đức	100 test	55	4.357.000	239.635.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
259	351	Anti CCP CS 11776576322	Hộp	Roche	Đức	4x1ml	1	1.210.000	1.210.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
260	352	Anti CCP RP 05031656190	Hộp	Roche	Đức	100 test	4	18.180.000	72.720.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
261	353	Anti TG calset 06368603190	Hộp	Roche	Đức	4x1ml	1	2.410.000	2.410.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
262	354	Anti TG RP 06368697190	Hộp	Roche	Đức	100 test	6	5.895.000	35.370.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công

STT	STT HSMT	Tên hóa chất	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nhà thầu
263	355	Anti- TPO Calset	Hộp	Roche	Đức	4x1ml	1	2.410.000	2.410.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
264	356	Anti- TPO Eles -06368590190	Hộp	Roche	Đức	100 test	6	5.895.000	35.370.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
265	357	Beta HCG	Hộp	Roche	Đức	100 test	30	5.249.000	157.470.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
266	358	Beta HCG - CS	Hộp	Roche	Đức	4x1ml	2	1.337.500	2.675.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
267	359	CA - 15 -3 CS 03045846122	Hộp	Roche	Đức	4x1ml	2	1.600.000	3.200.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
268	360	CA - 72- 4 CS 11776274122	Hộp	Roche	Đức	4x1ml	2	2.006.000	4.012.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
269	361	CA - 19-9 -CS 11776215122	Hộp	Roche	Đức	4x1ml	2	1.600.000	3.200.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
270	362	CA - 19-9 -RP 11776193122	Hộp	Roche	Đức	100 test	50	8.490.000	424.500.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
271	363	CA - 72- 4 RP 11776258122	Hộp	Roche	Đức	100 test	40	8.490.000	339.600.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
272	364	CA -125 CS II Elec 07030207190	Hộp	Roche	Đức	4x1ml	4	1.610.000	6.440.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
273	365	CA-125 RP II Elec 11776223190	Hộp	Roche	Đức	100 test	26	8.480.000	220.480.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
274	366	CA153 - CS	Hộp	Roche	Đức	4x1ml	2	1.600.000	3.200.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
275	367	CA15-3 RP 03045838122	Hộp	Roche	Đức	100 test	26	8.495.000	220.870.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
276	368	Cardiac control ProBNP- 04890493190	Hộp	Roche	Đức	2x1ml	3	1.330.000	3.990.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
277	369	CEA - CS 11731645322	Hộp	Roche	Đức	4x1ml	2	1.338.000	2.676.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công

STT	STT HSMT	Tên hóa chất	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nhà thầu
278	370	CEA - RP 11731629322	Hộp	Roche	Đức	100 test	60	4.870.000	292.200.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
279	371	CORTISOL CS -11875124122	Hộp	Roche	Đức	4x1ml	1	1.606.000	1.606.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
280	372	CORTISOL RP ELEC - 11875116122	Hộp	Roche	Đức	100 test	6	4.240.000	25.440.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
281	373	Cyfra CS - 11820974322	Hộp	Roche	Đức	4x1ml	2	1.870.000	3.740.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
282	375	Elec - cleancell - 6 * 380 11662970122	Hộp	Roche	Đức	6x380ml	110	1.875.000	206.250.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
283	376	Elec - Procell - 6 * 380 11662988122	Hộp	Roche	Đức	6x380ml	110	1.875.000	206.250.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
284	377	Elec Anti - TG Gen.2 - 04738578191	Hộp	Roche	Đức	100 test	6	5.895.000	35.370.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
285	378	Elecsys - HS - TNT 05092744190	Hộp	Roche	Đức	200 test	6	9.700.000	58.200.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
286	379	FOLATE II CS GEN 3 04874072190	Hộp	Roche	Đức	4x1ml	1	2.679.000	2.679.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
287	381	FREE - PSA - CS Gen 2 03289796190	Hộp	Roche	Đức	4x1ml	2	1.338.000	2.676.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
288	382	FREE - PSA Gen 2 03289788190	Hộp	Roche	Đức	100 test	4	6.700.000	26.800.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
289	383	FT3 III CS 06437222190	Hộp	Roche	Đức	4x1ml	2	1.338.000	2.676.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
290	384	FT3 III RP 06437206190	Hộp	Roche	Đức	200 test	15	5.898.000	88.470.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
291	385	FT3II-RP 03051986190	Hộp	Roche	Đức	200 test	2	5.898.000	11.796.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
292	389	FT4 II CS 06437290190	Hộp	Roche	Đức	4x1ml	2	1.339.000	2.678.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công

STT	STT HSMT	Tên hóa chất	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nhà thầu
293	390	FT4 II RP 06437281190	Hộp	Roche	Đức	200 test	15	5.916.000	88.740.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
294	391	Ise Cleaning 11298500316	Hộp	Roche	Đức	3x18ml	10	1.960.000	19.600.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
295	392	NSE CS - 12133121122	Hộp	Roche	Đức	4x1ml	2	2.010.000	4.020.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
296	393	NSE RP - 12133113122	Hộp	Roche	Đức	100 test	15	8.440.000	126.600.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
297	394	NT - pro BNP CS 04842472190	Hộp	Roche	Đức	4x1ml	2	1.380.000	2.760.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
298	395	NT - pro BNP RP 04842464190	Hộp	Roche	Đức	100 test	5	28.000.000	140.000.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
299	396	PRECICTRL- TUMOR - MAKER 11776452122	Hộp	Roche	Đức	4x3ml	4	2.947.000	11.788.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
300	397	PrecicTRL- Universal 11731416190	Hộp	Roche	Đức	4x3ml	4	1.610.000	6.440.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
301	398	PRECITRIL - Universal 11731416122	Hộp	Roche	Đức	4x3ml	4	1.610.000	6.440.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
302	399	pro BNP calset 04842472190	Hộp	Roche	Đức	4x1ml	1	1.445.000	1.445.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
303	400	pro BNP RP 04842464190	Hộp	Roche	Đức	100 test	6	27.945.000	167.670.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
304	401	Procalcitonin CS11776576322	Hộp	Roche	Đức	4x1ml	2	1.070.000	2.140.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
305	403	Procalcitonin RP 05056888200	Hộp	Roche	Đức	100 test	6	21.440.000	128.640.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
306	405	PSA - CS 04485220190	Hộp	Roche	Đức	4x1ml	2	1.165.000	2.330.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
307	406	PSA - RP 04641655190	Hộp	Roche	Đức	100 test	10	6.720.000	67.200.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công

STT	STT HSMT	Tên hóa chất	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nhà thầu
308	407	T3 - CS 11731548122	Hộp	Roche	Đức	4x1ml	4	1.340.000	5.360.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
309	408	T3 - RP 11731360122	Hộp	Roche	Đức	200 test	72	5.916.000	425.952.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
310	409	T4 - CS 12017717122	Hộp	Roche	Đức	4x1ml	2	1.340.000	2.680.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
311	410	T4 - RP 12017709122	Hộp	Roche	Đức	200 test	14	5.916.000	82.824.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
312	411	TG CALSET - 11820940122	Hộp	Roche	Đức	4x1ml	2	1.338.000	2.676.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
313	412	TG Gen3.- 05118921190	Hộp	Roche	Đức	100 test	6	10.412.000	62.472.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
314	413	TG RP Elecsys kit- 11820834122	Hộp	Roche	Đức	100 test	6	10.412.000	62.472.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
315	414	TSH - RP 11731459122	Hộp	Roche	Đức	200 test	77	5.960.000	458.920.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
316	415	TSH - CS	Hộp	Roche	Đức	4x1ml	4	1.335.000	5.340.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
317	416	Transferin CS	Hộp	Roche	Đức	4x1ml	1	2.190.000	2.190.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
318	417	Transferin RP	Hộp	Roche	Đức	100 test	6	9.795.000	58.770.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
319	418	Universal diluent 11732277122	Hộp	Roche	Đức	2x18ml	12	1.876.000	22.512.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
320	421	Ca Filling Solution R04S031	Hộp	SFRI	Pháp	1x30ml	1	4.494.000	4.494.000	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm
321	422	Preventive Maintenance Kit IS E series without TCO2 - 1 Year PMK0404	bộ	SFRI	Pháp	bộ	1	10.794.300	10.794.300	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm
322	423	CA Clean I (GSA-500A)	Hộp	Sysmex	Nhật Bản	50mlx1	50	3.725.000	186.250.000	Công ty TNHH XNK thiết bị y tế An Bình
323	424	CA Clean II (GSB-500A)	Hộp	Sysmex	Nhật Bản	500mlx1	50	4.240.000	212.000.000	Công ty TNHH XNK thiết bị y tế An Bình
324	426	0403010 Mini Clean 1lít	Chai	ABx	Pháp	1 lít	200	3.739.000	747.800.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
325	429	A- Amylase - L	Hộp	AMS	Ý	5 x 20ml	6	2.030.000	12.180.000	CÔNG TY CP DƯỢC ÁNH DƯƠNG
326	430	Albumin	Hộp	AMS	Ý	10 x 50ml	12	452.000	5.424.000	CÔNG TY CP DƯỢC ÁNH DƯƠNG

STT	STT HSMT	Tên hóa chất	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nhà thầu
327	432	Bilirubin Direct - L	Hộp	AMS	Ý	10 x 15ml + 1 x 10ml	1	485.000	485.000	CÔNG TY CP DƯỢC ÁNH DƯƠNG
328	433	Bilirubin Total	Hộp	AMS	Ý	10 x 20ml + 1 x 10ml	1	485.000	485.000	CÔNG TY CP DƯỢC ÁNH DƯƠNG
329	434	Calcium OCP	Hộp	AMS	Ý	5 x 50ml + 5 x 50ml	6	1.158.000	6.948.000	CÔNG TY CP DƯỢC ÁNH DƯƠNG
330	435	Creatinine Standard	Lọ	AMS	Ý	Lọ 5ml	51	23.000	1.173.000	CÔNG TY CP DƯỢC ÁNH DƯƠNG
331	436	Gamma GT - L	Hộp	AMS	Ý	5 x 40ml + 1 x 50ml	3	1.897.200	5.691.600	CÔNG TY CP DƯỢC ÁNH DƯƠNG
332	437	Glucose -L	Hộp	AMS	Ý	12 x 50ml	1	687.000	687.000	CÔNG TY CP DƯỢC ÁNH DƯƠNG
333	438	Glucose Standard	Lọ	AMS	Ý	Lọ 5ml	201	23.000	4.623.000	CÔNG TY CP DƯỢC ÁNH DƯƠNG
334	439	GOT / AST - L	Hộp	AMS	Ý	5 x 40ml + 1 x 20ml	101	591.000	59.691.000	CÔNG TY CP DƯỢC ÁNH DƯƠNG
335	440	GPT /ALT -L	Hộp	AMS	Ý	5 x 40ml + 1 x 20ml	101	591.000	59.691.000	CÔNG TY CP DƯỢC ÁNH DƯƠNG
336	441	HDL Cholesterol / Precipitant	Hộp	AMS	Ý	4 x 50ml	101	456.000	46.056.000	CÔNG TY CP DƯỢC ÁNH DƯƠNG
337	444	Total Cholesterol STD	Lọ	AMS	Ý	Lọ 5ml	52	23.000	1.196.000	CÔNG TY CP DƯỢC ÁNH DƯƠNG
338	445	Total Proteine	Hộp	AMS	Ý	10 x 50ml	1	394.500	394.500	CÔNG TY CP DƯỢC ÁNH DƯƠNG
339	448	Triglycerides Standard	Lọ	AMS	Ý	Lọ 5ml	101	23.000	2.323.000	CÔNG TY CP DƯỢC ÁNH DƯƠNG
340	449	Urea U.V	Hộp	AMS	Ý	10 x 40ml + 5 x 20ml	6	1.572.000	9.432.000	CÔNG TY CP DƯỢC ÁNH DƯƠNG
341	450	Urea U.V Standard	Lọ	AMS	Ý	Lọ 5ml	51	23.000	1.173.000	CÔNG TY CP DƯỢC ÁNH DƯƠNG
342	451	Uric Acid -L	Hộp	AMS	Ý	12 x 50ml	7	1.238.700	8.670.900	CÔNG TY CP DƯỢC ÁNH DƯƠNG
343	452	Uric Acid Standard	Lọ	AMS	Ý	Lọ 5ml	101	25.000	2.525.000	CÔNG TY CP DƯỢC ÁNH DƯƠNG
344	454	Calibrator 80	Hộp	ARKRAY/ NHẬT	Nhật Bản	3mlx3x2	2	7.110.000	14.220.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ & THIẾT BỊ THIÊN PHÚC
345	455	Washing solution for Tube	Hộp	ARKRAY/ NHẬT	Nhật Bản	250ml	3	2.362.500	7.087.500	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ & THIẾT BỊ THIÊN PHÚC
346	458	Albumin OSR6202	Hộp	Beckman Coulter	Ailen	4x29ml	1	2.177.700	2.177.700	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm
347	460	ALT OSR6107	hộp	Beckman Coulter	Ailen	4x50ml +4x25ml	71	4.171.650	296.187.150	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm
348	463	ASO OSR6194	Hộp	Beckman Coulter	Tây Ban Nha	4x51ml +4x7ml	4	25.879.350	103.517.400	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm
349	464	Aspirate probe cleaning kit (Access) 80769	Túi	Beckman Coulter	Mỹ	Túi	1	3.133.900	3.133.900	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm
350	466	AST ( OSR 6109)	Hộp	Beckman Coulter	Ailen	4x25ml +4x25ml	12	4.171.650	50.059.800	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm
351	467	AST-OSR6109	Hộp	Beckman Coulter	Ailen	4x25ml +4x25ml	50	4.171.650	208.582.500	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm
352	469	Calcium (arsenazo) OSR61117	Hộp	Beckman Coulter	Ailen	4x29ml	22	7.079.100	155.740.200	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm
353	473	CK-MB Control serum level 1 ODR30035	lọ	Beckman Coulter	Mỹ	1x2ml	4	425.250	1.701.000	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm

STT	STT HSMT	Tên hóa chất	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nhà thầu
354	491	CRP Latex Control sera - ODC0013	Lọ	Beckman Coulter	Nhật Bản	2x3ml +2x3ml	2	16.160.550	32.321.100	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm
355	493	CRP Latex Reagent - OSR6199	Hộp	Beckman Coulter	Nhật Bản	4x30ml +4x30ml	5	14.848.050	74.240.250	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm
356	494	CRP reagent latex	Hộp	Beckman Coulter	Nhật Bản	4x30ml +4x30ml	3	14.848.050	44.544.150	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm
357	496	Cholesterol OSR6216	Hộp	Beckman Coulter	Ailen	4x22.5ml	8	4.061.400	32.491.200	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm
358	498	Direct Bilirubin-OSR6211	Hộp	Beckman Coulter	Ailen	4x20ml +4x20ml	40	7.616.700	304.668.000	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm
359	499	Directed Bilirubin ( OSR 6211)	Hộp	Beckman Coulter	Ailen	4x20ml +4x20ml	12	7.616.700	91.400.400	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm
360	500	Ferritin-OSR61203	Hộp	Beckman Coulter	Nhật Bản	4x24ml +4x12ml	1	70.865.550	70.865.550	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm
361	501	GGT OSR 6120	Hộp	Beckman Coulter	Ailen	4x40ml +4x40ml	6	6.031.200	36.187.200	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm
362	502	GGT OSR6120	Hộp	Beckman Coulter	Ailen	4x40ml +4x40ml	6	6.031.200	36.187.200	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm
363	505	HbA1C	hộp	Beckman Coulter	Đức	2x37.5ml +2x7.5ml +2x34.5ml +5x2.0ml	1	29.922.900	29.922.900	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm
364	506	HbA1c calibrator ODR3032	Hộp	Beckman Coulter	Mỹ	1x8ml +5x2ml	1	6.037.500	6.037.500	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm
365	507	HbA1c control ODC0022	Hộp	Beckman Coulter	New Zealand	2x0.25ml +2x0.25ml +1x2ml	2	9.655.800	19.311.600	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm
366	508	HbA1c Liquid Control-B12396	Hộp	Beckman Coulter	Mỹ	2l x 1.0ml x2level	2	10.050.600	20.101.200	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm
367	509	HbA1c OSR6192	Hộp	Beckman Coulter	Mỹ	2x37.5ml +2x19ml +2x19ml	4	28.758.450	115.033.800	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm
368	510	HbA1c-B00389	Hộp	Beckman Coulter	Đức	2x37.5ml +2x7.5ml +2x34.5ml +5x2.0ml	10	29.922.900	299.229.000	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm
369	513	HDL Cholesteron calibactor ODC 0012	hộp	Beckman Coulter	Nhật Bản	2x3ml	1	5.938.800	5.938.800	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm
370	514	HDL Cholesteron OSR6283	hộp	Beckman Coulter	Nhật Bản	4x51.3ml +4x17.1ml	1	40.092.150	40.092.150	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm
371	526	ITA Control Serum Level 3- ODC0016	Lọ	Beckman Coulter	Mỹ	1x2ml	6	3.347.400	20.084.400	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm
372	527	Lactac OSR 6193	hộp	Beckman Coulter	Ý	4x10mlR1 +4xR11YO	6	8.633.100	51.798.600	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm
373	528	LACTAT OSR 6193	Hộp	Beckman Coulter	Ý	4x10mlR1 +4xR11YO	12	8.633.100	103.597.200	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm

STT	STT HSMT	Tên hóa chất	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nhà thầu
374	530	LDL-Cholesterol Calibrator-ODC0012	Hộp	Beckman Coulter	Nhật Bản	2x1ml	2	7.240.800	14.481.600	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm
375	531	LDL-Cholesterol-OSR6283	Hộp	Beckman Coulter	Nhật Bản	4x51.3ml +4x17.1ml	6	40.092.150	240.552.900	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm
376	532	Lipase OSR 6230	Hộp	Beckman Coulter	Nhật Bản	4x30ml +4x10ml	6	23.207.100	139.242.600	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm
377	533	Magnesium-OSR6189	Hộp	Beckman Coulter	Ailen	4x40ml	8	2.494.800	19.958.400	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm
378	534	Prealbumin Calibrator-ODR3029	Hộp	Beckman Coulter	Đức	5x2ml	1	15.897.000	15.897.000	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm
379	535	Prealbumin-OSR6175	Hộp	Beckman Coulter	Ailen	4x15ml +4x6.5ml	2	32.970.000	65.940.000	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm
380	537	RF Latex Calibrator-ODC0028	Hộp	Beckman Coulter	Nhật Bản	5x1ml	1	11.911.200	11.911.200	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm
381	538	RF Latex-OSR61105	Hộp	Beckman Coulter	Nhật Bản	4x24ml +4x8ml	2	20.250.300	40.500.600	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm
382	539	Serum protein multi calibrator ODR3021	Hộp	Beckman Coulter	Mỹ	6x1x2ml	1	15.152.550	15.152.550	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm
383	540	STD Low 66317	Hộp	Beckman Coulter	Ailen	4x100ml	1	5.103.000	5.103.000	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm
384	541	Synchron/AU Hemolyzing Reagent-472137	Hộp	Beckman Coulter	Đức	1000ml	5	5.023.200	25.116.000	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm
385	548	Total protein OSR6232	Hộp	Beckman Coulter	Ailen	4x25ml +4x25ml	2	2.134.650	4.269.300	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm
386	549	Transferin 6152	Hộp	Beckman Coulter	Ailen	4x7ml +4x8ml	5	29.726.550	148.632.750	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm
387	554	Urea/Urea nitrogen OSR6234	Hộp	Beckman Coulter	Ailen	4x25ml +4x25ml	3	5.444.250	16.332.750	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm
388	558	Wash Buffer II-A16793	Hộp	Beckman Coulter	Trung Quốc	10 lít	30	2.322.600	69.678.000	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm
389	564	Iron OSR 6186	Hộp	Beckman Coulter	Ailen	4x15ml +4x15ml	18	3.621.450	65.186.100	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm
390	573	Alcohol Ethanol 99029	Hộp	Biolabo	Pháp	10x10ml +1x5ml	1	4.198.950	4.198.950	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm
391	575	ZN (ZINC POWDER)	Hộp	BioMerieux	Pháp/Đức	2 x 10g	1	863.500	863.500	Công ty TNHH DEKA
392	576	ZYM A	Hộp	BioMerieux	Pháp	2 ống	1	866.800	866.800	Công ty TNHH DEKA
393	577	ZYM B	Hộp	BioMerieux	Pháp	2 ống	1	1.032.900	1.032.900	Công ty TNHH DEKA
394	589	Concentrated Washing Solution BO13416	lọ	Biosystems	Tây Ban Nha	100ml	30	1.539.300	46.179.000	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm
395	604	SURFACTANTWASH CONC	Chai	Biotechnica Instrument	Italy	Hộp 2 chai x 50mL	1	3.058.729	3.058.729	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ NGHĨA TÍN
396	606	HBA1C	Test	Ceragem Medisys	Korea	Hộp 30 test	7.000	50.000	350.000.000	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ NGHĨA TÍN
397	607	BOULE CON-DIFF TRI-L	Hộp	Diagon	Hungary	Hộp 3 lọ x 2.5mL	1	1.872.500	1.872.500	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ NGHĨA TÍN
398	608	Hba1C	Test	Ceragem Medisys	Korea	Hộp 30 test	12	50.000	600.000	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ NGHĨA TÍN

STT	STT HSMT	Tên hóa chất	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nhà thầu
399	609	ACID URIC 60 (2-208)	Hộp	Cormay	Poland	5x48ml, 1x60ml, 1x5ml STD	10	1.193.000	11.930.000	Công ty CP Dược vật tư y tế Thái Bình
400	610	ALAT 60 (2-216)	Hộp	Cormay	Poland	5x48ml, 1x60ml	24	1.182.000	28.368.000	Công ty CP Dược vật tư y tế Thái Bình
401	611	Creatinin 60 (2-233)	Hộp	Cormay	Poland	5x48ml, 1x60ml, 1x2ml STD	24	1.198.000	28.752.000	Công ty CP Dược vật tư y tế Thái Bình
402	612	CHOLESTEROL 60 (2-253)	Hộp	Cormay	Poland	6x60ml, 1x2ml STD	20	1.489.000	29.780.000	Công ty CP Dược vật tư y tế Thái Bình
403	613	GLUCOSE 60 (2-201)	Hộp	Cormay	Poland	6x60ml, 1x2ml STD	40	880.000	35.200.000	Công ty CP Dược vật tư y tế Thái Bình
404	615	TRIGLICERID 60 (2-253)	Hộp	Cormay	Poland	5x48ml, 1x60ml, 1x2ml STD	20	1.489.000	29.780.000	Công ty CP Dược vật tư y tế Thái Bình
405	616	Albumin BCG	Hộp	Chema	Italy	4x125ml+ 1x 5ml	4	673.000	2.692.000	Liên danh Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Trí Đức và Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Dịch vụ Anh Phát
406	617	Amylase EFS FL	Hộp	Chema	Italy	12x 10ml	16	2.630.000	42.080.000	Liên danh Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Trí Đức và Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Dịch vụ Anh Phát
407	618	Amylase FL	Hộp	Chema	Italy	6x10ml	3	1.690.000	5.070.000	Liên danh Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Trí Đức và Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Dịch vụ Anh Phát
408	619	Autocal	Hộp	Chema	Italy	3 ml	8	560.000	4.480.000	Liên danh Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Trí Đức và Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Dịch vụ Anh Phát
409	620	Autocal H	Hộp	Chema	Italy	3 ml	4	560.000	2.240.000	Liên danh Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Trí Đức và Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Dịch vụ Anh Phát
410	621	Bilirubin Direct	Hộp	Chema	Italy	8x 50ml+ 2 x50ml	10	2.360.000	23.600.000	Liên danh Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Trí Đức và Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Dịch vụ Anh Phát
411	622	Bilirubin Total	Hộp	Chema	Italy	8x 50ml+2 x50ml	10	2.360.000	23.600.000	Liên danh Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Trí Đức và Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Dịch vụ Anh Phát
412	623	CK- Nac	Hộp	Chema	Italy	6x8 ml+ 1x 20ml	4	5.500.000	22.000.000	Liên danh Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Trí Đức và Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Dịch vụ Anh Phát
413	624	Creatinine	Hộp	Chema	Italy	2x 125ml+ 2x 125ml+1x5ml	30	920.000	27.600.000	Liên danh Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Trí Đức và Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Dịch vụ Anh Phát
414	625	Cholesterol FL	Hộp	Chema	Italy	4x 100ml+ 1x5ml	25	1.560.000	39.000.000	Liên danh Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Trí Đức và Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Dịch vụ Anh Phát
415	626	Extra cell	Can	Chema	Italy	Can 2,5 lít	12	1.700.000	20.400.000	Liên danh Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Trí Đức và Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Dịch vụ Anh Phát

STT	STT HSMT	Tên hóa chất	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nhà thầu
416	628	GOT- AST FL	Hộp	Chema	Italy	8x 40ml + 2 x 40ml	40	2.050.000	82.000.000	Liên danh Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Trí Đức và Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Dịch vụ Anh Phát
417	629	GPT- AST FL	Hộp	Chema	Italy	8x 40ml + 2 x 40ml	40	2.050.000	82.000.000	Liên danh Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Trí Đức và Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Dịch vụ Anh Phát
418	630	HDL- Direct	Hộp	Chema	Italy	9x 20ml+3x 20ml	30	14.249.000	427.470.000	Liên danh Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Trí Đức và Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Dịch vụ Anh Phát
419	631	Iron FZ	Hộp	Chema	Italy	4x 125ml+ 1x 5ml	4	5.780.000	23.120.000	Liên danh Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Trí Đức và Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Dịch vụ Anh Phát
420	632	LDL- Direct	Hộp	Chema	Italy	3 x 20ml + 1 x 20ml	70	8.467.000	592.690.000	Liên danh Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Trí Đức và Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Dịch vụ Anh Phát
421	633	Protein Total	Hộp	Chema	Italy	4x 125 ml+ 1x5 ml	6	636.000	3.816.000	Liên danh Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Trí Đức và Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Dịch vụ Anh Phát
422	634	Triglycerid FL	Hộp	Chema	Italy	4x 100ml + 1 x5ml	20	4.160.000	83.200.000	Liên danh Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Trí Đức và Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Dịch vụ Anh Phát
423	635	Urea UVFL	Hộp	Chema	Italy	8x 40ml +2x 40ml+ 1 x5ml	15	1.280.000	19.200.000	Liên danh Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Trí Đức và Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Dịch vụ Anh Phát
424	636	Uric Acid FL	Hộp	Chema	Italy	4x 80ml +1x 80ml+ 1x 5ml	20	2.100.000	42.000.000	Liên danh Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Trí Đức và Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Dịch vụ Anh Phát
425	637	Albumin-BCG HIT 4x100ml	Hộp	D&D	Hà Lan	4x100ml	75	532.000	39.900.000	Liên danh Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Trí Đức và Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Dịch vụ Anh Phát
426	638	Bilirubin Direct-DC HIT 4x100/4x20ml	Hộp	D&D	Hà Lan	4x100ml +4x20ml	90	2.253.000	202.770.000	Liên danh Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Trí Đức và Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Dịch vụ Anh Phát
427	639	Bilirubin Total-DC HIT 4x100/4x20ml	Hộp	D&D	Hà Lan	4x100ml +4x20ml	90	2.211.500	199.035.000	Liên danh Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Trí Đức và Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Dịch vụ Anh Phát
428	640	Calcium-CPC 5+3 HIT 4x100/4x40ml	Hộp	D&D	Hà Lan	4x100ml+ 4x40ml	10	1.902.000	19.020.000	Liên danh Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Trí Đức và Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Dịch vụ Anh Phát
429	641	Creatinine Jaffe HIT 4x100/4x20ml	Hộp	D&D	Hà Lan	4x100ml+ 4x20ml	80	1.927.900	154.232.000	Liên danh Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Trí Đức và Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Dịch vụ Anh Phát
430	642	Cholesterol HIT 4x100ml	Hộp	D&D	Hà Lan	4x 100ml	3	3.076.500	9.229.500	Liên danh Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Trí Đức và Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Dịch vụ Anh Phát

STT	STT HSMT	Tên hóa chất	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nhà thầu
431	643	EXTRA CELL CLEAN 2,5l	Can	D&D	Hà Lan	Can 2,5 lít	60	4.500.000	270.000.000	Liên danh Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Trí Đức và Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Dịch vụ Anh Phát
432	644	Glucose-HK HIT-II 4x100/2x40ml	Hộp	D&D	Hà Lan	4x100+ 2x40ml	90	1.712.500	154.125.000	Liên danh Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Trí Đức và Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Dịch vụ Anh Phát
433	645	GOT (ASAT) IFCC HIT 4x100/4x20ml	Hộp	D&D	Hà Lan	4x100 + 4x20ml	90	2.562.500	230.625.000	Liên danh Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Trí Đức và Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Dịch vụ Anh Phát
434	646	GPT (ALAT) IFCC HIT 4x100/4x20ml	Hộp	D&D	Hà Lan	4x100+ 4x20ml	90	2.562.500	230.625.000	Liên danh Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Trí Đức và Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Dịch vụ Anh Phát
435	647	HDL-C Direct HIT 3x50/1x50ml	Hộp	D&D	Hà Lan	3x50+1x50ml	3	13.300.000	39.900.000	Liên danh Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Trí Đức và Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Dịch vụ Anh Phát
436	648	Iron-F HIT-I 4x50/2x20ml	Hộp	D&D	Hà Lan	4x50+ 2x20ml	3	2.910.500	8.731.500	Liên danh Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Trí Đức và Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Dịch vụ Anh Phát
437	649	Iron-FC HIT-I 4x50/2x20ml	Hộp	D&D	Hà Lan	4x50+ 2x20ml	3	2.910.500	8.731.500	Liên danh Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Trí Đức và Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Dịch vụ Anh Phát
438	650	Iron-FS HIT-I 4x50/2x20ml	Hộp	D&D	Hà Lan	4x50+ 2x20ml	3	2.910.500	8.731.500	Liên danh Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Trí Đức và Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Dịch vụ Anh Phát
439	651	LDL-C Direct HIT 3x100/2x50ml	Hộp	D&D	Hà Lan	3x100+ 2x50ml	3	22.457.000	67.371.000	Liên danh Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Trí Đức và Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Dịch vụ Anh Phát
440	652	Protein total HIT-II 4x100/2x40ml	Hộp	D&D	Hà Lan	4x100+ 2x40ml	70	488.000	34.160.000	Liên danh Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Trí Đức và Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Dịch vụ Anh Phát
441	653	Triglycerides HIT 4x100ml	Hộp	D&D	Hà Lan	4x100ml	3	4.449.000	13.347.000	Liên danh Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Trí Đức và Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Dịch vụ Anh Phát
442	654	Urea-UV (5+1) HIT 4x100/4x20ml	Hộp	D&D	Hà Lan	4x100ml	80	1.451.000	116.080.000	Liên danh Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Trí Đức và Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Dịch vụ Anh Phát
443	655	Urea-UV (5+3) HIT 4x100/3x80ml	Hộp	D&D	Hà Lan	4x100+3x80ml	40	1.870.000	74.800.000	Liên danh Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Trí Đức và Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Dịch vụ Anh Phát
444	656	Uric acid HIT 4x100/4x20ml	Hộp	D&D	Hà Lan	4x100+ 4x20ml	15	3.438.000	51.570.000	Liên danh Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Trí Đức và Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Dịch vụ Anh Phát
445	657	Y-GT IFCC HIT 4x50/2x20ml	Hộp	D&D	Hà Lan	4x50+2x20ml	12	1.332.000	15.984.000	Liên danh Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Trí Đức và Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Dịch vụ Anh Phát

STT	STT HSMT	Tên hóa chất	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nhà thầu
446	658	STA SYSTEM CONTROL N+P (Cặp 2 lọ x 1ml)	Hộp	Diagnostica Stago	Pháp	12x2x1ml	11	12.590.000	138.490.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
447	661	Acid Uric	Hộp	Dialab	Áo	5x100ml	2	8.260.000	16.520.000	Công ty TNHH Thiết bị Phúc An
448	662	Albumin, BCG	Hộp	Dialab	Áo	5x100ml	1	6.600.000	6.600.000	Công ty TNHH Thiết bị Phúc An
449	663	Alpha Amylase	Hộp	Dialab	Áo	5x50ml	1	8.090.000	8.090.000	Công ty TNHH Thiết bị Phúc An
450	670	Calcium, Arsenazo	Hộp	Dialab	Áo	5x100ml	1	6.000.000	6.000.000	Công ty TNHH Thiết bị Phúc An
451	671	CK-NAC	Hộp	Dialab	Áo	5x50ml	2	16.000.000	32.000.000	Công ty TNHH Thiết bị Phúc An
452	672	Creatinin	hộp	Dialab	Áo	4x100mlR1, 1x100mlR2	23	1.269.450	29.197.350	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm
453	673	Creatinine mod Jaffe	Hộp	Dialab	Áo	5x100ml	15	8.000.000	120.000.000	Công ty TNHH Thiết bị Phúc An
454	674	Cholesterol HDL Direct	Hộp	Dialab	Áo	5x100ml	27	26.800.000	723.600.000	Công ty TNHH Thiết bị Phúc An
455	675	Cholesterol LDL Direct	Hộp	Dialab	Áo	5x50ml	1	16.900.000	16.900.000	Công ty TNHH Thiết bị Phúc An
456	676	Cholesterol Pas	Hộp	Dialab	Áo	5x100ml	18	8.400.000	151.200.000	Công ty TNHH Thiết bị Phúc An
457	682	Glucose	hộp	Dialab	Áo	5x100ml (500ml)	33	959.700	31.670.100	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm
458	683	Glucose, GOD-PAP	Hộp	Dialab	Áo	5x100ml	20	8.000.000	160.000.000	Công ty TNHH Thiết bị Phúc An
459	684	GOT (AST), modIFCC	Hộp	Dialab	Áo	5x100ml	20	8.400.000	168.000.000	Công ty TNHH Thiết bị Phúc An
460	685	GPT (ALT), modIFCC	Hộp	Dialab	Áo	5x100ml	20	8.400.000	168.000.000	Công ty TNHH Thiết bị Phúc An
461	686	HbA1C Calibrator	Hộp	Beckman Coulter	Mỹ	1x8ml +5x2ml	1	6.037.500	6.037.500	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm
462	687	HDL-Cholesterol Calibrator	Hộp	Dialab	Áo	1x3ml	1	1.600.000	1.600.000	Công ty TNHH Thiết bị Phúc An
463	688	LDH-P	Hộp	Dialab	Áo	5x50ml	1	6.200.000	6.200.000	Công ty TNHH Thiết bị Phúc An
464	689	LDL-Cholesterol Calibrator	Hộp	Dialab	Áo	1x1ml	1	1.600.000	1.600.000	Công ty TNHH Thiết bị Phúc An
465	690	Protein Total	Hộp	Dialab	Áo	5x100ml	2	5.900.000	11.800.000	Công ty TNHH Thiết bị Phúc An
466	691	Triglyceride	Hộp	Dialab	Áo	5x100ml	70	10.160.000	711.200.000	Công ty TNHH Thiết bị Phúc An
467	692	Urea	Hộp	Dialab	Áo	5x100ml	23	8.390.000	192.970.000	Công ty TNHH Thiết bị Phúc An
468	693	Urea UV Auto,Urease/GLDH	Hộp	Dialab	Áo	4x100mlR1, 1x100mlR2	20	2.384.550	47.691.000	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm
469	694	Uric Acid TBHBA,EnzymColor	Hộp	Dialab	Áo	5x50ml	2	3.190.000	6.380.000	Công ty TNHH Thiết bị Phúc An
470	695	Zin C standard	lọ	Dialab	Áo	1x3ml	4	197.400	789.600	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm
471	696	Acid uric (5x50ml)	Hộp	Dialab	Áo	4x50mlR1, 1x50mlR2	30	1.533.000	45.990.000	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm
472	697	Albumin (5x100ml)	Hộp	Dialab	Áo	5x100ml (500ml)	3	696.150	2.088.450	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm
473	698	Amylase (5x50ml)	Hộp	Dialab	Áo	5x50ml (250ml)	3	5.049.450	15.148.350	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm
474	699	Calcium	Hộp	Dialab	Áo	5x100ml (500ml)	3	1.982.400	5.947.200	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm
475	700	CK-MB	Hộp	Dialab	Áo	5x25ml	3	5.376.000	16.128.000	Công ty TNHH Thiết bị Phúc An
476	702	Diacon N(AssContrSerNorm) D98481SV	Lọ	Dialab	Áo	1x5ml	30	500.000	15.000.000	Công ty TNHH Thiết bị Phúc An
477	703	Diacon P(AssContrSerAbn) D98482SV	Lọ	Dialab	Áo	1x5ml	35	516.000	18.060.000	Công ty TNHH Thiết bị Phúc An

STT	STT HSMT	Tên hóa chất	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nhà thầu
478	704	Gama GT (5x50ml)	Hộp	Dialab	Áo	4x50mlR1, 1x50mlR2	30	2.137.800	64.134.000	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm
479	705	GOT (5x100ml)	Hộp	Dialab	Áo	4x100mlR1, 1x100mlR2	25	2.329.950	58.248.750	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm
480	706	GPT (5x100ml)	Hộp	Dialab	Áo	4x100mlR1, 1x100mlR2	25	2.323.650	58.091.250	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm
481	707	HDL (5x50ml)	Hộp	Dialab	Áo	4x50mlR1, 1x50mlR2	15	8.054.550	120.818.250	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm
482	709	Total protein (biuret) (5x10ml)	Hộp	Dialab	Áo	4x100mlR1, 1x100mlR2	4	935.550	3.742.200	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm
483	713	Dung dịch rửa máy điện giải đồ	lọ	Medica	Mỹ	Lọ	3	1.548.000	4.644.000	Công ty TNHH Vạn Niên
484	714	Easy Qc 2x10ml(hóa chất chuẩn điện giải đồ)	Hộp	Diamond	Mỹ	2x10ml	5	1.932.466	9.662.329	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ & THIẾT BỊ THIÊN PHÚC
485	715	ISE Fluid pack Na/K/Ca	Hộp	Diamond	Mỹ	400ml	45	6.500.000	292.500.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ & THIẾT BỊ THIÊN PHÚC
486	716	ISE Fluid pack Na/K/Ca/Ph	Hộp	Diamond	Mỹ	800ml	50	8.900.000	445.000.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ & THIẾT BỊ THIÊN PHÚC
487	717	Chất thử cân bằng điện cực Electrode Conditioning	Lọ	Medica	Mỹ	Lọ	4	1.219.000	4.876.000	Công ty TNHH Vạn Niên
488	718	Chất thử cân bằng điện cực Electrode Conditioning	Lọ	Diamond	Mỹ	Lọ	2	739.920	1.479.839	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ & THIẾT BỊ THIÊN PHÚC
489	719	Chất thử hệ thống Cleaning Solution	Lọ	Diamond	Mỹ	lọ	6	1.232.168	7.393.007	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ & THIẾT BỊ THIÊN PHÚC
490	722	Acid Uric	Hộp	Dutch diagnostics	Hà Lan	4x100ml+4x20ml + std	1	3.250.000	3.250.000	Liên danh Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Trí Đức và Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Dịch vụ Anh Phát
491	723	Albumin	Hộp	Dutch diagnostics	Hà Lan	4x100ml + std	1	610.000	610.000	Liên danh Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Trí Đức và Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Dịch vụ Anh Phát
492	724	Bilirubin Direct	Hộp	Dutch diagnostics	Hà Lan	4x50ml+2x20ml	1	1.495.000	1.495.000	Liên danh Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Trí Đức và Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Dịch vụ Anh Phát
493	725	Bilirubin Total	Hộp	Dutch diagnostics	Hà Lan	4x50ml+2x20ml	1	1.495.000	1.495.000	Liên danh Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Trí Đức và Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Dịch vụ Anh Phát
494	726	Calcium	Hộp	Dutch diagnostics	Hà Lan	2x100ml+2x20ml + std	1	2.850.000	2.850.000	Liên danh Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Trí Đức và Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Dịch vụ Anh Phát
495	727	Creatinine	Hộp	Dutch diagnostics	Hà Lan	2x100ml	5	920.000	4.600.000	Liên danh Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Trí Đức và Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Dịch vụ Anh Phát
496	728	Cholesteron 4 x 100ml	Hộp	Dutch diagnostics	Hà Lan	4x100ml + std	15	1.750.000	26.250.000	Liên danh Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Trí Đức và Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Dịch vụ Anh Phát

STT	STT HSMT	Tên hóa chất	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nhà thầu
497	729	Dutch Cal M 3ml(hóa chất chuẩn)	Lọ	Dutch diagnostics	Hà Lan	3ml	5	480.000	2.400.000	Liên danh Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Trí Đức và Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Dịch vụ Anh Phát
498	730	Dutch Cal M 5ml(hóa chất kiểm tra)	Lọ	Dutch diagnostics	Hà Lan	5ml	5	480.000	2.400.000	Liên danh Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Trí Đức và Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Dịch vụ Anh Phát
499	731	Glucose 4 x 100ml	Hộp	Dutch diagnostics	Hà Lan	4x100ml + std	25	850.000	21.250.000	Liên danh Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Trí Đức và Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Dịch vụ Anh Phát
500	732	GOT- AST	Hộp	Dutch diagnostics	Hà Lan	4x100ml+4x20 ml + std	25	2.650.000	66.250.000	Liên danh Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Trí Đức và Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Dịch vụ Anh Phát
501	733	GPT - ALT	Hộp	Dutch diagnostics	Hà Lan	4x100ml+4x20 ml + std	25	2.650.000	66.250.000	Liên danh Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Trí Đức và Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Dịch vụ Anh Phát
502	734	Triglycerid 4 x 100ml	Hộp	Dutch diagnostics	Hà Lan	4x100ml + std	20	3.800.000	76.000.000	Liên danh Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Trí Đức và Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Dịch vụ Anh Phát
503	735	Acid Uric MONO SL 6 x 100 ml	Hộp	Elitech	Pháp	6x100ml	7	22.800.000	159.600.000	Công ty TNHH Vạn Niên
504	736	Acid Uric MONO SL 6 x 50 ml	Hộp	Elitech	Pháp	6x50ml	10	12.000.000	120.000.000	Công ty TNHH Vạn Niên
505	737	ALBUMIN 2 x 125 ml	Hộp	Elitech	Pháp	2x125ml	16	3.750.000	60.000.000	Công ty TNHH Vạn Niên
506	738	ALBUMIN 4 x 250 ml	Hộp	Elitech	Pháp	4x250ml	4	15.000.000	60.000.000	Công ty TNHH Vạn Niên
507	739	ALT/GPT 4+1 SL 2x62,5 ml	Hộp	Elitech	Pháp	2x62,5ml	55	2.200.000	121.000.000	Công ty TNHH Vạn Niên
508	740	ALT/GPT 4+1 SL 4x62,5 ml	Hộp	Elitech	Pháp	4x62,5ml	15	4.400.000	66.000.000	Công ty TNHH Vạn Niên
509	741	ALT/GPT 4+1 SL 5x125 ml	Hộp	Elitech	Pháp	5x125ml	35	11.000.000	385.000.000	Công ty TNHH Vạn Niên
510	742	AMYLASE SL 1 x 50 ml	Hộp	Elitech	Pháp	1x50ml	8	2.250.000	18.000.000	Công ty TNHH Vạn Niên
511	743	AMYLASE SL 6 x 50 ml	Hộp	Elitech	Pháp	6x50ml	2	13.500.000	27.000.000	Công ty TNHH Vạn Niên
512	744	AST/GOT 4+1 SL 2x62,5 ml	Hộp	Elitech	Pháp	2x62,5ml	55	2.612.000	143.660.000	Công ty TNHH Vạn Niên
513	745	AST/GOT 4+1 SL 4x62,5 ml	Hộp	Elitech	Pháp	4x62,5ml	20	5.225.000	104.500.000	Công ty TNHH Vạn Niên
514	746	AST/GOT 4+1 SL 5x125 ml	Hộp	Elitech	Pháp	5x125ml	30	13.062.000	391.860.000	Công ty TNHH Vạn Niên
515	747	B30 Control 3x3.0ml Tripack (1L-IN-1H)	Hộp	Elitech	Pháp	3x3ml	1	3.800.000	3.800.000	Công ty TNHH Vạn Niên
516	748	BILIRUBIN DIRECT 4+1 2x125 ml	Hộp	Elitech	Pháp	2x125ml	22	10.500.000	231.000.000	Công ty TNHH Vạn Niên
517	749	BILIRUBIN TOTAL 4+1 2x125 ml	Hộp	Elitech	Pháp	2x125ml	15	10.500.000	157.500.000	Công ty TNHH Vạn Niên
518	750	CALCIUM ARSENAZO 2 x 125 ml	Hộp	Elitech	Pháp	2x125ml	3	12.500.000	37.500.000	Công ty TNHH Vạn Niên
519	751	CK NAC SL 2 x 62,5 ml	Hộp	Elitech	Pháp	2x62,5ml	3	5.425.000	16.275.000	Công ty TNHH Vạn Niên
520	752	CK NAC SL 4 x 62,5 ml	Hộp	Elitech	Pháp	4x62,5ml	4	11.000.000	44.000.000	Công ty TNHH Vạn Niên
521	753	CK-MB CONTROL 4 x 3 ml	Hộp	Elitech	Pháp	4x3ml	6	6.000.000	36.000.000	Công ty TNHH Vạn Niên
522	754	CK-MB SL 2 x 62,5 ml	Hộp	Elitech	Pháp	2x62,5ml	6	6.875.000	41.250.000	Công ty TNHH Vạn Niên
523	755	CK-MB SL 4 x 62,5 ml	Hộp	Elitech	Pháp	4x62,5ml	4	13.750.000	55.000.000	Công ty TNHH Vạn Niên

STT	STT HSMT	Tên hóa chất	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nhà thầu
524	756	CREATININE JAFFE 2 x 125 ml	Hộp	Elitech	Pháp	2x125ml	60	4.125.000	247.500.000	Công ty TNHH Vạn Niên
525	757	CREATININE JAFFE 4 x 250 ml	Hộp	Elitech	Pháp	4x250ml	27	16.500.000	445.500.000	Công ty TNHH Vạn Niên
526	758	CRP IP 5ml + 2x25ml	Hộp	Elitech	Pháp	5ml+2x25ml	3	3.509.000	10.527.000	Công ty TNHH Vạn Niên
527	759	CRP IP CALIBRATOR H 2x1ml	Hộp	Elitech	Pháp	2x1ml	1	3.514.000	3.514.000	Công ty TNHH Vạn Niên
528	760	CRP IP CONTROL I 2x1ml	Hộp	Elitech	Pháp	2x1ml	13	1.815.000	23.595.000	Công ty TNHH Vạn Niên
529	761	CRP IP CONTROL II 2x1ml	Hộp	Elitech	Pháp	2x1ml	1	1.815.000	1.815.000	Công ty TNHH Vạn Niên
530	762	CHOLEST. HDL 2G CALIBR. 4x1 ml	Hộp	Elitech	Pháp	4x1ml	8	11.840.000	94.720.000	Công ty TNHH Vạn Niên
531	763	CHOLEST. HDL SL 2G 3x80ml	Hộp	Elitech	Pháp	3x80ml	16	16.800.000	268.800.000	Công ty TNHH Vạn Niên
532	764	CHOLEST. LDL 2G CALIBR. 4x1 ml	Hộp	Elitech	Pháp	4x1ml	13	12.800.000	166.400.000	Công ty TNHH Vạn Niên
533	765	CHOLEST. LDL SL 2G 1x80ml	Hộp	Elitech	Pháp	1x80ml	26	11.600.000	301.600.000	Công ty TNHH Vạn Niên
534	766	CHOLESTEROL SL 4 x 250ml	Hộp	Elitech	Pháp	4x250ml	18	44.000.000	792.000.000	Công ty TNHH Vạn Niên
535	767	CHOLESTEROL SL 6 x 100ml	Hộp	Elitech	Pháp	6x100ml	32	26.400.000	844.800.000	Công ty TNHH Vạn Niên
536	768	ELICAL 2 - 4 x 3 ml	Hộp	Elitech	Pháp	4x3ml	63	3.550.000	223.650.000	Công ty TNHH Vạn Niên
537	769	ELITROL I 10 x 5 ml	Hộp	Elitech	Pháp	10x5ml	60	7.500.000	450.000.000	Công ty TNHH Vạn Niên
538	770	ELITROL II 10 x 5 ml	Hộp	Elitech	Pháp	10x5ml	57	8.010.000	456.570.000	Công ty TNHH Vạn Niên
539	771	GAMMA-GT PLUS SL 2 x 62,5 ml	Hộp	Elitech	Pháp	2x62,5ml	12	2.000.000	24.000.000	Công ty TNHH Vạn Niên
540	772	GAMMA-GT PLUS SL 4 x 62,5 ml	Hộp	Elitech	Pháp	4x62,5ml	15	4.000.000	60.000.000	Công ty TNHH Vạn Niên
541	773	GGT 6x60 + 3x32 ml	Hộp	Elitech	Pháp	6x60ml + 3x32 ml	4	7.866.000	31.464.000	Công ty TNHH Vạn Niên
542	774	GLUCOSE PAP SL 4 x 250 ml	Hộp	Elitech	Pháp	4x250ml	26	16.000.000	416.000.000	Công ty TNHH Vạn Niên
543	775	GLUCOSE PAP SL 6 x 100 ml	Hộp	Elitech	Pháp	6x100ml	45	9.600.000	432.000.000	Công ty TNHH Vạn Niên
544	776	HbA1c 1x32 ml	Hộp	Elitech	Pháp	1x32ml	27	10.445.000	282.015.000	Công ty TNHH Vạn Niên
545	777	HbA1c CALIBRATOR SET 4 x 0,5ml	Hộp	Elitech	Pháp	4x0,5ml	14	4.786.000	67.004.000	Công ty TNHH Vạn Niên
546	778	HbA1c CONTROL L+ H 4 x 0,5ml	Hộp	Elitech	Pháp	4x0,5ml	14	4.243.000	59.402.000	Công ty TNHH Vạn Niên
547	779	IRON CHROMAZUROL 2 x 125 ml	Hộp	Elitech	Pháp	2x125ml	3	6.250.000	18.750.000	Công ty TNHH Vạn Niên
548	780	SYSTEM CLEANING SOLUTION 1 L	Hộp	Elitech	Pháp	1 L	6	7.432.000	44.592.000	Công ty TNHH Vạn Niên
549	781	SYSTEM SOLUTION 1L	Hộp	Elitech	Pháp	1 L	23	4.765.000	109.595.000	Công ty TNHH Vạn Niên
550	782	TOTAL PROTEIN PLUS 2 x 125 ml	Hộp	Elitech	Pháp	2x125ml	14	3.750.000	52.500.000	Công ty TNHH Vạn Niên

STT	STT HSMT	Tên hóa chất	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nhà thầu
551	783	TOTAL PROTEIN PLUS 4 x 250 ml	Hộp	Elitech	Pháp	4x250ml	7	15.000.000	105.000.000	Công ty TNHH Vạn Niên
552	784	TRIGL MONO SL NEW 4x250 ml	Hộp	Elitech	Pháp	4x250ml	8	48.000.000	384.000.000	Công ty TNHH Vạn Niên
553	785	TRIGL MONO SL NEW 6x100 ml	Hộp	Elitech	Pháp	6x100ml	18	28.800.000	518.400.000	Công ty TNHH Vạn Niên
554	786	UREA UV SL 4 x 62,5 ml	Hộp	Elitech	Pháp	4x62,5ml	39	6.000.000	234.000.000	Công ty TNHH Vạn Niên
555	787	UREA UV SL 5 x 125 ml	Hộp	Elitech	Pháp	5x125ml	22	15.000.000	330.000.000	Công ty TNHH Vạn Niên
556	789	Reagent Park	Hộp	Erba	Đức	Cal A: 650ml Cal B: 350ml	12	15.900.000	190.800.000	Công ty TNHH Thiết bị Phúc An
557	791	Control level 2	Hộp	Fisher	Mỹ	Hộp 10 lọ x 1ml	5	2.960.000	14.800.000	Công ty TNHH Thiết bị y tế Phương Đông
558	792	Calibartor HbA1c level 1 & 2	Hộp	Fortress Diagnostics	Anh	4mlx2	3	3.555.000	10.665.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ & THIẾT BỊ THIÊN PHÚC
559	793	Calibrator HbA1c diluent	lọ	Fortress Diagnostics	Anh	100ml	3	1.350.000	4.050.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ & THIẾT BỊ THIÊN PHÚC
560	794	Cleaning testing cuvette	Hộp	Fortress Diagnostics	Anh	1000 chiếc	5	6.840.000	34.200.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ & THIẾT BỊ THIÊN PHÚC
561	795	Dung dịch đồ điện cực Ca Refill solution	Lọ	Fortress Diagnostics	Anh	100ml	3	2.250.000	6.750.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ & THIẾT BỊ THIÊN PHÚC
562	796	Dung dịch đồ điện cực Cl Refill solution	Lọ	Fortress Diagnostics	Anh	100ml	3	2.250.000	6.750.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ & THIẾT BỊ THIÊN PHÚC
563	797	Dung dịch đồ điện cực Na Refill solution	Lọ	Fortress Diagnostics	Anh	100ml	3	2.250.000	6.750.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ & THIẾT BỊ THIÊN PHÚC
564	798	Dung dịch đồ điện cực pH Refill solution	Lọ	Fortress Diagnostics	Anh	100ml	3	2.250.000	6.750.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ & THIẾT BỊ THIÊN PHÚC
565	799	Dung dịch đồ điện cực Ref Refill solution	lọ	Fortress Diagnostics	Anh	100ml	3	2.250.000	6.750.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ & THIẾT BỊ THIÊN PHÚC
566	800	ELEC REAGENT PACK (Hóa chất xét nghiệm điện giải 5 thông số Na, K, Cl, Ca, Ph)	Hộp	Fortress Diagnostics	Anh	1000ml	15	9.025.000	135.375.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ & THIẾT BỊ THIÊN PHÚC
567	801	ELECTROL (Dung dịch chuẩn máy điện giải)	hộp	Fortress Diagnostics	Anh	2x10ml	3	2.250.000	6.750.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ & THIẾT BỊ THIÊN PHÚC
568	802	Ftress Calibration serum	Hộp	Fortress Diagnostics	Anh	1x5ml	3	675.000	2.025.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ & THIẾT BỊ THIÊN PHÚC
569	803	Ftress Cleaning solution	Hộp	Fortress Diagnostics	Anh	500ml	10	2.938.500	29.385.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ & THIẾT BỊ THIÊN PHÚC
570	804	HbA1c hemolysis cleaning solution	Lọ	Fortress Diagnostics	Anh	100ml	10	1.980.000	19.800.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ & THIẾT BỊ THIÊN PHÚC
571	805	HbA1c reagent pack	Hộp	Fortress Diagnostics	Anh	150 mẫu	12	5.937.500	71.250.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ & THIẾT BỊ THIÊN PHÚC
572	806	WASHING CLEANER (Dung dịch rửa máy điện giải)	lọ	Fortress Diagnostics	Anh	100ml	10	2.025.000	20.250.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ & THIẾT BỊ THIÊN PHÚC
573	807	ALB HIT222D 4x100 ml	Hộp	Fortress Dianogstic	Anh	4x100ml	5	2.546.000	12.730.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ & THIẾT BỊ THIÊN PHÚC

STT	STT HSMT	Tên hóa chất	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nhà thầu
574	808	ALB OLY222D 4x60 ml	Hộp	Fortress Dianogstic	Anh	4x60ml	5	1.860.100	9.300.500	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ & THIẾT BỊ THIÊN PHÚC
575	809	ALBUMIN OLY222D	Hộp	Fortress Dianogstic	Anh	4x60ml	10	1.860.100	18.601.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ & THIẾT BỊ THIÊN PHÚC
576	810	Alkaline Phosphatase	Hộp	Fortress Dianogstic	Anh	4x50ml + 1x44ml	5	1.451.600	7.258.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ & THIẾT BỊ THIÊN PHÚC
577	812	ALT/GPT OLY0213F	Hộp	Fortress Dianogstic	Anh	4x50ml + 1x44ml	20	2.375.000	47.500.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ & THIẾT BỊ THIÊN PHÚC
578	815	Amylase BXC0563B 2x25ml	Hộp	Fortress Dianogstic	Anh	2x25ml	5	817.000	4.085.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ & THIẾT BỊ THIÊN PHÚC
579	816	Amylase OLY0563D	Hộp	Fortress Dianogstic	Anh	6x30ml + 2x18ml	8	4.178.100	33.424.800	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ & THIẾT BỊ THIÊN PHÚC
580	818	AST/GOT OLY0203F	Hộp	Fortress Dianogstic	Anh	6x30ml + 2x18ml	20	2.375.000	47.500.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ & THIẾT BỊ THIÊN PHÚC
581	821	Bilirubin Direct OLY0193D	Hộp	Fortress Dianogstic	Anh	4x60ml + 2x24ml	20	2.989.555	59.791.100	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ & THIẾT BỊ THIÊN PHÚC
582	824	Bilirubin Total OLY0193E	Hộp	Fortress Dianogstic	Anh	4x60ml + 2x24ml	20	2.989.555	59.791.100	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ & THIẾT BỊ THIÊN PHÚC
583	825	Calcium OLY0292D 4x60 ml	Hộp	Fortress Dianogstic	Anh	4x60ml	10	2.715.100	27.151.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ & THIẾT BỊ THIÊN PHÚC
584	826	Calcium OLY0292D	Hộp	Fortress Dianogstic	Anh	4x60ml	15	2.715.100	40.726.500	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ & THIẾT BỊ THIÊN PHÚC
585	827	Calibration BXC0321M	Lọ	Fortress Dianogstic	Anh	1x3ml	12	631.750	7.581.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ & THIẾT BỊ THIÊN PHÚC
586	829	CK- nac HIT0252A 7x23ml + 4x8.4ml	Hộp	Fortress Dianogstic	Anh	7x23ml + 4x8.4ml	8	6.608.200	52.865.600	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ & THIẾT BỊ THIÊN PHÚC
587	830	CK- nac OLY0252E	Hộp	Fortress Dianogstic	Anh	2x20ml + 1x8ml	10	3.959.600	39.596.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ & THIẾT BỊ THIÊN PHÚC
588	831	CKMB OLYM	Hộp	Fortress Dianogstic	Anh	2x20ml + 1x8ml	15	4.949.500	74.242.500	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ & THIẾT BỊ THIÊN PHÚC
589	832	CKMB/ CK Nac Calibrator	Hộp	Fortress Dianogstic	Anh	1x1ml	3	1.615.000	4.845.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ & THIẾT BỊ THIÊN PHÚC
590	833	CKMB/ CK Nac Control	Hộp	Fortress Dianogstic	Anh	1x1ml	3	1.615.000	4.845.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ & THIẾT BỊ THIÊN PHÚC
591	834	Control Elevated BXC0312B 1x5ml	Lọ	Fortress Dianogstic	Anh	1x5ml	5	513.000	2.565.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ & THIẾT BỊ THIÊN PHÚC
592	835	Control Elevated BXC0312B	Lọ	Fortress Dianogstic	Anh	1x5ml	12	513.000	6.156.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ & THIẾT BỊ THIÊN PHÚC
593	836	Control Normal BXC0312A	Lọ	Fortress Dianogstic	Anh	1x5ml	12	513.000	6.156.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ & THIẾT BỊ THIÊN PHÚC
594	837	Control Normal BXC0312A 1x5ml	Lọ	Fortress Dianogstic	Anh	1x5ml	5	513.000	2.565.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ & THIẾT BỊ THIÊN PHÚC
595	839	Creatinine OLY0115B	Hộp	Fortress Dianogstic	Anh	4x60ml+ 2x24ml	25	2.307.941	57.698.535	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ & THIẾT BỊ THIÊN PHÚC
596	840	CRP calibrator	lọ	Fortress Dianogstic	Anh	1x1ml	2	1.615.000	3.230.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ & THIẾT BỊ THIÊN PHÚC

STT	STT HSMT	Tên hóa chất	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nhà thầu
597	841	CRP control	lọ	Fortress Dianogstic	Anh	1x1ml	2	1.615.000	3.230.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ & THIẾT BỊ THIÊN PHÚC
598	842	CRP Immunoturbidimetry	Hộp	Fortress Dianogstic	Anh	2x20ml + 1x8ml	7	4.327.250	30.290.750	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ & THIẾT BỊ THIÊN PHÚC
599	844	Cholesterol OLY0261I	Hộp	Fortress Dianogstic	Anh	8x60ml	20	4.314.900	86.298.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ & THIẾT BỊ THIÊN PHÚC
600	846	Gamma GT OLY	Hộp	Fortress Dianogstic	Anh	6x30ml + 2x18ml	5	2.270.500	11.352.500	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ & THIẾT BỊ THIÊN PHÚC
601	847	Glucose BXC0101B 6x125ml	Hộp	Fortress Dianogstic	Anh	6x125ml	5	3.291.750	16.458.750	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ & THIẾT BỊ THIÊN PHÚC
602	848	Glucose OLY0101I	Hộp	Fortress Dianogstic	Anh	8x60ml	25	2.249.600	56.240.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ & THIẾT BỊ THIÊN PHÚC
603	850	HDL Cholesterol direct OLY0421H	Hộp	Fortress Dianogstic	Anh	6x30ml + 2x30ml	10	6.263.350	62.633.500	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ & THIẾT BỊ THIÊN PHÚC
604	852	IRON OLY	Hộp	Fortress Dianogstic	Anh	4x50ml + 2x20ml + 1x5ml	5	1.890.500	9.452.500	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ & THIẾT BỊ THIÊN PHÚC
605	853	LDL Cholesterol Direct OLY0421L	Hộp	Fortress Dianogstic	Anh	3x20ml + 2x10ml	5	4.275.000	21.375.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ & THIẾT BỊ THIÊN PHÚC
606	854	Total Protein BXC0173B 6x60ml	Hộp	Fortress Dianogstic	Anh	6x60ml	5	2.512.750	12.563.750	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ & THIẾT BỊ THIÊN PHÚC
607	855	Total Protein OLY0173C	Hộp	Fortress Dianogstic	Anh	4x60ml	12	1.947.500	23.370.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ & THIẾT BỊ THIÊN PHÚC
608	857	Triglycerides BXC0271A 2x60ml	Hộp	Fortress Dianogstic	Anh	2x60ml	5	2.143.200	10.716.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ & THIẾT BỊ THIÊN PHÚC
609	858	Triglycerides OLY0271G	Hộp	Fortress Dianogstic	Anh	4x60ml	20	4.334.850	86.697.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ & THIẾT BỊ THIÊN PHÚC
610	859	Triglycerides OLY0271G 4x60ml	Hộp	Fortress Dianogstic	Anh	4x60ml	5	4.334.850	21.674.250	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ & THIẾT BỊ THIÊN PHÚC
611	860	Ure BXC0121B 10x20ml	Hộp	Fortress Dianogstic	Anh	10x20ml	5	1.848.700	9.243.500	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ & THIẾT BỊ THIÊN PHÚC
612	861	Ure OLY0123E	Hộp	Fortress Dianogstic	Anh	4x60ml+ 2x24ml	20	2.620.100	52.402.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ & THIẾT BỊ THIÊN PHÚC
613	862	Ure OLY0123E 4x60 ml + 2x24ml	Hộp	Fortress Dianogstic	Anh	4x60ml+ 2x24ml	5	2.620.100	13.100.500	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ & THIẾT BỊ THIÊN PHÚC
614	864	Uric Acid OLY0603E	Hộp	Fortress Dianogstic	Anh	4x30ml	20	2.382.600	47.652.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ & THIẾT BỊ THIÊN PHÚC
615	866	Control Lever 1	Hộp	Fisher	Mỹ	Hộp 10 lọ x 1ml	2	2.960.000	5.920.000	Công ty TNHH Thiết bị y tế Phương Đông
616	867	10741 Auto Biliru D	Hộp	Human	Đức	375ml/hộp	16	1.998.000	31.968.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
617	868	10742 Auto Biliru T	Hộp	Human	Đức	375ml/hộp	16	1.998.000	31.968.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công

STT	STT HSMT	Tên hóa chất	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nhà thầu
618	869	12008 CKMB (Nac Act)	Hộp	Human	Anh	20x3ml	10	5.600.000	56.000.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
619	870	12017 ALK phosp LIQ 10x10ml	Hộp	Human	Đức	10x10ml	5	1.200.000	6.000.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
620	871	12023 Gama GT	Hộp	Human	Đức	8x50ml	35	4.320.000	151.200.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
621	872	13160 Autocal Calibrator 4x5ml	Hộp	Human	Mỹ	4x5ml	50	4.729.000	236.450.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
622	873	Acid Uric 4 x 100ml	Hộp	Human	Đức	4x100ml	27	6.800.000	183.600.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
623	874	Albumin 4x100ml	Hộp	Human	Đức	4x100ml	11	680.000	7.480.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
624	875	Amylase	Hộp	Human	Đức	12x10ml	20	5.690.000	113.800.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
625	876	Bilirubin (D+T) 4 x 100ml	Hộp	Human	Đức	4x100ml	2	1.539.000	3.078.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
626	877	Calcium	Hộp	Human	Đức	2x100ml	1	2.680.000	2.680.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
627	878	Calcium	Hộp	Human	Đức	2x100ml	24	2.680.000	64.320.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
628	881	Creatinine	Hộp	Human	Đức	200ml	72	1.990.000	143.280.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
629	882	CRP	Test	Biorex	Anh	100 test	5.800	4.800	27.840.000	Công ty TNHH Khoa Học Kỹ Thuật Vietlab
630	883	Cholesteron 4 x 100ml	Hộp	Human	Đức	4x100ml	46	2.800.000	128.800.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
631	884	Direct glycohemoglobin (HbA1)	Hộp	Human	Mỹ	40ml/hộp	200	13.390.000	2.678.000.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
632	885	Direct HDL- Cholesterol 80ml	Hộp	Human	Nhật	80ml/hộp	200	6.990.000	1.398.000.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
633	886	Direct LDL cholesterol 80ml	Hộp	Human	Nhật	80ml/hộp	100	8.950.000	895.000.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công

STT	STT HSMT	Tên hóa chất	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nhà thầu
634	887	Gamma GT	Hộp	Human	Đức	8x50ml	15	4.320.000	64.800.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
635	888	Glucose 4x100ml	Hộp	Human	Đức	4x100ml	67	1.850.000	123.950.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
636	889	GOT 8 x 50ml	Hộp	Human	Đức	8x50ml	69	3.230.000	222.870.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
637	890	GPT 8 x 50ml	Hộp	Human	Đức	8x50ml	69	3.230.000	222.870.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
638	891	HbA1c CALIBRATOR SET 4 x 0,5ml	Hộp	Human	Đức/Mỹ	4x0,5ml	60	5.260.000	315.600.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
639	892	HDL - Cholesterol Direct	Hộp	Human	Nhật	80ml/hộp	60	6.990.000	419.400.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
640	893	Iron 2x30ml	Hộp	Human	Đức	2x30ml	12	1.290.000	15.480.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
641	894	Protein	Hộp	Human	Đức	4x100ml	41	810.000	33.210.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
642	896	Triglycerid 4 x 100ml	Hộp	Human	Đức	4x100ml	56	5.810.000	325.360.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
643	897	Urea 2 x 100ml	Hộp	Human	Đức	2x100ml	57	2.450.000	139.650.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
644	898	Acid Uric	Hộp	I.S.E	Italy	4x40,5+4x10,5 ml	49	2.522.000	123.578.000	Công ty TNHH thương mại kỹ thuật TPCOM
645	899	Albumin	Hộp	I.S.E	Italy	6x48,5ml	32	2.250.000	72.000.000	Công ty TNHH thương mại kỹ thuật TPCOM
646	900	Amylase	Hộp	I.S.E	Italy	3x48.5ml	11	6.000.000	66.000.000	Công ty TNHH thương mại kỹ thuật TPCOM
647	901	Bilirubin Direct	Hộp	I.S.E	Italy	4x48,5+4x3,5ml	56	2.470.000	138.320.000	Công ty TNHH thương mại kỹ thuật TPCOM
648	902	Bilirubin Total	Hộp	I.S.E	Italy	4x48,5+4x3,5ml	56	1.374.000	76.944.000	Công ty TNHH thương mại kỹ thuật TPCOM
649	903	Calcium	Hộp	I.S.E	Italy	6x48,5ml	13	2.960.000	38.480.000	Công ty TNHH thương mại kỹ thuật TPCOM
650	904	CK- Nac	Hộp	I.S.E	Italy	4x40+4x10ml	7	9.876.000	69.132.000	Công ty TNHH thương mại kỹ thuật TPCOM
651	905	CK-MB	Hộp	I.S.E	Italy	2x48,5+2x10ml	15	7.680.000	115.200.000	Công ty TNHH thương mại kỹ thuật TPCOM
652	906	CKMB Calibrator	Lọ	Elitech	Pháp	1x3ml	5	1.615.000	8.075.000	Công ty TNHH Vạn Niên

STT	STT HSMT	Tên hóa chất	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nhà thầu
653	907	CKMB Control	Lọ	Elitech	Pháp	1x5ml	24	2.447.000	58.728.000	Công ty TNHH Vạn Niên
654	908	Creatinine	Hộp	I.S.E	Italy	4x48,5+4x6,5ml	84	3.460.000	290.640.000	Công ty TNHH thương mại kỹ thuật TPCOM
655	909	CRP	Hộp	I.S.E	Italy	1x5,5/1x48,5 ml	1	3.720.000	3.720.000	Công ty TNHH thương mại kỹ thuật TPCOM
656	910	Chất rửa ngày Cleaning solution	Hộp	I.S.E	Italy	1*90 ml	4	4.490.000	17.960.000	Công ty TNHH thương mại kỹ thuật TPCOM
657	911	Cholesterol	Hộp	I.S.E	Italy	6x48,5ml	102	3.130.000	319.260.000	Công ty TNHH thương mại kỹ thuật TPCOM
658	912	Gamma GT	Hộp	I.S.E	Italy	4x40,5+4x10,5 ml	16	3.930.000	62.880.000	Công ty TNHH thương mại kỹ thuật TPCOM
659	913	Glucose	Hộp	I.S.E	Italy	6x48,5ml	83	5.136.000	426.288.000	Công ty TNHH thương mại kỹ thuật TPCOM
660	914	GOT - AST	Hộp	I.S.E	Italy	4x45,5+4x5ml	108	3.516.000	379.728.000	Công ty TNHH thương mại kỹ thuật TPCOM
661	915	GPT - ALT	Hộp	I.S.E	Italy	4x45,5+4x5ml	108	3.516.000	379.728.000	Công ty TNHH thương mại kỹ thuật TPCOM
662	916	HBA1C	Hộp	Elitech	Pháp	1x15ml+1x5ml+1x2,5ml	10	6.194.000	61.940.000	Công ty TNHH Vạn Niên
663	917	HBA1C	Hộp	I.S.E	Italy	1x15+1x5+1x2,5ml	50	7.650.000	382.500.000	Công ty TNHH thương mại kỹ thuật TPCOM
664	918	HBA1C High Control	Lọ	Elitech	Pháp	4x0,25ml	6	4.788.000	28.728.000	Công ty TNHH Vạn Niên
665	919	HBA1C Low Control	Lọ	Elitech	Pháp	4x0,25ml	6	4.788.000	28.728.000	Công ty TNHH Vạn Niên
666	920	HBA1C Calibrator	Lọ	Elitech	Pháp	4x0,25ml	7	5.598.000	39.186.000	Công ty TNHH Vạn Niên
667	921	HDL Cholesterol	Hộp	I.S.E	Italy	2x30+2x10ml	56	5.510.000	308.560.000	Công ty TNHH thương mại kỹ thuật TPCOM
668	922	HDL/LDL Calibrator	Lọ	Elitech	Pháp	1x3ml	6	3.230.000	19.380.000	Công ty TNHH Vạn Niên
669	923	HDL/LDL Control	Lọ	Elitech	Pháp	1x3ml	6	2.207.000	13.242.000	Công ty TNHH Vạn Niên
670	924	Hóa chất điện giải Reagent pack (Na/ K/Cl/Li)	Hộp	I.S.E	Italy	520*190 ml	9	13.850.000	124.650.000	Công ty TNHH thương mại kỹ thuật TPCOM
671	925	Iron Ferene 4x50 ml	Hộp	Elitech	Pháp	4x50ml	1	2.597.000	2.597.000	Công ty TNHH Vạn Niên
672	926	LDL Cholesterol	Hộp	I.S.E	Italy	1x30+1x10ml	71	2.380.000	168.980.000	Công ty TNHH thương mại kỹ thuật TPCOM
673	927	Magnesium 4x50ml	Hộp	Elitech	Pháp	4x50ml	1	1.290.000	1.290.000	Công ty TNHH Vạn Niên
674	928	Multi Calibrater	Lọ	I.S.E	Italy	4x3 ml	20	2.680.000	53.600.000	Công ty TNHH thương mại kỹ thuật TPCOM
675	929	Multiclean Solution	Lọ	I.S.E	Italy	1x100ml	32	4.900.000	156.800.000	Công ty TNHH thương mại kỹ thuật TPCOM
676	930	Rinse Solution (EW Cvt)	Hộp	I.S.E	Italy	6x50ml	31	3.170.000	98.270.000	Công ty TNHH thương mại kỹ thuật TPCOM
677	931	Rinse solution (EW Prb)	Hộp	Elitech	Pháp	6x20ml	15	2.572.000	38.580.000	Công ty TNHH Vạn Niên
678	932	Systemic Solution	Lọ	I.S.E	Italy	1x1000ml	26	5.000.000	130.000.000	Công ty TNHH thương mại kỹ thuật TPCOM
679	933	Total Protein	Hộp	I.S.E	Italy	6x48,5ml	39	2.400.000	93.600.000	Công ty TNHH thương mại kỹ thuật TPCOM
680	934	Total Protein 6x50ml	Hộp	Elitech	Pháp	6x50ml	2	1.949.000	3.898.000	Công ty TNHH Vạn Niên

STT	STT HSMT	Tên hóa chất	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nhà thầu
681	935	Triglycerides	Hộp	I.S.E	Italy	6x48,5ml	105	3.790.000	397.950.000	Công ty TNHH thương mại kỹ thuật TPCOM
682	936	Urea	Hộp	I.S.E	Italy	4x48,5+4x13ml	109	3.958.000	431.422.000	Công ty TNHH thương mại kỹ thuật TPCOM
683	937	Uric acid 11521	Hộp	I.S.E	Italy	4x40,5+4x10,5 ml	3	2.294.000	6.882.000	Công ty TNHH thương mại kỹ thuật TPCOM
684	938	Calibration Plasma	Hộp	IL	Ý	10x1ml	4	5.680.000	22.720.000	Công ty TNHH Thiết bị Phúc An
685	939	Acid Uric	Hộp	Inmesco GmbH	Đức	4 x 50ml	7	1.020.000	7.140.000	CÔNG TY CP DƯỢC ÁNH DƯƠNG
686	940	Bilirubin	Hộp	Inmesco GmbH	Đức	4 x 50ml	4	810.000	3.240.000	CÔNG TY CP DƯỢC ÁNH DƯƠNG
687	941	Calcium	Lọ	Inmesco GmbH	Đức	4 x 50ml	7	195.000	1.365.000	CÔNG TY CP DƯỢC ÁNH DƯƠNG
688	943	Creatinine	Hộp	Inmesco GmbH	Đức	4x 100ml	15	957.000	14.355.000	CÔNG TY CP DƯỢC ÁNH DƯƠNG
689	944	Cholesterol 4x100ml	Hộp	Inmesco GmbH	Đức	4x 100ml	30	1.497.000	44.910.000	CÔNG TY CP DƯỢC ÁNH DƯƠNG
690	945	Glucose 4x100ml	Lọ	Inmesco GmbH	Đức	4x 100ml	56	187.900	10.522.400	CÔNG TY CP DƯỢC ÁNH DƯƠNG
691	946	GOT 4x50ml	Lọ	Inmesco GmbH	Đức	4 x 50ml	12	256.000	3.072.000	CÔNG TY CP DƯỢC ÁNH DƯƠNG
692	948	Protein	Hộp	Inmesco GmbH	Đức	4x 100ml	10	625.000	6.250.000	CÔNG TY CP DƯỢC ÁNH DƯƠNG
693	949	Urea 4x60ml	Hộp	Inmesco GmbH	Đức	4 x 60ml	15	997.000	14.955.000	CÔNG TY CP DƯỢC ÁNH DƯƠNG
694	951	Washing Solution	Hộp	Labitec	Đức	5x15ml	30	3.890.000	116.700.000	Công ty TNHH thương mại kỹ thuật TPCOM
695	953	Multicalibrator cc/h	Lọ	Linear Chemicals	Spain	Hộp 5 lọ x 5mL	5	197.761	988.805	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ NGHĨA TÍN
696	957	2118 Daily cleaning solution kid	Bộ	Medica	Mỹ	90ml	1	2.137.500	2.137.500	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ & THIẾT BỊ THIÊN PHÚC
697	958	2121 SOLUTION PACK NA/K/CL 800ML	Hộp	Medica	Mỹ	800ml	2	7.900.000	15.800.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ & THIẾT BỊ THIÊN PHÚC
698	959	Bi-Level quality Control 2814	hộp	Medica	Mỹ	2x10ml	6	2.200.000	13.200.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ & THIẾT BỊ THIÊN PHÚC
699	960	Daily Rinse 7118	Hộp	Medica	Mỹ	90ml	19	1.750.000	33.250.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ & THIẾT BỊ THIÊN PHÚC
700	961	QC Kit - Level 1	Hộp	Medica	Mỹ	1.7ml/ lọ	8	1.450.000	11.600.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ & THIẾT BỊ THIÊN PHÚC
701	962	QC Kit - Level 2	Hộp	Medica	Mỹ	1.7ml/ lọ	8	1.150.000	9.200.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ & THIẾT BỊ THIÊN PHÚC
702	963	QC Kit - Level 3	Hộp	Medica	Mỹ	1.7ml/ lọ	8	1.450.000	11.600.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ & THIẾT BỊ THIÊN PHÚC
703	964	Quality Control Kit 2814	Hộp	Medica	Mỹ	2x10ml	5	2.200.000	11.000.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ & THIẾT BỊ THIÊN PHÚC
704	965	Solution Pack Na/K /Ca /PH 2123	Hộp	Medica	Mỹ	800ml	12	8.500.000	102.000.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ & THIẾT BỊ THIÊN PHÚC
705	966	Solution Pack Na/K/Ca/pH (800ml) 2123	Hộp	Medica	Mỹ	800ml	9	8.500.000	76.500.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ & THIẾT BỊ THIÊN PHÚC
706	967	Easy lyte plus Na/K/Cl 800ml	Bình	Medica	Mỹ	800ml	1	3.000.000	3.000.000	Công ty TNHH Vạn Niên
707	968	Extran 2.5 lít	can	Merck	Đức	2,5 lít	25	2.420.000	60.500.000	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm
708	969	Calibrator BC-1800/3000plus	Hộp	Mindray	Trung Quốc	1x3ml	7	1.800.000	12.600.000	Công ty TNHH Vạn Niên
709	970	M-18CFL/30CFL LYSE	Chai	Mindray	Trung Quốc	500ml	176	5.400.000	950.400.000	Công ty TNHH Vạn Niên

STT	STT HSMT	Tên hóa chất	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nhà thầu
710	971	M-18D/30D Diluent 20lít/thùng	Thùng	Mindray	Trung Quốc	20 lít	192	5.400.000	1.036.800.000	Công ty TNHH Vạn Niên
711	972	M-18E/30E E-Z	Lọ	Mindray	Trung Quốc	100ml	26	2.800.000	72.800.000	Công ty TNHH Vạn Niên
712	973	M-18P/30P PROBE	Lọ	Mindray	Trung Quốc	17ml	13	1.799.000	23.387.000	Công ty TNHH Vạn Niên
713	974	M-18R/30R RIN	Can	Mindray	Trung Quốc	5,5 Lit	225	2.860.000	643.500.000	Công ty TNHH Vạn Niên
714	975	M-50 D Diluent	Thùng	Mindray	Trung Quốc	20 Lit	12	5.400.000	64.800.000	Công ty TNHH Vạn Niên
715	976	M-53 Clea.	Chai	Mindray	Trung Quốc	1 Lit	26	2.800.000	72.800.000	Công ty TNHH Vạn Niên
716	977	M-53 D Diluent	Thùng	Mindray	Trung Quốc	20 lít	112	5.400.000	604.800.000	Công ty TNHH Vạn Niên
717	978	M-53 LEO (I) Lyse (1Lx4)	Chai	Mindray	Trung Quốc	1x4L	16	4.600.000	73.600.000	Công ty TNHH Vạn Niên
718	979	M-53 LEO (II) Lyse (200mlx4)	Chai	Mindray	Trung Quốc	200mlx4	12	2.400.000	28.800.000	Công ty TNHH Vạn Niên
719	980	M-53 LH Lyse (500mlx4)	Chai	Mindray	Trung Quốc	500mlx4	22	3.400.000	74.800.000	Công ty TNHH Vạn Niên
720	981	M-53 Probe	Lọ	Mindray	Trung Quốc	50ml	5	2.500.000	12.500.000	Công ty TNHH Vạn Niên
721	982	M-58 Clea.	Chai	Mindray	Trung Quốc	1 lít	5	2.800.000	14.000.000	Công ty TNHH Vạn Niên
722	983	M-58 Probe	Lọ	Mindray	Trung Quốc	50ml	2	2.500.000	5.000.000	Công ty TNHH Vạn Niên
723	984	M-58D Diluent	Thùng	Mindray	Trung Quốc	20 Lit	20	5.400.000	108.000.000	Công ty TNHH Vạn Niên
724	985	Multi calibrator sera 10*3ml	Hộp	Mindray	Trung Quốc	10x3ml	20	784.000	15.680.000	Công ty TNHH Vạn Niên
725	986	Quality Control BC-1800/3000plus	Lọ	Mindray	Trung Quốc	3ml	5	3.200.000	16.000.000	Công ty TNHH Vạn Niên
726	987	Cleanac 3 (5 lít)	Can	Nihon Kohden	Nhật Bản	Can 5 lít	27	4.800.000	129.600.000	Công ty TNHH Thiết bị y tế Phương Đông
727	988	Assayed Chemistry Premium Plus Level 2	lọ	Randox	Anh	1x5ml	12	513.000	6.156.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ & THIẾT BỊ THIÊN PHÚC
728	989	Assayed Chemistry Premium Plus Level 3	lọ	Randox	Anh	1x5ml	12	513.000	6.156.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ & THIẾT BỊ THIÊN PHÚC
729	990	Clinical Chemistry Calibration Serum Level 3	lọ	Randox	Anh	1x5ml	12	648.375	7.780.500	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ & THIẾT BỊ THIÊN PHÚC
730	991	HbA1c Control set level 1 & 2	Lọ	Randox/ Anh	Anh	2x2x 0.5ml	3	1.669.964	5.009.892	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ & THIẾT BỊ THIÊN PHÚC
731	992	03002721122 GGT G2-400T COBAS C/INTEGRA	Hộp	Roche	Đức	400 test	5	1.228.000	6.140.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
732	993	03038866322 LDL-C GEN.2, 175T C,I	Hộp	Roche	Đức	175 test	10	4.183.500	41.835.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
733	994	03039773190 CHOL HICO GEN.2 400T COBAS C	Hộp	Roche	Đức	400 test	20	997.000	19.940.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
734	995	03121305122 CFAS PROTEINS U	Hộp	Roche	Đức	5x1ml	2	2.790.000	5.580.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
735	996	03121313122 PRECINORM PROTEINS U	Hộp	Roche	Đức	5x1ml	2	5.050.000	10.100.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
736	998	03183734190 TP G2 300T COBAS C/INTEGRA	Hộp	Roche	Đức	300 test	5	729.000	3.645.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công

STT	STT HSMT	Tên hóa chất	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nhà thầu
737	999	03183807190 UA G2 400T COBAS C/INTEGRA	Hộp	Roche	Đức	400 test	5	1.171.000	5.855.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
738	1.000	03246353001 CARTRIDGE CL	Hộp	Roche	Nhật	01 cái/hộp	1	9.730.000	9.730.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
739	1.001	03261638190 BIL-TS 250T COBAS C/INTEGRA	Hộp	Roche	Đức	250 test	20	583.000	11.660.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
740	1.002	04357108001 Micro Cuvette C111	Hộp	Roche	Thụy Sĩ	168segx10 cuvet	1	6.500.000	6.500.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
741	1.003	04399803190 HDL-C G3, 200 COBASC/INTEGR	Hộp	Roche	Đức	200 test	20	2.633.000	52.660.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
742	1.004	04404483190 GLUC HK G3. 800T COBAS C	Hộp	Roche	Đức	800 test	12	1.935.000	23.220.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
743	1.005	04460715190 UREAL 500T COBAS C/INTEGRA	Hộp	Roche	Đức	500 test	12	2.092.000	25.104.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
744	1.006	04489225190 SMS, COBAS C	Hộp	Roche	Đức	50ml	3	308.000	924.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
745	1.007	04489241190 NAOH-D, COBAS C	Hộp	Roche	Đức	50ml	30	367.000	11.010.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
746	1.008	04489357190 NAACL 9% DIL, COBAS C	Hộp	Roche	Đức	50ml	5	330.000	1.650.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
747	1.009	04489403190 ASLO TQ, 150T COBAS C	Hộp	Roche	Đức	150 test	1	5.090.000	5.090.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
748	1.010	04522320190 ISE INT.STAND G2 COBAS C/HIT	Hộp	Roche	Đức	5x600ml	2	6.875.000	13.750.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
749	1.011	04522630190 ISE DILUENT G2, COBAS C/HIT	Hộp	Roche	Đức	5x300ml	2	5.845.000	11.690.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
750	1.012	04528182190 HBA1C HAEMOLYZING COBAS C	Hộp	Roche	Đức	50ml	5	1.665.000	8.325.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
751	1.013	04528417190 CFAS HBA1C, 3x2ml	Hộp	Roche	Đức	3x2ml	3	5.970.000	17.910.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công

STT	STT HSMT	Tên hóa chất	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nhà thầu
752	1.014	04555040001 Reaction cell cobas c 311	Hộp	Roche	Nhật		1	24.120.000	24.120.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
753	1.015	04663632190 ACTIVATOR COBAS C/INTE/C111	Hộp	Roche	Đức	9x12ml	1	4.030.000	4.030.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
754	1.016	04708725190 MULTICLEAN, COBAS C	Hộp	Roche	Đức	12x59ml	2	1.530.000	3.060.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
755	1.017	04774230190 NAACL 9% cobas c 111	Hộp	Roche	Đức	4x12ml	1	1.683.000	1.683.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
756	1.018	04810716190 CREA G2 700T COBAS C/INTEGRA	Hộp	Roche	Đức	700 test	10	1.735.000	17.350.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
757	1.019	04880277190 MULTICLEAN 2x2L	Hộp	Roche	Đức	2x2 lít	10	2.030.000	20.300.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
758	1.020	04880285190 NAOH-D/BASIC WASH 2x1,8L	Hộp	Roche	Đức	2x1,8 lít	10	2.409.000	24.090.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
759	1.021	04880307190 ACID WASH SOLUTION 2x2L	Hộp	Roche	Đức	2x2 lít	10	4.820.000	48.200.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
760	1.022	04912756190 Hitergent cobas c 311 c pack	Hộp	Roche	Đức	50ml	10	1.950.000	19.500.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
761	1.023	05007232190 Hemolyzing c 111	Hộp	Roche	Đức	8x6,3ml	1	1.673.000	1.673.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
762	1.024	05061482190 C-pack CA G2, 300 test	Hộp	Roche	Đức	300 test	5	865.000	4.325.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
763	1.025	05336163190 HbA1c TQ Gen.3 150T cobas	Hộp	Roche	Đức	150 test	15	7.610.000	114.150.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
764	1.026	05401640190 HbA1c 200 tests cobas c 111	Hộp	Roche	Đức	200 test	1	10.580.000	10.580.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
765	1.027	05422485190 Ecotergent c311	Hộp	Roche	Đức	60ml	20	625.000	12.500.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
766	1.028	05479207190 PreciControlHBA1c Norm,4x1ml	Hộp	Roche	Đức	4x1ml	3	5.640.000	16.920.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công

STT	STT HSMT	Tên hóa chất	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nhà thầu
767	1.029	05912504190 PreciControlHBA 1c Path 4x1ml	Hộp	Roche	Đức	4x1ml	3	5.850.000	17.550.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
768	1.030	06656757032 Accu-Chek Active 50 T. MIC	Hộp	Roche	Đức	50 test/hộp	12	356.000	4.272.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
769	1.031	10759350190 CFAS 12x3ml	Hộp	Roche	Đức	12x3ml	2	2.203.000	4.406.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
770	1.032	10781827122 PRECINORM L 4x3ml	Hộp	Roche	Đức	4x3ml	2	1.689.000	3.378.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
771	1.033	10825441001 CARTRIDGE K	Hộp	Roche	Nhật	01 cái/hộp	1	9.830.000	9.830.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
772	1.034	10825468001 CARTRIDGE NA	Hộp	Roche	Nhật	01 cái/hộp	1	10.295.000	10.295.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
773	1.035	11183974216 ISE STANDARD LOW 10x3ml	Hộp	Roche	Đức	10x3ml	3	519.000	1.557.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
774	1.036	11183982216 ISE STANDARD HIGH10x3ml	Hộp	Roche	Đức	10x3ml	3	519.000	1.557.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
775	1.037	11285874122 PRECIPATH L 4x3ml	Hộp	Roche	Đức	4x3ml	2	2.392.000	4.784.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
776	1.038	11298500316 ISE CLEANING SOL.	Hộp	Roche	Đức		11	2.345.000	25.795.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
777	1.039	11360981216 ISE REFERELECTROLYTE 5x300ml	Hộp	Roche	Đức	5x300ml	3	4.077.000	12.231.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
778	1.040	11489828216 ISE COMPENSATOR 10x1ml	Hộp	Roche	Đức	10x1ml	1	854.500	854.500	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
779	1.041	11555430216 H917 NAOH SOLUTION	Hộp	Roche	Đức	12x70ml	2	1.170.000	2.340.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
780	1.042	11778552122 PRECIPATH HDL/LDL 4x3ml	Hộp	Roche	Đức	4x3ml	2	2.784.000	5.568.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
781	1.043	12172623122 CFAS LIPIDS 3x1ml	Hộp	Roche	Đức	3x1ml	1	1.766.000	1.766.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công

STT	STT HSMT	Tên hóa chất	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nhà thầu
782	1.044	20754765322 INTEGRA CLEANER	Hộp	Roche	Đức	1000ml	1	906.000	906.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
783	1.045	20764949322 ASTL, 500T COBAS C./INTEGRA	Hộp	Roche	Đức	500 test	20	1.880.000	37.600.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
784	1.046	20764957322 ALTL, 500T COBAS C./INTEGRA	Hộp	Roche	Đức	500 test	20	1.880.000	37.600.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
785	1.047	20767107322 TRIGL 250T COBAS C./INTEGRA	Hộp	Roche	Đức	250 test	20	1.154.500	23.090.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
786	1.048	FERRITIN CS - 03737586190	Hộp	Roche	Đức	4x1ml	1	1.338.000	1.338.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
787	1.049	FERRITIN RP - 03737551190	Hộp	Roche	Đức	100 test	12	4.820.000	57.840.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
788	1.050	HDL - Cholesterol Direct 04713214190	Hộp	Roche	Đức		15	7.710.000	115.650.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
789	1.051	LDL Cholesterol 04711220190	Hộp	Roche	Đức		15	5.225.000	78.375.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
790	1.052	PreciControl Cardiac 04917049160	Hộp	Roche	Đức	4x3ml	2	1.750.000	3.500.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
791	1.053	Precicontrol Cardiac Maker 1 04917049190	Hộp	Roche	Đức		2	1.750.000	3.500.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
792	1.054	Precicontrol Cardiac Maker 2 04917049190	Hộp	Roche	Đức		2	1.750.000	3.500.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
793	1.055	SYSWASH - Elesys 11930346122	Lọ	Roche	Đức	500ml	25	1.575.000	39.375.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
794	1056	Test thử tiểu đường Accucheck (06656757032 Accu-Chek Active 50 T. MIC)	Hộp	Roche	Đức		35	308.100	10.783.500	Công ty TNHH Một thành viên Vimedimex Bình Dương (Đơn vị được ủy quyền: Chi nhánh Công ty TNHH Một thành viên Vimedimex Bình Dương tại Hà Nội)
795	1.057	Control P-N for Coagpia (Control A - N) hóa chất chạy QC	Hộp	Sekisui	Nhật Bản	1ml x 3 lọ (L) 1ml x 3 lọ (H)	1	6.000.000	6.000.000	Liên danh Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Trí Đức và Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Dịch vụ Anh Phát
796	1.059	ISE Control (Na+, K+, Cl-, Li+) R04S024	cái	SFRI	Pháp	1x30ml	1	4.494.000	4.494.000	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm
797	1.060	K Filling Solution R04S029	Hộp	SFRI	Pháp	1x30ml	1	4.494.000	4.494.000	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm

STT	STT HSMT	Tên hóa chất	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nhà thầu
798	1.061	pH Na Cl Filling Solution R04S030	Hộp	SFRI	Pháp	1x30ml	1	4.494.000	4.494.000	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm
799	1.064	Acid Uric 4 x 100ml	Hộp	SGM	Italia	4 x 100ml	12	2.400.000	28.800.000	Công ty TNHH Thương mại và Công nghệ Anh Quân
800	1.065	ALBUMIN 4 x 250 ml	Hộp	SGM	Italia	4 x 250 ml	12	1.900.000	22.800.000	Công ty TNHH Thương mại và Công nghệ Anh Quân
801	1.066	Amylase	Hộp	SGM	Italia	3x20ml	15	1.200.000	18.000.000	Công ty TNHH Thương mại và Công nghệ Anh Quân
802	1.067	Bilirubin Direct4x100ml	Hộp	SGM	Italia	4x100ml	22	1.840.000	40.480.000	Công ty TNHH Thương mại và Công nghệ Anh Quân
803	1.068	Bilirubin Total4x100ml	Hộp	SGM	Italia	4x100ml	22	1.840.000	40.480.000	Công ty TNHH Thương mại và Công nghệ Anh Quân
804	1.069	Calcium	Lọ	SGM	Italia	4x100ml	10	2.480.000	24.800.000	Công ty TNHH Thương mại và Công nghệ Anh Quân
805	1.070	CK-MB	Hộp	SGM	Italia	19x3ml	10	1.995.000	19.950.000	Công ty TNHH Thương mại và Công nghệ Anh Quân
806	1.071	Creatinine	Hộp	SGM	Italia	4x100ml	35	2.080.000	72.800.000	Công ty TNHH Thương mại và Công nghệ Anh Quân
807	1.072	CRP	Hộp	SGM	Italia	100 test	12	1.600.000	19.200.000	Công ty TNHH Thương mại và Công nghệ Anh Quân
808	1.074	Glucose 4 x 100ml	hộp	SGM	Italia	4 x 100ml	35	2.000.000	70.000.000	Công ty TNHH Thương mại và Công nghệ Anh Quân
809	1.075	GOT 6x50ml	Hộp	SGM	Italia	6x50ml	35	2.100.000	73.500.000	Công ty TNHH Thương mại và Công nghệ Anh Quân
810	1.076	GPT	Hộp	SGM	Italia	6x50ml	35	2.100.000	73.500.000	Công ty TNHH Thương mại và Công nghệ Anh Quân
811	1.077	HbA1c	Hộp	SGM	Italia	1x10ml+1x30ml	2	6.880.000	13.760.000	Công ty TNHH Thương mại và Công nghệ Anh Quân
812	1.078	PROTEIN (TOTAL)	hộp	SGM	Italia	2x250ml	12	2.000.000	24.000.000	Công ty TNHH Thương mại và Công nghệ Anh Quân
813	1.079	Total Protein	hộp	SGM	Italia	2x250ml	12	2.000.000	24.000.000	Công ty TNHH Thương mại và Công nghệ Anh Quân
814	1.080	Triglycerid	Hộp	SGM	Italia	4 x 100ml	55	3.200.000	176.000.000	Công ty TNHH Thương mại và Công nghệ Anh Quân
815	1.081	Urea	Hộp	SGM	Italia	4x50ml	47	1.500.000	70.500.000	Công ty TNHH Thương mại và Công nghệ Anh Quân
816	1.082	HbA1C	Hộp	Stanbio	Mỹ	40ml/hộp	12	11.470.000	137.640.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
817	1.084	HbA1C Control ( Dung dịch chuẩn)	Hộp	Stanbio	Mỹ	2x0,5ml	8	6.500.000	52.000.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
818	1.087	Acid Uric 2x250ml	Hộp	Stanbio	Mỹ	2x250ml	4	3.950.000	15.800.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công

STT	STT HSMT	Tên hóa chất	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nhà thầu
819	1.088	Acid Uric 4 x30ml	Hộp	Stanbio	Mỹ	4x30ml	4	1.130.000	4.520.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
820	1.089	Albumin 500ml	Hộp	Stanbio	Mỹ	500ml	22	640.000	14.080.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
821	1.090	Bilirubin D 450ml	Hộp	Stanbio	Mỹ	450ml	36	2.800.000	100.800.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
822	1.091	Bilirubin T 450ml	Hộp	Stanbio	Mỹ	450ml	36	2.800.000	100.800.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
823	1.092	Creatinin 2x250ml	Hộp	Stanbio	Mỹ	2x250ml	50	2.790.000	139.500.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
824	1.093	Cholesterol 2x250 ml	Hộp	Stanbio	Mỹ	2x250ml	50	3.759.000	187.950.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
825	1.094	Direct Glycohemo (HbA1C) calibra 4 x 0,5ml	Hộp	Stanbio	Mỹ	4x0,5ml	3	6.500.000	19.500.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
826	1.095	Direct Glycohemoglobin (HbA1c) 40ml	Hộp	Stanbio	Mỹ	40ml/hộp	30	11.470.000	344.100.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
827	1.096	Glucose 2 x 250 ml	Hộp	Stanbio	Mỹ	2x250ml	72	1.350.000	97.200.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
828	1.097	GOT 4x125 ml	Hộp	Stanbio	Mỹ	4x125ml	50	3.750.000	187.500.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
829	1.098	GPT 4x125 ml	Hộp	Stanbio	Mỹ	4x125ml	50	3.750.000	187.500.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
830	1.099	HDL Cholesterol 80ml	Hộp	Stanbio	Mỹ	80ml/hộp	120	5.450.000	654.000.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
831	1.100	LDL Cholesterol 80ml	Hộp	Stanbio	Mỹ	80ml/hộp	260	9.160.000	2.381.600.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
832	1.101	Protein total 2x250ml	Hộp	Stanbio	Mỹ	2x250ml	20	890.000	17.800.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
833	1.102	Triglycerid 2x250 ml	Hộp	Stanbio	Mỹ	2x250ml	50	6.900.000	345.000.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công

STT	STT HSMT	Tên hóa chất	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nhà thầu
834	1.103	Urea 4 x 125 ml	Hộp	Stanbio	Mỹ	4x125ml	70	4.490.000	314.300.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
835	1.106	CAL Cartridge 1801 (for GASTAT-1810aqc/1820aqc/1830aqc (2btl/box) 128932	Hộp	Techno Medica	Nhật Bản	2btl/box	18	48.651.750	875.731.500	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm
836	1.107	CAL Cartridge GASTAT-1810	Hộp	Techno Medica	Nhật Bản	2 bình/hộp 450ml/bình	2	30.144.450	60.288.900	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm
837	1.115	FLUSH SOLUTION GASTAT-1810	Hộp	Techno Medica	Nhật Bản	3 bình/hộp 550ml/bình	2	9.572.200	19.144.400	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm
838	1.116	GASTROL ISE TRI-Level (Available parameter pH,PCO2,PO2,Na,K,Cl,Ca2+, Glc,Lac) 2.5ml.12 for each total 36 amples. -83920	Hộp	Techno Medica	Hà Lan	36 lọ/hộp 36x2.5ml	2	21.395.850	42.791.700	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm
839	1.117	GASTROL TRI-Level (Available parameter pH,PCO2,PO2)	Hộp	Techno Medica	Hà Lan	36 lọ/hộp 36x3.0ml	4	14.837.550	59.350.200	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm
840	1118	Albumin	Hộp	Spinreact	Tây Ban Nha	2 x 50 mL	2	1.100.000	2.200.000	Công ty TNHH XNK thiết bị y tế An Bình
841	1119	Alkaline Phosphatase	Hộp	Spinreact	Tây Ban Nha	4 x 50 mL / 1 x 50 mL	2	1.110.000	2.220.000	Công ty TNHH XNK thiết bị y tế An Bình
842	1120	Amylase	Hộp	Spinreact	Tây Ban Nha	3 x 50 mL / 1 x 50 mL	2	9.480.000	18.960.000	Công ty TNHH XNK thiết bị y tế An Bình
843	1121	ASO định lượng	Hộp	Spinreact	Tây Ban Nha	2x30ml, 1x15ml, 1x1ml chuẩn	2	5.090.000	10.180.000	Công ty TNHH XNK thiết bị y tế An Bình
844	1122	Bilirubin Direct	Hộp	Spinreact	Tây Ban Nha	3 x 50 mL / 1 x 10 mL	2	1.770.000	3.540.000	Công ty TNHH XNK thiết bị y tế An Bình
845	1123	Bilirubin Total	Hộp	Spinreact	Tây Ban Nha	3 x 50 mL / 1 x 10 mL	2	1.770.000	3.540.000	Công ty TNHH XNK thiết bị y tế An Bình
846	1124	Calcium	Hộp	Spinreact	Tây Ban Nha	2 x 50 mL	2	2.910.000	5.820.000	Công ty TNHH XNK thiết bị y tế An Bình
847	1125	CK MB Kinetich	Hộp	Spinreact	Tây Ban Nha	1 x 40 mL / 1 x 10 mL	2	4.540.000	9.080.000	Công ty TNHH XNK thiết bị y tế An Bình
848	1126	CK NAC Linetic	Hộp	Spinreact	Tây Ban Nha	1 x 40 mL / 1 x 10 mL	2	1.980.000	3.960.000	Công ty TNHH XNK thiết bị y tế An Bình
849	1127	Creatinine enzymatic	Hộp	Spinreact	Tây Ban Nha	3 x 50 mL / 1 x 50 mL	2	6.180.000	12.360.000	Công ty TNHH XNK thiết bị y tế An Bình
850	1128	Creatinine Jaffe	Hộp	Spinreact	Tây Ban Nha	4x 250	2	4.420.000	8.840.000	Công ty TNHH XNK thiết bị y tế An Bình
851	1129	CRP Định lượng	Hộp	Spinreact	Tây Ban Nha	2x30ml, 1x15ml, 1x1ml	2	5.100.000	10.200.000	Công ty TNHH XNK thiết bị y tế An Bình
852	1130	Cholesterol	Hộp	Spinreact	Tây Ban Nha	2 x 50 mL / 1 x 50 mL	2	4.990.000	9.980.000	Công ty TNHH XNK thiết bị y tế An Bình

STT	STT HSMT	Tên hóa chất	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nhà thầu
853	1131	Gamma-GT	Hộp	Spinreact	Tây Ban Nha	4 x 50 mL / 1 x 50 mL	2	6.430.000	12.860.000	Công ty TNHH XNK thiết bị y tế An Bình
854	1132	Glucose	Hộp	Spinreact	Tây Ban Nha	2 x 50 mL	2	710.000	1.420.000	Công ty TNHH XNK thiết bị y tế An Bình
855	1133	GOT / AST	Hộp	Spinreact	Tây Ban Nha	4 x 50 mL / 1 x 50 mL	2	2.470.000	4.940.000	Công ty TNHH XNK thiết bị y tế An Bình
856	1134	GPT / ALT	Hộp	Spinreact	Tây Ban Nha	4 x 50 mL / 1 x 50 mL	2	2.470.000	4.940.000	Công ty TNHH XNK thiết bị y tế An Bình
857	1135	HbA1c	Hộp	Spinreact	Tây Ban Nha	1 x 30 mL / 1 x 10 mL / 3 x 45 mL	2	20.360.000	40.720.000	Công ty TNHH XNK thiết bị y tế An Bình
858	1136	HDL Direct	Hộp	Spinreact	Tây Ban Nha	3 x 50 mL / 1 x 50 mL	2	10.840.000	21.680.000	Công ty TNHH XNK thiết bị y tế An Bình
859	1137	LDH	Hộp	Spinreact	Tây Ban Nha	1 x 40 mL / 1 x 10 mL	2	3.180.000	6.360.000	Công ty TNHH XNK thiết bị y tế An Bình
860	1138	LDL Direct	Hộp	Spinreact	Tây Ban Nha	3 x 50 mL / 1 x 50 mL	2	10.920.000	21.840.000	Công ty TNHH XNK thiết bị y tế An Bình
861	1139	Phosphorus	Hộp	Spinreact	Tây Ban Nha	2 x 50 mL	2	2.460.000	4.920.000	Công ty TNHH XNK thiết bị y tế An Bình
862	1140	Total Protein	Hộp	Spinreact	Tây Ban Nha	2 x 50 mL	2	905.000	1.810.000	Công ty TNHH XNK thiết bị y tế An Bình
863	1141	Triglycerides	Hộp	Spinreact	Tây Ban Nha	4 x 50 mL	2	5.880.000	11.760.000	Công ty TNHH XNK thiết bị y tế An Bình
864	1142	Urea	Hộp	Spinreact	Tây Ban Nha	4 x 50 mL / 1 x 50 mL	2	5.910.000	11.820.000	Công ty TNHH XNK thiết bị y tế An Bình
865	1143	Uric Acid	Hộp	Spinreact	Tây Ban Nha	2x50 mL / 1 x 50 mL	2	5.015.000	10.030.000	Công ty TNHH XNK thiết bị y tế An Bình
866	1.146	Glycated Hemoglobin Controls Level I & Level II-01-04-0020	Hộp	Trinity Biotech	Ailen	2x500 µl	2	7.665.000	15.330.000	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm
867	1.154	Chai cấy máu trẻ em	Chai	Becton Dickinson (BD)	Mỹ	50 chai / thùng	10	110.000	1.100.000	Công ty TNHH Thiết bị y tế Phương Đông
868	1155	Amikacin	Hộp	Liofilchem	Ý	5x50 Discs	1	390.000	390.000	Công ty TNHH Khoa Học Kỹ Thuật Vietlab
869	1156	Amoxicillin	Hộp	Liofilchem	Ý	5x50 Discs	1	390.000	390.000	Công ty TNHH Khoa Học Kỹ Thuật Vietlab
870	1157	Amoxicillin + Clavulanic acid	Hộp	Liofilchem	Ý	5x50 Discs	1	390.000	390.000	Công ty TNHH Khoa Học Kỹ Thuật Vietlab
871	1159	Ampicillin	Hộp	Liofilchem	Ý	5x50 Discs	1	390.000	390.000	Công ty TNHH Khoa Học Kỹ Thuật Vietlab
872	1160	Ampicillin + Sulbactam	Hộp	Liofilchem	Ý	5x50 Discs	1	390.000	390.000	Công ty TNHH Khoa Học Kỹ Thuật Vietlab
873	1162	Azithromycin	Hộp	Liofilchem	Ý	5x50 Discs	1	390.000	390.000	Công ty TNHH Khoa Học Kỹ Thuật Vietlab
874	1163	Aztreonam	Hộp	Liofilchem	Ý	5x50 Discs	1	390.000	390.000	Công ty TNHH Khoa Học Kỹ Thuật Vietlab
875	1164	Bacitracin	Hộp	Liofilchem	Ý	5x50 Discs	1	390.000	390.000	Công ty TNHH Khoa Học Kỹ Thuật Vietlab
876	1165	Bacitracin	Hộp	Liofilchem	Ý	5x50 Discs	1	390.000	390.000	Công ty TNHH Khoa Học Kỹ Thuật Vietlab
877	1166	Bacitracin	Hộp	Liofilchem	Ý	5x50 Discs	1	390.000	390.000	Công ty TNHH Khoa Học Kỹ Thuật Vietlab
878	1167	Carbenicillin	Hộp	Liofilchem	Ý	5x50 Discs	1	390.000	390.000	Công ty TNHH Khoa Học Kỹ Thuật Vietlab
879	1168	Cefaclor	Hộp	Liofilchem	Ý	5x50 Discs	1	390.000	390.000	Công ty TNHH Khoa Học Kỹ Thuật Vietlab
880	1169	Cefamandole	Hộp	Liofilchem	Ý	5x50 Discs	1	390.000	390.000	Công ty TNHH Khoa Học Kỹ Thuật Vietlab
881	1170	Cefazolin	Hộp	Liofilchem	Ý	5x50 Discs	1	390.000	390.000	Công ty TNHH Khoa Học Kỹ Thuật Vietlab

STT	STT HSMT	Tên hóa chất	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nhà thầu
882	1171	Cefepime	Hộp	Liofilchem	Ý	5x50 Discs	1	390.000	390.000	Công ty TNHH Khoa Học Kỹ Thuật Vietlab
883	1173	Cefixime	Hộp	Liofilchem	Ý	5x50 Discs	1	390.000	390.000	Công ty TNHH Khoa Học Kỹ Thuật Vietlab
884	1175	Cefoperazone	Hộp	Liofilchem	Ý	5x50 Discs	1	390.000	390.000	Công ty TNHH Khoa Học Kỹ Thuật Vietlab
885	1.176	Khoanh giấy kháng sinh - CEFOPERAZONE/ SULBACTAM 75/30 10 EA	Hộp	Oxoid	Anh	5 x 50 khoanh	1	451.000	451.000	Công ty TNHH DEKA
886	1177	Cefotaxime	Hộp	Liofilchem	Ý	5x50 Discs	1	390.000	390.000	Công ty TNHH Khoa Học Kỹ Thuật Vietlab
887	1178	Cefotaxime + Clavulanic acid	Hộp	Liofilchem	Ý	5x50 Discs	1	390.000	390.000	Công ty TNHH Khoa Học Kỹ Thuật Vietlab
888	1179	Cefotaxime + Clavulanic acid	Hộp	Liofilchem	Ý	5x50 Discs	1	390.000	390.000	Công ty TNHH Khoa Học Kỹ Thuật Vietlab
889	1181	Cefoxitin	Hộp	Liofilchem	Ý	5x50 Discs	1	390.000	390.000	Công ty TNHH Khoa Học Kỹ Thuật Vietlab
890	1182	Cefpodoxime	Hộp	Liofilchem	Ý	5x50 Discs	1	390.000	390.000	Công ty TNHH Khoa Học Kỹ Thuật Vietlab
891	1183	Cefprozil	Hộp	Liofilchem	Ý	5x50 Discs	1	390.000	390.000	Công ty TNHH Khoa Học Kỹ Thuật Vietlab
892	1184	Ceftazidime	Hộp	Liofilchem	Ý	5x50 Discs	1	390.000	390.000	Công ty TNHH Khoa Học Kỹ Thuật Vietlab
893	1186	Ceftazidime + Clavulanic acid	Hộp	Liofilchem	Ý	5x50 Discs	1	390.000	390.000	Công ty TNHH Khoa Học Kỹ Thuật Vietlab
894	1188	Ceftriaxone	Hộp	Liofilchem	Ý	5x50 Discs	1	390.000	390.000	Công ty TNHH Khoa Học Kỹ Thuật Vietlab
895	1189	Cefuroxime	Hộp	Liofilchem	Ý	5x50 Discs	1	390.000	390.000	Công ty TNHH Khoa Học Kỹ Thuật Vietlab
896	1190	Cephalexin	Hộp	Liofilchem	Ý	5x50 Discs	1	390.000	390.000	Công ty TNHH Khoa Học Kỹ Thuật Vietlab
897	1191	Cephalothin	Hộp	Liofilchem	Ý	5x50 Discs	1	390.000	390.000	Công ty TNHH Khoa Học Kỹ Thuật Vietlab
898	1192	Cephradine	Hộp	Liofilchem	Ý	5x50 Discs	1	390.000	390.000	Công ty TNHH Khoa Học Kỹ Thuật Vietlab
899	1194	Ciprofloxacin	Hộp	Liofilchem	Ý	5x50 Discs	1	390.000	390.000	Công ty TNHH Khoa Học Kỹ Thuật Vietlab
900	1196	Clarithromycin	Hộp	Liofilchem	Ý	5x50 Discs	1	390.000	390.000	Công ty TNHH Khoa Học Kỹ Thuật Vietlab
901	1199	Cloxacillin	Hộp	Liofilchem	Ý	5x50 Discs	1	390.000	390.000	Công ty TNHH Khoa Học Kỹ Thuật Vietlab
902	1201	Colistin sulfate	Hộp	Liofilchem	Ý	5x50 Discs	1	390.000	390.000	Công ty TNHH Khoa Học Kỹ Thuật Vietlab
903	1203	Chloramphenicol	Hộp	Liofilchem	Ý	5x50 Discs	1	390.000	390.000	Công ty TNHH Khoa Học Kỹ Thuật Vietlab
904	1204	Doxycycline	Hộp	Liofilchem	Ý	5x50 Discs	1	390.000	390.000	Công ty TNHH Khoa Học Kỹ Thuật Vietlab
905	1205	Spectinomycin	Hộp	Liofilchem	Ý	5x50 Discs	1	390.000	390.000	Công ty TNHH Khoa Học Kỹ Thuật Vietlab
906	1207	Ertapenem	Hộp	Liofilchem	Ý	5x50 Discs	1	390.000	390.000	Công ty TNHH Khoa Học Kỹ Thuật Vietlab
907	1208	Erythromycin	Hộp	Liofilchem	Ý	5x50 Discs	1	390.000	390.000	Công ty TNHH Khoa Học Kỹ Thuật Vietlab
908	1209	Erythromycin	Hộp	Liofilchem	Ý	5x50 Discs	1	390.000	390.000	Công ty TNHH Khoa Học Kỹ Thuật Vietlab
909	1210	Optochin Discs	Hộp	OXOID	Anh	250 discs	1	907.000	907.000	Công ty TNHH Khoa Học Kỹ Thuật Vietlab
910	1212	Fosfomicin (includes G-6-P)	Hộp	Liofilchem	Ý	5x50 Discs	1	390.000	390.000	Công ty TNHH Khoa Học Kỹ Thuật Vietlab
911	1213	Gatifloxacin	Hộp	Liofilchem	Ý	5x50 Discs	1	390.000	390.000	Công ty TNHH Khoa Học Kỹ Thuật Vietlab
912	1215	Gentamicin	Hộp	Liofilchem	Ý	5x50 Discs	1	390.000	390.000	Công ty TNHH Khoa Học Kỹ Thuật Vietlab
913	1218	Imipenem	Hộp	Liofilchem	Ý	5x50 Discs	1	390.000	390.000	Công ty TNHH Khoa Học Kỹ Thuật Vietlab
914	1219	Kanamycin	Hộp	Liofilchem	Ý	5x50 Discs	1	390.000	390.000	Công ty TNHH Khoa Học Kỹ Thuật Vietlab
915	1221	Levofloxacin	Hộp	Liofilchem	Ý	5x50 Discs	1	390.000	390.000	Công ty TNHH Khoa Học Kỹ Thuật Vietlab
916	1222	Lincomycin	Hộp	Liofilchem	Ý	5x50 Discs	1	390.000	390.000	Công ty TNHH Khoa Học Kỹ Thuật Vietlab
917	1224	Meropenem	Hộp	Liofilchem	Ý	5x50 Discs	1	390.000	390.000	Công ty TNHH Khoa Học Kỹ Thuật Vietlab
918	1225	Metronidazole	Hộp	Liofilchem	Ý	5x50 Discs	1	390.000	390.000	Công ty TNHH Khoa Học Kỹ Thuật Vietlab
919	1226	Nalidixic acid	Hộp	Liofilchem	Ý	5x50 Discs	1	390.000	390.000	Công ty TNHH Khoa Học Kỹ Thuật Vietlab
920	1227	Neomycin	Hộp	Liofilchem	Ý	5x50 Discs	1	390.000	390.000	Công ty TNHH Khoa Học Kỹ Thuật Vietlab
921	1228	Netilmicin	Hộp	Liofilchem	Ý	5x50 Discs	1	390.000	390.000	Công ty TNHH Khoa Học Kỹ Thuật Vietlab
922	1229	Nitrofurantoin	Hộp	Liofilchem	Ý	5x50 Discs	1	390.000	390.000	Công ty TNHH Khoa Học Kỹ Thuật Vietlab
923	1231	Nitrofurantoin	Hộp	Liofilchem	Ý	5x50 Discs	1	390.000	390.000	Công ty TNHH Khoa Học Kỹ Thuật Vietlab

STT	STT HSMT	Tên hóa chất	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nhà thầu
924	1232	Norfloxacin	Hộp	Liofilchem	Ý	5x50 Discs	1	390.000	390.000	Công ty TNHH Khoa Học Kỹ Thuật Vietlab
925	1234	Novobiocin	Hộp	Liofilchem	Ý	5x50 Discs	1	390.000	390.000	Công ty TNHH Khoa Học Kỹ Thuật Vietlab
926	1235	Ofloxacin	Hộp	Liofilchem	Ý	5x50 Discs	1	390.000	390.000	Công ty TNHH Khoa Học Kỹ Thuật Vietlab
927	1237	Oxacillin	Hộp	Liofilchem	Ý	5x50 Discs	1	390.000	390.000	Công ty TNHH Khoa Học Kỹ Thuật Vietlab
928	1238	Oxytetracycline	Hộp	Liofilchem	Ý	5x50 Discs	1	390.000	390.000	Công ty TNHH Khoa Học Kỹ Thuật Vietlab
929	1241	Penicillin G	Hộp	Liofilchem	Ý	5x50 Discs	1	390.000	390.000	Công ty TNHH Khoa Học Kỹ Thuật Vietlab
930	1242	Piperacillin	Hộp	Liofilchem	Ý	5x50 Discs	1	390.000	390.000	Công ty TNHH Khoa Học Kỹ Thuật Vietlab
931	1243	Piperacillin + Tazobactam	Hộp	Liofilchem	Ý	5x50 Discs	1	390.000	390.000	Công ty TNHH Khoa Học Kỹ Thuật Vietlab
932	1244	Polymyxin B	Hộp	Liofilchem	Ý	5x50 Discs	1	390.000	390.000	Công ty TNHH Khoa Học Kỹ Thuật Vietlab
933	1245	Rifampicin	Hộp	Liofilchem	Ý	5x50 Discs	1	390.000	390.000	Công ty TNHH Khoa Học Kỹ Thuật Vietlab
934	1246	Streptomycin	Hộp	Liofilchem	Ý	5x50 Discs	1	390.000	390.000	Công ty TNHH Khoa Học Kỹ Thuật Vietlab
935	1249	Trimethoprim-Sulfamethoxazole	Hộp	Liofilchem	Ý	5x50 Discs	1	390.000	390.000	Công ty TNHH Khoa Học Kỹ Thuật Vietlab
936	1252	Hippurate Discs	Hộp	OXOID	Anh	25 discs	1	2.707.000	2.707.000	Công ty TNHH Khoa Học Kỹ Thuật Vietlab
937	1.253	Khoanh giấy kháng sinh - TAXO ONPG 1 EA	Hộp	Oxoid	Anh	50 khoanh	1	210.100	210.100	Công ty TNHH DEKA
938	1255	Teicoplanin	Hộp	Liofilchem	Ý	5x50 Discs	1	390.000	390.000	Công ty TNHH Khoa Học Kỹ Thuật Vietlab
939	1257	Tetracycline	Hộp	Liofilchem	Ý	5x50 Discs	1	390.000	390.000	Công ty TNHH Khoa Học Kỹ Thuật Vietlab
940	1258	Ticarcillin	Hộp	Liofilchem	Ý	5x50 Discs	1	390.000	390.000	Công ty TNHH Khoa Học Kỹ Thuật Vietlab
941	1259	Ticarcillin + Clavulanic acid	Hộp	Liofilchem	Ý	5x50 Discs	1	390.000	390.000	Công ty TNHH Khoa Học Kỹ Thuật Vietlab
942	1260	Tobramycin	Hộp	Liofilchem	Ý	5x50 Discs	1	390.000	390.000	Công ty TNHH Khoa Học Kỹ Thuật Vietlab
943	1261	Trimethoprim	Hộp	Liofilchem	Ý	5x50 Discs	1	390.000	390.000	Công ty TNHH Khoa Học Kỹ Thuật Vietlab
944	1263	Vancomycin	Hộp	Liofilchem	Ý	5x50 Discs	1	390.000	390.000	Công ty TNHH Khoa Học Kỹ Thuật Vietlab
945	1265	Vancomycin	Hộp	Liofilchem	Ý	5x50 Discs	1	390.000	390.000	Công ty TNHH Khoa Học Kỹ Thuật Vietlab
946	1266	CHROMOGENIC UTI MEDIUM 400G	Hộp	OXOID	Ý	400g	30	4.832.000	144.960.000	Công ty TNHH Khoa Học Kỹ Thuật Vietlab
947	1.269	Kaolin	Lọ	Behnk Elektronik (BE)	Đức	Lọ 100ml	5	2.480.000	12.400.000	Công ty TNHH Thiết bị y tế Phương Đông
948	1.270	Fuchsin solution	Lọ	BioMerieux	Pháp	500 ml	20	2.592.700	51.854.000	Công ty TNHH DEKA
949	1.271	IODIN-B	Lọ	BioMerieux	Pháp	500 ml	20	1.293.600	25.872.000	Công ty TNHH DEKA
950	1273	Mannitol SALT Agar	Hộp	Liofilchem	Ý	500 g	20	580.000	11.600.000	Công ty TNHH Khoa Học Kỹ Thuật Vietlab
951	1.275	Khoanh giấy kháng sinh Cefoperazone + Sulbactam	hộp	Oxoid	Anh	5 x 50 khoanh	39	451.000	17.589.000	Công ty TNHH DEKA
952	1276	Optochin Discs	Hộp	OXOID	Anh	50 discs	10	222.000	2.220.000	Công ty TNHH Khoa Học Kỹ Thuật Vietlab
953	1.277	Mueller Hinton Agar-MHA - 610033	hộp	Oxoid	Anh	500g	10	1.478.400	14.784.000	Công ty TNHH DEKA
954	1.278	SD Bioline EV71 IgM	Hộp	Standard Diagnostic, InC	Hàn Quốc	Hộp 25 test	60	1.625.000	97.500.000	Công ty CP Y tế Đức Minh
955	1.280	AGAR SABOURAUD 2	hộp	BioMerieux	Pháp	500g	10	1.647.800	16.478.000	Công ty TNHH DEKA
956	1.281	API 10 S	Hộp	BioMerieux	Pháp	50 thanh	7	4.435.200	31.046.400	Công ty TNHH DEKA
957	1.282	API 20 A	Hộp	BioMerieux	Pháp	25 thanh + 25 ống hóa chất	1	4.132.700	4.132.700	Công ty TNHH DEKA
958	1.283	API 20 C AUX	Hộp	BioMerieux	Pháp	25 thanh + 25 ống hóa chất	1	4.656.300	4.656.300	Công ty TNHH DEKA

STT	STT HSMT	Tên hóa chất	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nhà thầu
959	1.284	API 20 E	Hộp	BioMerieux	Pháp	25 thanh	13	3.784.000	49.192.000	Công ty TNHH DEKA
960	1.285	API 20 E reagent	Hộp	BioMerieux	Pháp	6 ống	51	739.200	37.699.200	Công ty TNHH DEKA
961	1.286	API 20 NE	Hộp	BioMerieux	Pháp	25 thanh + 25 ống hóa chất	13	4.132.700	53.725.100	Công ty TNHH DEKA
962	1.287	API 50 CH	Hộp	BioMerieux	Pháp	10 thanh	10	3.792.800	37.928.000	Công ty TNHH DEKA
963	1.288	API 50 CHB MEDIUM	Hộp	BioMerieux	Pháp	10 ống x 10ml	10	1.178.100	11.781.000	Công ty TNHH DEKA
964	1.289	API 50 CHL MEDIUM	Hộp	BioMerieux	Pháp	10 ống x 10ml	10	1.178.100	11.781.000	Công ty TNHH DEKA
965	1.290	API CAMPY	Hộp	BioMerieux	Pháp	12 thanh + 24 ống hóa chất	1	3.784.000	3.784.000	Công ty TNHH DEKA
966	1.291	API CANDIDA	Hộp	BioMerieux	Pháp	10 thanh + 10 ống hóa chất	10	4.310.900	43.109.000	Công ty TNHH DEKA
967	1.292	API CORYNE	Hộp	BioMerieux	Pháp	12 thanh + 24 ống hóa chất	1	3.784.000	3.784.000	Công ty TNHH DEKA
968	1.293	API Listeria	Hộp	BioMerieux	Pháp	10 thanh + 10 ống hóa chất	10	5.172.200	51.722.000	Công ty TNHH DEKA
969	1.294	API MINERAL OIL	Hộp	BioMerieux	Pháp	1 lọ x 125 ml	1	270.600	270.600	Công ty TNHH DEKA
970	1.295	API NH	Hộp	BioMerieux	Pháp	10 thanh + 10 ống hóa chất	10	4351600	43.516.000	Công ty TNHH DEKA
971	1.296	API Staph	Hộp	BioMerieux	Pháp	25 thanh + 25 ống hóa chất	13	4.132.700	53.725.100	Công ty TNHH DEKA
972	1.297	API Strep	Hộp	BioMerieux	Pháp	25 thanh + 25 ống hóa chất	1	4.132.700	4.132.700	Công ty TNHH DEKA
973	1.298	API Suspension Medium, 2ml	Hộp	BioMerieux	Pháp	100 ống x 2ml	1	2.704.900	2.704.900	Công ty TNHH DEKA
974	1.299	AST - GN	Hộp	BioMerieux	Mỹ	20 thẻ	75	3.097.500	232.312.500	Công ty TNHH DEKA
975	1.300	AST - GP	Hộp	BioMerieux	Mỹ	20 thẻ	75	3.097.500	232.312.500	Công ty TNHH DEKA
976	1.301	AST - N	Hộp	BioMerieux	Mỹ	20 thẻ	75	3.097.500	232.312.500	Công ty TNHH DEKA
977	1.302	AST - P	Hộp	BioMerieux	Mỹ	20 thẻ	75	3.097.500	232.312.500	Công ty TNHH DEKA
978	1.303	AST - ST	Hộp	BioMerieux	Mỹ	20 thẻ	75	3.097.500	232.312.500	Công ty TNHH DEKA
979	1.304	AST-GP - Thẻ kháng sinh đồ vi khuẩn Gram dương	Hộp	BioMerieux	Mỹ	20 thẻ	200	3.097.500	619.500.000	Công ty TNHH DEKA
980	1.305	AST-N - Thẻ kháng sinh đồ vi khuẩn Gram âm	Hộp	BioMerieux	Mỹ	20 thẻ	200	3.097.500	619.500.000	Công ty TNHH DEKA
981	1.306	AST-P - Thẻ kháng sinh đồ Phế cầu	Hộp	BioMerieux	Mỹ	20 thẻ	200	3.097.500	619.500.000	Công ty TNHH DEKA
982	1.307	AST-ST - Thẻ kháng sinh đồ Liên cầu	Hộp	BioMerieux	Mỹ	20 thẻ	200	3.097.500	619.500.000	Công ty TNHH DEKA
983	1.308	AST-YS - Thẻ kháng sinh đồ Nấm	Hộp	BioMerieux	Mỹ	20 thẻ	200	3.097.500	619.500.000	Công ty TNHH DEKA
984	1.309	BACITRACIN TEST	Hộp	BioMerieux	Pháp	2 x 15 khoanh	1	739.200	739.200	Công ty TNHH DEKA
985	1.310	BACT/ALERT FA Plus	hộp	BioMerieux	Mỹ	(30 ml/chai x100 chai)/hộp	20	10.340.000	206.800.000	Công ty TNHH DEKA
986	1.311	BACT/ALERT PF Plus	hộp	BioMerieux	Mỹ	(30 ml/chai x100 chai)/hộp	20	10.340.000	206.800.000	Công ty TNHH DEKA
987	1.312	BCP BROMOCRESOL PURPLE	Hộp	BioMerieux	Pháp	1 ống x 5ml	1	526.900	526.900	Công ty TNHH DEKA

STT	STT HSMT	Tên hóa chất	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nhà thầu
988	1.313	Bộ chuẩn máy cấy máu Reflectance standard kit BTA 3D	Hộp	BioMerieux	Mỹ	01 Bộ/Hộp	10	9.825.200	98.252.000	Công ty TNHH DEKA
989	1.315	CLED AGAR	Hộp	BioMerieux	Pháp	500g	11	2.860.000	31.460.000	Công ty TNHH DEKA
990	1.316	Color Gram 2 (Bộ thuốc nhuộm Gram bằng tay)	hộp	BioMerieux	Pháp	4 chai x 240ml	2	2.285.800	4.571.600	Công ty TNHH DEKA
991	1.317	COLOR GRAM2 R1 -F	Hộp	BioMerieux	Pháp	2 lít	1	2.285.800	2.285.800	Công ty TNHH DEKA
992	1.318	COLOR GRAM2 R2 -F	Hộp	BioMerieux	Pháp	2 lít	1	2.285.800	2.285.800	Công ty TNHH DEKA
993	1.319	COLOR GRAM2 R3 -F	Hộp	BioMerieux	Pháp	2 lít	1	2.285.800	2.285.800	Công ty TNHH DEKA
994	1.320	COLOR GRAM2 R4 -F	Hộp	BioMerieux	Pháp	2 lít	1	2.285.800	2.285.800	Công ty TNHH DEKA
995	1.321	Columbia agar + 5% sheep blood	Hộp	BioMerieux	Pháp	20 đĩa	1	828.300	828.300	Công ty TNHH DEKA
996	1.322	CRYSTAL VIOLET-C	hộp	BioMerieux	Pháp	500 ml	10	1.120.900	11.209.000	Công ty TNHH DEKA
997	1.323	Chai cấy máu chứa hạt polymer hấp phụ bệnh nhân trẻ em đã dùng kháng sinh BACT/ALERT PF Plus	Hộp	BioMerieux	Mỹ	(30 ml/chai x100 chai)/hộp	50	10.340.000	517.000.000	Công ty TNHH DEKA
998	1.324	CHOCOLATE AGAR+POLYVITEX	hộp	BioMerieux	Pháp	20 đĩa	2	1.004.300	2.008.600	Công ty TNHH DEKA
999	1.325	chromID Candida	Hộp	BioMerieux	Pháp	20 đĩa	1	1.226.500	1.226.500	Công ty TNHH DEKA
1000	1.326	chromID CPS agar	Hộp	BioMerieux	Pháp	20 đĩa	1	1.393.700	1.393.700	Công ty TNHH DEKA
1001	1.327	CHROMID CPS AGAR	hộp	BioMerieux	Pháp	20 đĩa	5	1.393.700	6.968.500	Công ty TNHH DEKA
1002	1.328	chromID CPS/Columbia CNA + 5% sheep blood	Hộp	BioMerieux	Pháp/Tây Ban Nha	20 đĩa	1	1.540.000	1.540.000	Công ty TNHH DEKA
1003	1.329	chromID ESBL agar	Hộp	BioMerieux	Pháp	20 đĩa	1	1.490.500	1.490.500	Công ty TNHH DEKA
1004	1.330	chromID MRSA agar	Hộp	BioMerieux	Pháp	20 đĩa	1	1.074.700	1.074.700	Công ty TNHH DEKA
1005	1.331	CHROMID P.AERUGINOSA	Hộp	BioMerieux	Pháp	20 đĩa	1	4.043.600	4.043.600	Công ty TNHH DEKA
1006	1.332	CHROMID S AUREUS	Hộp	BioMerieux	Pháp	20 đĩa	1	920.700	920.700	Công ty TNHH DEKA
1007	1.333	CHROMID SALMONELLA	Hộp	BioMerieux	Pháp	20 đĩa	1	952.600	952.600	Công ty TNHH DEKA
1008	1.334	chromID Strepto B	Hộp	BioMerieux	Pháp	20 đĩa	1	1.057.100	1.057.100	Công ty TNHH DEKA
1009	1.335	CHROMID VIBRIO CE AGAR	Hộp	BioMerieux	Pháp	20 đĩa	1	2.054.800	2.054.800	Công ty TNHH DEKA
1010	1.336	CHROMID VRE ID AGAR	Hộp	BioMerieux	Pháp	20 đĩa	1	2.421.100	2.421.100	Công ty TNHH DEKA
1011	1.337	D-Coccosel agar	Hộp	BioMerieux	Pháp	500 g	11	3.634.400	39.978.400	Công ty TNHH DEKA
1012	1.338	EHR (EHRlich)	Hộp	BioMerieux	Pháp	1 ống	1	526.900	526.900	Công ty TNHH DEKA
1013	1.339	EOSIN METHYLENE BLUE AG	Hộp	BioMerieux	Pháp	500g	11	2.851.200	31.363.200	Công ty TNHH DEKA
1014	1.340	Ettest Gentamycin GM 256	Hộp	BioMerieux	Pháp	30 thanh	1	3.402.300	3.402.300	Công ty TNHH DEKA
1015	1.341	Ettest Linezolid LZ 256	Hộp	BioMerieux	Pháp	30 thanh	1	3.402.300	3.402.300	Công ty TNHH DEKA
1016	1.342	Ettest Amikacin	HỘP	BioMerieux	Pháp	30 thanh	10	5.005.000	50.050.000	Công ty TNHH DEKA
1017	1.343	Ettest Amikacin AK 256	Hộp	BioMerieux	Pháp	30 thanh	1	5.005.000	5.005.000	Công ty TNHH DEKA
1018	1.344	Ettest Amoci/clav XL 256	Hộp	BioMerieux	Pháp	30 thanh	1	5.005.000	5.005.000	Công ty TNHH DEKA
1019	1.345	Ettest Amoxicillin AC 256	Hộp	BioMerieux	Pháp	30 thanh	1	3.492.500	3.492.500	Công ty TNHH DEKA
1020	1.346	Ettest Amp/sulb 2/1 AB 256	Hộp	BioMerieux	Pháp	30 thanh	1	5.289.900	5.289.900	Công ty TNHH DEKA

STT	STT HSMT	Tên hóa chất	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nhà thầu
1021	1.347	Etest Ampicillin AM 256	Hộp	BioMerieux	Pháp	30 thanh	1	5.005.000	5.005.000	Công ty TNHH DEKA
1022	1.348	Etest Azithromycin AZ 256	Hộp	BioMerieux	Pháp	30 thanh	1	5.332.800	5.332.800	Công ty TNHH DEKA
1023	1.349	Etest Aztreonam AT 256	Hộp	BioMerieux	Pháp	30 thanh	1	3.492.500	3.492.500	Công ty TNHH DEKA
1024	1.350	Etest Benzylpenicillin PGL 32	Hộp	BioMerieux	Pháp	30 thanh	1	3.492.500	3.492.500	Công ty TNHH DEKA
1025	1.351	Etest Benzylpenicillin VH / PG 256	Hộp	BioMerieux	Pháp	30 thanh	1	3.492.500	3.492.500	Công ty TNHH DEKA
1026	1.352	Etest Caspofungin CS 32	Hộp	BioMerieux	Pháp	30 thanh	1	5.229.400	5.229.400	Công ty TNHH DEKA
1027	1.353	Etest Cefaclor CF 256	Hộp	BioMerieux	Pháp	30 thanh	1	3.323.100	3.323.100	Công ty TNHH DEKA
1028	1.354	Etest Cefepime	Thanh	BioMerieux	Pháp	30 thanh	300	113.300	33.990.000	Công ty TNHH DEKA
1029	1.355	Etest Cefepime PM 256	Hộp	BioMerieux	Pháp	30 thanh	1	3.395.700	3.395.700	Công ty TNHH DEKA
1030	1.356	Etest Cefixime IX 256	Hộp	BioMerieux	Pháp	30 thanh	1	3.395.700	3.395.700	Công ty TNHH DEKA
1031	1.357	Etest Cefopera/sulb 2/1 CPS 256	Hộp	BioMerieux	Pháp	30 thanh	1	3.323.100	3.323.100	Công ty TNHH DEKA
1032	1.358	Etest Cefotaxime CT 256	Hộp	BioMerieux	Pháp	30 thanh	1	3.492.500	3.492.500	Công ty TNHH DEKA
1033	1.359	Etest Cefotaxime CTL 32	Hộp	BioMerieux	Pháp	30 thanh	1	3.492.500	3.492.500	Công ty TNHH DEKA
1034	1.360	Etest Cefotetan CN 256	Hộp	BioMerieux	Pháp	30 thanh	1	5.229.400	5.229.400	Công ty TNHH DEKA
1035	1.361	Etest Cefoxitin FX 256	Hộp	BioMerieux	Pháp	30 thanh	1	3.492.500	3.492.500	Công ty TNHH DEKA
1036	1.362	Etest Cefpirome CR 256	Hộp	BioMerieux	Pháp	30 thanh	1	5.229.400	5.229.400	Công ty TNHH DEKA
1037	1.363	Etest Cefpodoxime PX 256	Hộp	BioMerieux	Pháp	30 thanh	1	3.323.100	3.323.100	Công ty TNHH DEKA
1038	1.364	Etest Ceftazidime TZ 256	Hộp	BioMerieux	Pháp	30 thanh	1	5.005.000	5.005.000	Công ty TNHH DEKA
1039	1.365	Etest Ceftriaxon	Hộp	BioMerieux	Pháp	30 thanh	10	3.492.500	34.925.000	Công ty TNHH DEKA
1040	1.366	Etest Ceftriaxone TX 256	Hộp	BioMerieux	Pháp	30 thanh	1	3.492.500	3.492.500	Công ty TNHH DEKA
1041	1.367	Etest Ceftriaxone TXL 32	Hộp	BioMerieux	Pháp	30 thanh	1	3.492.500	3.492.500	Công ty TNHH DEKA
1042	1.368	Etest Cefuroxime XM 256	Hộp	BioMerieux	Pháp	30 thanh	1	3.492.500	3.492.500	Công ty TNHH DEKA
1043	1.369	Etest Cephalothin CE 256	Hộp	BioMerieux	Pháp	30 thanh	1	3.492.500	3.492.500	Công ty TNHH DEKA
1044	1.370	Etest Ciprofloxacin CI 32	Hộp	BioMerieux	Pháp	30 thanh	1	5.005.000	5.005.000	Công ty TNHH DEKA
1045	1.371	Etest Clarithromycin CH 256	Hộp	BioMerieux	Pháp	30 thanh	1	3.492.500	3.492.500	Công ty TNHH DEKA
1046	1.372	Etest Clindamycin CM 256	Hộp	BioMerieux	Pháp	30 thanh	1	3.492.500	3.492.500	Công ty TNHH DEKA
1047	1.373	Etest Colistin CO 256	Hộp	BioMerieux	Pháp	30 thanh	1	3.504.600	3.504.600	Công ty TNHH DEKA
1048	1.374	Etest Chloramphenicol CL 256	Hộp	BioMerieux	Pháp	30 thanh	1	3.492.500	3.492.500	Công ty TNHH DEKA
1049	1.375	Etest Daptomycin DPC 256	Hộp	BioMerieux	Pháp	30 thanh	1	5.332.800	5.332.800	Công ty TNHH DEKA
1050	1.376	Etest Doripenem DOR 32	Hộp	BioMerieux	Pháp	30 thanh	1	5.332.800	5.332.800	Công ty TNHH DEKA
1051	1.377	Etest Doxycycline DC 256	Hộp	BioMerieux	Pháp	30 thanh	1	3.601.400	3.601.400	Công ty TNHH DEKA
1052	1.378	Etest Ertapenem ETP 32	Hộp	BioMerieux	Pháp	30 thanh	1	3.496.900	3.496.900	Công ty TNHH DEKA
1053	1.379	Etest Erythromycin EM 256	Hộp	BioMerieux	Pháp	30 thanh	1	5.005.000	5.005.000	Công ty TNHH DEKA
1054	1.380	Etest Fosfomycin FM 1024	Hộp	BioMerieux	Pháp	30 thanh	1	4.066.700	4.066.700	Công ty TNHH DEKA
1055	1.381	Etest Gatifloxacin GA 32	Hộp	BioMerieux	Pháp	30 thanh	1	3.323.100	3.323.100	Công ty TNHH DEKA
1056	1.382	Etest Imipenem	Thanh	BioMerieux	Pháp	30 thanh	300	110.000	33.000.000	Công ty TNHH DEKA
1057	1.383	Etest Imipenem IP 32	Hộp	BioMerieux	Pháp	30 thanh	1	3.286.800	3.286.800	Công ty TNHH DEKA
1058	1.384	Etest Kanamycin KM 256	Hộp	BioMerieux	Pháp	30 thanh	1	5.332.800	5.332.800	Công ty TNHH DEKA
1059	1.385	Etest Levofloxacin LE 32	Hộp	BioMerieux	Pháp	30 thanh	1	5.005.000	5.005.000	Công ty TNHH DEKA
1060	1.386	Etest Meropenem MP 32	Hộp	BioMerieux	Pháp	30 thanh	1	3.597.000	3.597.000	Công ty TNHH DEKA

STT	STT HSMT	Tên hóa chất	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nhà thầu
1061	1.387	Etest Metronidazole MZH 256	Hộp	BioMerieux	Pháp	30 thanh	1	3.597.000	3.597.000	Công ty TNHH DEKA
1062	1.388	Etest Minocycline MC 256	Hộp	BioMerieux	Pháp	30 thanh	1	3.492.500	3.492.500	Công ty TNHH DEKA
1063	1.389	Etest Moxifloxacin MX 32	Hộp	BioMerieux	Pháp	30 thanh	1	3.492.500	3.492.500	Công ty TNHH DEKA
1064	1.390	Etest Mupirocin MU 1024	Hộp	BioMerieux	Pháp	30 thanh	1	4.066.700	4.066.700	Công ty TNHH DEKA
1065	1.391	Etest Nalidixic-acid NA 256	Hộp	BioMerieux	Pháp/Thụy Điển	30 thanh	1	5.229.400	5.229.400	Công ty TNHH DEKA
1066	1.392	Etest Netilmicin NC 256	Hộp	BioMerieux	Pháp	30 thanh	1	3.323.100	3.323.100	Công ty TNHH DEKA
1067	1.393	Etest Nitrofurantoin NI 512	Hộp	BioMerieux	Pháp	30 thanh	1	7.168.700	7.168.700	Công ty TNHH DEKA
1068	1.394	Etest Norfloxacin NX 256	Hộp	BioMerieux	Pháp/Thụy Điển	30 thanh	1	5.229.400	5.229.400	Công ty TNHH DEKA
1069	1395	Etest Ofloxacin OF 32	Hộp	BioMerieux	Pháp/Thụy Điển	30 thanh	1	5.229.400	5.229.400	Công ty TNHH DEKA
1070	1396	Etest Oxacilline OX 256	Hộp	BioMerieux	Pháp	30 thanh	1	5.005.000	5.005.000	Công ty TNHH DEKA
1071	1397	Etest PIP/TAZO/CON-4 PTC 256	Hộp	BioMerieux	Pháp	30 thanh	1	4.967.600	4.967.600	Công ty TNHH DEKA
1072	1398	Etest Piperacillin PP 256	Hộp	BioMerieux	Pháp	30 thanh	1	3.492.500	3.492.500	Công ty TNHH DEKA
1073	1399	Etest Polymyxin B PO 1024	Hộp	BioMerieux	Pháp	30 thanh	1	4.066.700	4.066.700	Công ty TNHH DEKA
1074	1400	Etest Quinupri/dalfopri QDA 32	Hộp	BioMerieux	Pháp	30 thanh	1	4.332.900	4.332.900	Công ty TNHH DEKA
1075	1401	Etest Rifampicin RI 32	Hộp	BioMerieux	Pháp	30 thanh	1	3.492.500	3.492.500	Công ty TNHH DEKA
1076	1402	Etest Spectinomycin SC 1024	Hộp	BioMerieux	Pháp	30 thanh	1	5.332.800	5.332.800	Công ty TNHH DEKA
1077	1403	Etest Streptomycin SM 1024	Hộp	BioMerieux	Pháp	30 thanh	1	4.066.700	4.066.700	Công ty TNHH DEKA
1078	1404	Etest Teicoplanin TP 256	Hộp	BioMerieux	Pháp	30 thanh	1	3.492.500	3.492.500	Công ty TNHH DEKA
1079	1405	Etest Temocillin TMO 1024	Hộp	BioMerieux	Pháp	30 thanh	1	4.824.600	4.824.600	Công ty TNHH DEKA
1080	1406	Etest Tetracycline TC 256	Hộp	BioMerieux	Pháp	30 thanh	1	5.064.400	5.064.400	Công ty TNHH DEKA
1081	1407	Etest Tic/Clav-Con2 TLC 256	Hộp	BioMerieux	Pháp	30 thanh	1	3.492.500	3.492.500	Công ty TNHH DEKA
1082	1408	Etest Tigecycline TGC 256	Hộp	BioMerieux	Pháp	30 thanh	1	3.597.000	3.597.000	Công ty TNHH DEKA
1083	1409	Etest Tobramycin TM 256	Hộp	BioMerieux	Pháp	30 thanh	1	3.492.500	3.492.500	Công ty TNHH DEKA
1084	1410	Etest Trim/Sulfa 1/19 TS 32	Hộp	BioMerieux	Pháp	30 thanh	1	3.496.900	3.496.900	Công ty TNHH DEKA
1085	1411	Etest Trimethoprim TR 32	Hộp	BioMerieux	Pháp	30 thanh	1	5.333.900	5.333.900	Công ty TNHH DEKA
1086	1412	Etest Vancomycin VA 256	Hộp	BioMerieux	Pháp	30 thanh	1	3.496.900	3.496.900	Công ty TNHH DEKA
1087	1413	FB (FAST BLUE)	Hộp	BioMerieux	Pháp	2 ống + 1 nắp bảo vệ	1	728.200	728.200	Công ty TNHH DEKA
1088	1414	Fuchsin solution	Hộp	BioMerieux	Pháp	500 ml	10	2.592.700	25.927.000	Công ty TNHH DEKA
1089	1415	FVB (FAST VIOLET B)	Hộp	BioMerieux	Pháp	1 ống	1	266.200	266.200	Công ty TNHH DEKA
1090	1416	GN	Hộp	BioMerieux	Mỹ	20 thẻ	15	3.097.500	46.462.500	Công ty TNHH DEKA
1091	1417	GN (Thẻ định danh vi khuẩn Gram âm)	hộp	BioMerieux	Mỹ	20 thẻ	20	3.097.500	61.950.000	Công ty TNHH DEKA
1092	1418	GP (Thẻ định danh VK Gram dương)	hộp	BioMerieux	Mỹ	20 thẻ	15	3.097.500	46.462.500	Công ty TNHH DEKA
1093	1419	IODINE-B (Dùng cho máy nhuộm Gram tự động)	hộp	BioMerieux	Pháp	500 ml	10	1.293.600	12.936.000	Công ty TNHH DEKA
1094	1420	JAMES	Hộp	BioMerieux	Pháp	2 ống + 1 nắp bảo vệ	1	672.100	672.100	Công ty TNHH DEKA

STT	STT HSMT	Tên hóa chất	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nhà thầu
1095	1421	KIT DENSICHEK PLUS STANDARDS	hộp	BioMerieux	Mỹ	01 kit/hộp	301	4.958.100	1.492.388.100	Công ty TNHH DEKA
1096	1423	MAC CONKEY BROTH	Hộp	BioMerieux	Pháp	500g	11	2.495.900	27.454.900	Công ty TNHH DEKA
1097	1424	MACCONKEY AG WITHOUT CVIO	Hộp	BioMerieux	Pháp	500g	11	2.049.300	22.542.300	Công ty TNHH DEKA
1098	1426	Mueller Hinton 2 Agar + 5% sheep blood	Hộp	BioMerieux	Pháp	20 đĩa	1	896.500	896.500	Công ty TNHH DEKA
1099	1427	NIN	Hộp	BioMerieux	Pháp	2 ống	1	753.500	753.500	Công ty TNHH DEKA
1100	1428	NIT 1 + NIT 2	Hộp	BioMerieux	Pháp	2 x 2 ống	1	1.402.500	1.402.500	Công ty TNHH DEKA
1101	1429	Optochin test	Hộp	BioMerieux	Pháp	2 x 30 khoanh	3	1.570.800	4.712.400	Công ty TNHH DEKA
1102	1430	PREVI Color Gram Nozzle cleaning solution	hộp	BioMerieux	Pháp	2,5 lít	10	1.709.400	17.094.000	Công ty TNHH DEKA
1103	1431	PURPLE LACTOSE AGAR	Hộp	BioMerieux	Pháp	500g	11	4.206.400	46.270.400	Công ty TNHH DEKA
1104	1432	PYZ X2	Hộp	BioMerieux	Pháp	2 ống	1	753.500	753.500	Công ty TNHH DEKA
1105	1433	Sabouraud 2 agar	Hộp	BioMerieux	Pháp	500g	11	1.647.800	18.125.800	Công ty TNHH DEKA
1106	1434	Sabouraud Chloramphenicol 2 agar	Hộp	BioMerieux	Pháp	500g	11	2.313.300	25.446.300	Công ty TNHH DEKA
1107	1435	Sabouraud dextrose agar	Hộp	BioMerieux	Pháp	20 đĩa	1	1.095.600	1.095.600	Công ty TNHH DEKA
1108	1436	SCHAEDLER 5% SHEEP BLOOD AGAR	Hộp	BioMerieux	Pháp	20 đĩa	1	929.500	929.500	Công ty TNHH DEKA
1109	1437	STANDARD METHODS AGAR	Hộp	BioMerieux	Pháp	500g	11	2.581.700	28.398.700	Công ty TNHH DEKA
1110	1438	Todd Hewitt Broth + Antibiotics	Hộp	BioMerieux	Pháp	20 tuýp	1	722.700	722.700	Công ty TNHH DEKA
1111	1439	Thẻ kháng sinh đồ vi khuẩn Gram âm (AST GN)	hộp	BioMerieux	Mỹ	20 thẻ	2	3.097.500	6.195.000	Công ty TNHH DEKA
1112	1440	Thẻ kháng sinh đồ vi khuẩn Gram dương (AST GP)	hộp	BioMerieux	Mỹ	20 thẻ	2	3.097.500	6.195.000	Công ty TNHH DEKA
1113	1441	Thẻ định danh cho Bacillus	Hộp	BioMerieux	Mỹ	20 thẻ	200	3.097.500	619.500.000	Công ty TNHH DEKA
1114	1442	Thẻ định danh cho Nấm	Hộp	BioMerieux	Mỹ	20 thẻ	200	3.097.500	619.500.000	Công ty TNHH DEKA
1115	1443	Thẻ định danh cho Neisseria/ Haemophilus	Hộp	BioMerieux	Mỹ	20 thẻ	200	3.097.500	619.500.000	Công ty TNHH DEKA
1116	1444	Thẻ định danh vi khuẩn Gram âm	Hộp	BioMerieux	Mỹ	20 thẻ	200	3.097.500	619.500.000	Công ty TNHH DEKA
1117	1445	Thẻ định danh vi khuẩn Gram dương	Hộp	BioMerieux	Mỹ	20 thẻ	200	3.097.500	619.500.000	Công ty TNHH DEKA
1118	1446	Thẻ định danh vi khuẩn kỵ khí và Corynebacteria	Hộp	BioMerieux	Mỹ	20 thẻ	200	3.097.500	619.500.000	Công ty TNHH DEKA
1119	1447	THIOGLYCOLLATE BROTH RES	Hộp	BioMerieux	Pháp	500g	11	1.802.900	19.831.900	Công ty TNHH DEKA
1120	1448	TRIPLE SUGAR IRON AGAR	Hộp	BioMerieux	Pháp	500g	11	2.153.800	23.691.800	Công ty TNHH DEKA
1121	1449	TRYPCASE-SOY AGAR	Hộp	BioMerieux	Pháp	500g	11	2.049.300	22.542.300	Công ty TNHH DEKA
1122	1450	TRYPCASE-SOY BROTH	Hộp	BioMerieux	Pháp	500g	11	1.621.400	17.835.400	Công ty TNHH DEKA
1123	1451	VP1 + VP2	Hộp	BioMerieux	Pháp	2 x 2 ống	1	1.402.500	1.402.500	Công ty TNHH DEKA
1124	1452	XLD AGAR	Hộp	BioMerieux	Pháp	500g	11	2.709.300	29.802.300	Công ty TNHH DEKA

STT	STT HSMT	Tên hóa chất	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nhà thầu
1125	1453	Blood Agar Base - 64524	Hộp	Oxoid	Anh	500 g	5	1.613.700	8.068.500	Công ty TNHH DEKA
1126	1454	Muller Hinton Aga 500g 64884	Hộp	Oxoid	Anh	500g	3	1.478.400	4.435.200	Công ty TNHH DEKA
1127	1456	C-Reactive Protein hs (CRP-hs)	hộp	Biosystems	Tây Ban Nha	1x40ml +1x10ml +1x55ml	1	2.762.550	2.762.550	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm
1128	1458	0,45% Sodium Chloride	chai	CareFusion	Mexico	1000 ml/chai	31	295.900	9.172.900	Công ty TNHH DEKA
1129	1459	Aslo	Hộp	Chema	Italy	100 test/hộp	3	1.600.000	4.800.000	Liên danh Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Trí Đức và Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Dịch vụ Anh Phát
1130	1460	RF	Hộp	Chema	Italy	100 test/hộp	4	2.000.000	8.000.000	Liên danh Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Trí Đức và Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Dịch vụ Anh Phát
1131	1461	Bacitracin	Hộp	Liofilchem	Ý	5x50 Discs	50	390.000	19.500.000	Công ty TNHH Khoa Học Kỹ Thuật Vietlab
1132	1462	E.coli As poly II (alternative) O26, O55, O111, O119, O126	Lọ	Denka Seiken	Nhật	2mL	1	1.382.000	1.382.000	Công ty TNHH Khoa Học Kỹ Thuật Vietlab
1133	1463	E.coli As poly III (alternative) O86, O114, O125, O127, O128	Lọ	Denka Seiken	Nhật	2mL	1	1.382.000	1.382.000	Công ty TNHH Khoa Học Kỹ Thuật Vietlab
1134	1464	E.coli As poly IV (alternative) O44, O112, O124, O142	Lọ	Denka Seiken	Nhật	2mL	1	1.382.000	1.382.000	Công ty TNHH Khoa Học Kỹ Thuật Vietlab
1135	1465	Salmonella As O 2 (A)	Lọ	Denka Seiken	Nhật	2mL	1	1.249.000	1.249.000	Công ty TNHH Khoa Học Kỹ Thuật Vietlab
1136	1466	Salmonella As O 4 (B)	Lọ	Denka Seiken	Nhật	2mL	1	1.249.000	1.249.000	Công ty TNHH Khoa Học Kỹ Thuật Vietlab
1137	1467	Salmonella As O 6 (T)	Lọ	Denka Seiken	Nhật	2mL	1	1.401.000	1.401.000	Công ty TNHH Khoa Học Kỹ Thuật Vietlab
1138	1468	Salmonella As O 8 (C2-C3)	Lọ	Denka Seiken	Nhật	2mL	1	1.249.000	1.249.000	Công ty TNHH Khoa Học Kỹ Thuật Vietlab
1139	1469	Salmonella As Vi	Lọ	Denka Seiken	Nhật	2mL	1	1.249.000	1.249.000	Công ty TNHH Khoa Học Kỹ Thuật Vietlab
1140	1470	Shigella As boydii poly C (Type 1 to type 7)	Lọ	Denka Seiken	Nhật	2mL	1	1.739.000	1.739.000	Công ty TNHH Khoa Học Kỹ Thuật Vietlab
1141	1471	Shigella As boydii poly C1 (Type 8 to type 11)	Lọ	Denka Seiken	Nhật	2mL	1	1.739.000	1.739.000	Công ty TNHH Khoa Học Kỹ Thuật Vietlab
1142	1472	Shigella As boydii poly C2 (Type 12 to type 15)	Lọ	Denka Seiken	Nhật	2mL	1	1.739.000	1.739.000	Công ty TNHH Khoa Học Kỹ Thuật Vietlab
1143	1473	Shigella As boydii poly C3 (Type 16 to type 18)	Lọ	Denka Seiken	Nhật	2mL	1	1.739.000	1.739.000	Công ty TNHH Khoa Học Kỹ Thuật Vietlab
1144	1474	RPR 500 test/hộp	test	Dialab	Áo	500Tests (2x5ml) Kit	8.000	3.035	24.276.000	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm
1145	1475	RF	Hộp	Dutch diagnostics	Hà Lan	100 test/hộp	2	910.000	1.820.000	Liên danh Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Trí Đức và Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Dịch vụ Anh Phát
1146	1476	Môi trường Ferticult Fushing	Lọ	FERTIPRO	Bi	50ml	10	1.490.000	14.900.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công

STT	STT HSMT	Tên hóa chất	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nhà thầu
1147	1477	Môi trường Silselect Plus (1 lọ upper + 1 lọ lower) SIP-50	Bộ	FERTIPRO	Bi	2 lọ x50ml	10	3.800.000	38.000.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
1148	1478	Fort ASO latex	hộp	Fortress Dianogstic	Anh	100 test	15	1.140.000	17.100.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ & THIẾT BỊ THIÊN PHÚC
1149	1479	Fort CRP latex	Hộp	Fortress Dianogstic	Anh	100 test	15	1.140.000	17.100.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ & THIẾT BỊ THIÊN PHÚC
1150	1480	Fort RF latex	Hộp	Fortress Dianogstic	Anh	100 test	15	1.140.000	17.100.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ & THIẾT BỊ THIÊN PHÚC
1151	1485	Cồn iod 5%	Lít	Hà Nội	Việt Nam	500 ml/chai	220	760.000	167.200.000	Công ty CP Dược vật tư y tế Thái Bình
1152	1487	ASO	Hộp	Biorex	Anh	100 test	2	470.000	940.000	Công ty TNHH Khoa Học Kỹ Thuật Vietlab
1153	1488	ASO	Hộp	Biorex	Anh	100 test	8	470.000	3.760.000	Công ty TNHH Khoa Học Kỹ Thuật Vietlab
1154	1489	CRP	Hộp	Biorex	Anh	100 test	30	440.000	13.200.000	Công ty TNHH Khoa Học Kỹ Thuật Vietlab
1155	1493	RPR	Hộp	Biorex	Anh	500 test	16	1.270.000	20.320.000	Công ty TNHH Khoa Học Kỹ Thuật Vietlab
1156	1494	Băng đựng HC Sterad	Hộp	Johnson & Johnson	Thụy Sĩ/Mỹ	5 băng/hộp	13	13.950.000	181.350.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
1157	1495	ZIEHL - NEELSEN Color KIT	Hộp	Liofilchem	Ý	3x250 mL	10	1.242.000	12.420.000	Công ty TNHH Khoa Học Kỹ Thuật Vietlab
1158	1496	BRAIN Heart Infusion Broth	Hộp	Liofilchem	Ý	500 g	10	1.466.000	14.660.000	Công ty TNHH Khoa Học Kỹ Thuật Vietlab
1159	1497	Coagulase Test	Hộp	Liofilchem	Ý	5 x4ml	20	1.565.000	31.300.000	Công ty TNHH Khoa Học Kỹ Thuật Vietlab
1160	1498	Kligler Iron Agar	Hộp	Liofilchem	Ý	500 g	10	1.233.000	12.330.000	Công ty TNHH Khoa Học Kỹ Thuật Vietlab
1161	1499	Ceftriaxone	Hộp	Liofilchem	Ý	5x50 Discs	30	390.000	11.700.000	Công ty TNHH Khoa Học Kỹ Thuật Vietlab
1162	1500	Nalidixic acid	Hộp	Liofilchem	Ý	5x50 Discs	34	390.000	13.260.000	Công ty TNHH Khoa Học Kỹ Thuật Vietlab
1163	1501	Penicillin G	Hộp	Liofilchem	Ý	5x50 Discs	30	390.000	11.700.000	Công ty TNHH Khoa Học Kỹ Thuật Vietlab
1164	1502	Amikacin	Hộp	Liofilchem	Ý	5x50 Discs	5	390.000	1.950.000	Công ty TNHH Khoa Học Kỹ Thuật Vietlab
1165	1503	Amoxicillin + Clavulanic acid	Hộp	Liofilchem	Ý	5x50 Discs	40	390.000	15.600.000	Công ty TNHH Khoa Học Kỹ Thuật Vietlab
1166	1504	Cefepime	Hộp	Liofilchem	Ý	5x50 Discs	25	390.000	9.750.000	Công ty TNHH Khoa Học Kỹ Thuật Vietlab
1167	1505	Cefotaxime	Hộp	Liofilchem	Ý	5x50 Discs	30	390.000	11.700.000	Công ty TNHH Khoa Học Kỹ Thuật Vietlab
1168	1506	Ceftazidime	Hộp	Liofilchem	Ý	5x50 Discs	29	390.000	11.310.000	Công ty TNHH Khoa Học Kỹ Thuật Vietlab
1169	1507	Cefuroxime	Hộp	Liofilchem	Ý	5x50 Discs	29	390.000	11.310.000	Công ty TNHH Khoa Học Kỹ Thuật Vietlab
1170	1508	Oxacillin	Hộp	Liofilchem	Ý	5x50 Discs	25	390.000	9.750.000	Công ty TNHH Khoa Học Kỹ Thuật Vietlab
1171	1509	Mannitol SALT Agar	Hộp	Liofilchem	Ý	500 g	20	580.000	11.600.000	Công ty TNHH Khoa Học Kỹ Thuật Vietlab
1172	1510	T.C.B.S. Agar	Hộp	Liofilchem	Ý	500 g	10	1.066.000	10.660.000	Công ty TNHH Khoa Học Kỹ Thuật Vietlab
1173	1513	CRP	Hộp	Biorex	Anh	100 test	21	440.000	9.240.000	Công ty TNHH Khoa Học Kỹ Thuật Vietlab
1174	1514	RF	Hộp	Biorex	Anh	100 test	3	411.000	1.233.000	Công ty TNHH Khoa Học Kỹ Thuật Vietlab
1175	1515	Amikacin 30µg	hộp	MAST	Anh	5 X 50 khoanh	10	451.000	4.510.000	Công ty TNHH DEKA
1176	1517	Amoxicillin 25µg	Hộp	MAST	Anh	5 X 50 khoanh	1	451.000	451.000	Công ty TNHH DEKA
1177	1518	Ampicillin 10µg	hộp	MAST	Anh	5 X 50 khoanh	8	451.000	3.608.000	Công ty TNHH DEKA
1178	1519	Ampicillin 25µg	hộp	MAST	Anh	5 X 50 khoanh	10	451.000	4.510.000	Công ty TNHH DEKA
1179	1520	Ampicillin/Sulbactam 20µg	hộp	MAST	Anh	5 X 50 khoanh	7	451.000	3.157.000	Công ty TNHH DEKA
1180	1522	Amphotericin B 20	hộp	MAST	Anh	5 X 50 khoanh	10	1.331.000	13.310.000	Công ty TNHH DEKA
1181	1523	Augmentin 30µg	Hộp	MAST	Anh	5 X 50 khoanh	1	451.000	451.000	Công ty TNHH DEKA
1182	1524	Azithromycin 15µg	Hộp	MAST	Anh	5 X 50 khoanh	1	451.000	451.000	Công ty TNHH DEKA
1183	1525	Aztreonam 30µg	Hộp	MAST	Anh	5 X 50 khoanh	1	451.000	451.000	Công ty TNHH DEKA

STT	STT HSMT	Tên hóa chất	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nhà thầu
1184	1526	Bacitracin	Khoanh	MAST	Anh	5 X 50 khoanh	250	1.804	451.000	Công ty TNHH DEKA
1185	1527	Baird-Parker Medium	Hộp	MAST	Anh	500g	11	3.089.900	33.988.900	Công ty TNHH DEKA
1186	1528	Blood agar base	Hộp	MAST	Anh	500g	11	1.666.500	18.331.500	Công ty TNHH DEKA
1187	1530	Blood Agar Base-Special	Hộp	MAST	Anh	500g	11	1.720.400	18.924.400	Công ty TNHH DEKA
1188	1531	Brain Heart Infusion Agar	Hộp	MAST	Anh	500g	11	2.198.900	24.187.900	Công ty TNHH DEKA
1189	1532	Brain Heart Infusion Broth	Hộp	MAST	Anh	500g	12	1.796.300	21.555.600	Công ty TNHH DEKA
1190	1534	Brilliant Green Agar (Modified Formula)	Hộp	MAST	Anh	500g	11	2.421.100	26.632.100	Công ty TNHH DEKA
1191	1535	BROMOCRESOL Purple Azide Broth	gam	Liofilchem	Ý	500 g	1.000	5.614	5.614.000	Công ty TNHH Khoa Học Kỹ Thuật Vietlab
1192	1536	Brucella Agar	Hộp	MAST	Anh	500g	11	2.207.700	24.284.700	Công ty TNHH DEKA
1193	1537	Buffered Peptone Water	Hộp	MAST	Anh	500g	11	1.426.700	15.693.700	Công ty TNHH DEKA
1194	1538	Buffered Rappaport Vassiliadis Broth	Hộp	MAST	Anh	500g	11	1.256.200	13.818.200	Công ty TNHH DEKA
1195	1540	C.E.M.O. Agar	Hộp	MAST	Anh	500g	1	2.411.200	2.411.200	Công ty TNHH DEKA
1196	1541	C.L.E.D. Medium	Hộp	MAST	Anh	500g	1	1.762.200	1.762.200	Công ty TNHH DEKA
1197	1542	C.L.E.D. with Andrade's Indicator	Hộp	MAST	Anh	500g	1	1.832.600	1.832.600	Công ty TNHH DEKA
1198	1543	Cefadroxil 30µg	Hộp	MAST	Anh	5 X 50 khoanh	1	451.000	451.000	Công ty TNHH DEKA
1199	1544	Cefepime 30µg	Hộp	MAST	Anh	5 X 50 khoanh	5	451.000	2.255.000	Công ty TNHH DEKA
1200	1545	Cefixime 5µg	hộp	MAST	Anh	5 X 50 khoanh	10	451.000	4.510.000	Công ty TNHH DEKA
1201	1546	Cefoperazone 30µg	hộp	MAST	Anh	5 X 50 khoanh	17	451.000	7.667.000	Công ty TNHH DEKA
1202	1547	Cefotaxime 30µg	hộp	MAST	Anh	5 X 50 khoanh	10	451.000	4.510.000	Công ty TNHH DEKA
1203	1548	Cefotaxime 5µg	hộp	MAST	Anh	5 X 50 khoanh	5	451.000	2.255.000	Công ty TNHH DEKA
1204	1549	Cefoxitin 30µg	Hộp	MAST	Anh	5 X 50 khoanh	1	451.000	451.000	Công ty TNHH DEKA
1205	1550	Ceftazidime 10µg	hộp	MAST	Anh	5 X 50 khoanh	5	451.000	2.255.000	Công ty TNHH DEKA
1206	1551	Ceftazidime 30µg	hộp	MAST	Anh	5 X 50 khoanh	12	451.000	5.412.000	Công ty TNHH DEKA
1207	1552	Ceftriaxone 30µg	hộp	MAST	Anh	5 X 50 khoanh	10	451.000	4.510.000	Công ty TNHH DEKA
1208	1553	Ceftriaxone 5µg	hộp	MAST	Anh	5 X 50 khoanh	5	451.000	2.255.000	Công ty TNHH DEKA
1209	1554	Cefuroxime 30µg	hộp	MAST	Anh	5 X 50 khoanh	6	451.000	2.706.000	Công ty TNHH DEKA
1210	1555	Cefuroxime 5µg	hộp	MAST	Anh	5 X 50 khoanh	5	451.000	2.255.000	Công ty TNHH DEKA
1211	1556	Cephalexin 30µg	hộp	MAST	Anh	5 X 50 khoanh	10	451.000	4.510.000	Công ty TNHH DEKA
1212	1557	Cephalothin 30µg	Hộp	MAST	Anh	5 X 50 khoanh	1	451.000	451.000	Công ty TNHH DEKA
1213	1558	Cephazolin 30µg	hộp	MAST	Anh	5 X 50 khoanh	7	451.000	3.157.000	Công ty TNHH DEKA
1214	1559	Ciprofloxacin 5µg	hộp	MAST	Anh	5 X 50 khoanh	20	451.000	9.020.000	Công ty TNHH DEKA
1215	1560	Clarithromycin 15µg	hộp	MAST	Anh	5 X 50 khoanh	17	451.000	7.667.000	Công ty TNHH DEKA
1216	1561	Clindamycin 2µg	Hộp	MAST	Anh	5 X 50 khoanh	3	451.000	1.353.000	Công ty TNHH DEKA
1217	1562	Colistin Sulphate 10µg	Hộp	MAST	Anh	5 X 50 khoanh	1	451.000	451.000	Công ty TNHH DEKA
1218	1563	Colistin Sulphate 25µg	hộp	MAST	Anh	5 X 50 khoanh	10	451.000	4.510.000	Công ty TNHH DEKA
1219	1564	Columbia Agar	hộp	MAST	Anh	500g	2	1.669.800	3.339.600	Công ty TNHH DEKA
1220	1565	Cooked Meat Granules	Hộp	MAST	Anh	250g	1	3.190.000	3.190.000	Công ty TNHH DEKA
1221	1566	Cooked Meat Medium	Hộp	MAST	Anh	500g	1	5.211.800	5.211.800	Công ty TNHH DEKA
1222	1567	Cotrimoxazole 25µg	hộp	MAST	Anh	5 X 50 khoanh	17	451.000	7.667.000	Công ty TNHH DEKA
1223	1568	Charcoal Agar	Hộp	MAST	Anh	500g	1	2.407.900	2.407.900	Công ty TNHH DEKA
1224	1569	Chloramphenicol 30µg	Hộp	MAST	Anh	5 X 50 khoanh	1	451.000	451.000	Công ty TNHH DEKA

STT	STT HSMT	Tên hóa chất	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nhà thầu
1225	1570	D.C.A. (Hynes)	Hộp	MAST	Anh	500g	1	1.710.500	1.710.500	Công ty TNHH DEKA
1226	1571	D.C.A. (Leifsons)	Hộp	MAST	Anh	500g	1	1.720.400	1.720.400	Công ty TNHH DEKA
1227	1572	D.C.L.S. Agar	Hộp	MAST	Anh	500g	1	1.481.700	1.481.700	Công ty TNHH DEKA
1228	1573	D.S.T. Agar (Sulphonamide Antagonist Free)	Hộp	MAST	Anh	500g	1	2.258.300	2.258.300	Công ty TNHH DEKA
1229	1574	DNase Agar	Hộp	MAST	Anh	500g	1	2.378.200	2.378.200	Công ty TNHH DEKA
1230	1575	Doripenem 10µg	hộp	MAST	Anh	5 X 50 khoan	10	451.000	4.510.000	Công ty TNHH DEKA
1231	1576	Doxycycline 30µg	Hộp	MAST	Anh	5 X 50 khoan	1	451.000	451.000	Công ty TNHH DEKA
1232	1577	Endo Agar	Hộp	MAST	Anh	500g	1	1.969.000	1.969.000	Công ty TNHH DEKA
1233	1578	Eosin Methylene Blue Agar	Hộp	MAST	Anh	500g	1	1.602.700	1.602.700	Công ty TNHH DEKA
1234	1579	Ertapenem 10µg	Hộp	MAST	Anh	5 X 50 khoan	1	451.000	451.000	Công ty TNHH DEKA
1235	1580	Erythromycin 15µg	Hộp	MAST	Anh	5 X 50 khoan	3	451.000	1.353.000	Công ty TNHH DEKA
1236	1581	FOSFOMYCIN 200µg GLUCOSE 6 PHOSPHATE 50µg	Hộp	MAST	Anh	5 X 50 khoan	1	451.000	451.000	Công ty TNHH DEKA
1237	1582	Posfomycin/ Trometamol 200µg	hộp	MAST	Anh	5 X 50 khoan	12	451.000	5.412.000	Công ty TNHH DEKA
1238	1583	G.C. Agar Base	Hộp	MAST	Anh	500g	1	1.602.700	1.602.700	Công ty TNHH DEKA
1239	1584	Gentamicin 10µg	hộp	MAST	Anh	5 X 50 khoan	5	451.000	2.255.000	Công ty TNHH DEKA
1240	1585	Gentamicin 10µg	Hộp	MAST	Anh	5 X 50 khoan	1	451.000	451.000	Công ty TNHH DEKA
1241	1586	Gentamicin 120µg	Hộp	MAST	Anh	5 X 50 khoan	1	451.000	451.000	Công ty TNHH DEKA
1242	1587	Gentamicin 30µg	hộp	MAST	Anh	5 X 50 khoan	10	451.000	4.510.000	Công ty TNHH DEKA
1243	1588	Hektoen Enteric Agar	Hộp	MAST	Anh	500g	1	2.770.900	2.770.900	Công ty TNHH DEKA
1244	1589	Imipenem 10µg	Hộp	MAST	Anh	5 X 50 khoan	5	451.000	2.255.000	Công ty TNHH DEKA
1245	1591	Kanamycin 30µg	hộp	MAST	Anh	5 X 50 khoan	10	451.000	4.510.000	Công ty TNHH DEKA
1246	1592	Ketoconazole 10	hộp	MAST	Anh	5 X 50 khoan	10	1.331.000	13.310.000	Công ty TNHH DEKA
1247	1593	Kligler's Iron Agar	Hộp	MAST	Anh	500g	1	2.163.700	2.163.700	Công ty TNHH DEKA
1248	1594	Khoanh giấy kháng sinh Ceftriaxone	Hộp	MAST	Anh	5 X 50 khoan	6	451.000	2.706.000	Công ty TNHH DEKA
1249	1595	Khoanh giấy kháng sinh Imipenem IPM	Hộp	MAST	Anh	5 X 50 khoan	4	451.000	1.804.000	Công ty TNHH DEKA
1250	1596	Khoanh giấy kháng sinh Amikacin AN	Hộp	MAST	Anh	5 X 50 khoan	6	451.000	2.706.000	Công ty TNHH DEKA
1251	1597	Khoanh giấy kháng sinh Amoxicillin/ Clavulanic AMC	Hộp	MAST	Anh	5 X 50 khoan	4	451.000	1.804.000	Công ty TNHH DEKA
1252	1598	Khoanh giấy kháng sinh Ampicillin/Sulbactam SAM- 20 10EA	Hộp	MAST	Anh	5 X 50 khoan	1	451.000	451.000	Công ty TNHH DEKA
1253	1599	Khoanh giấy kháng sinh Cefepime 231696	Hộp	MAST	Anh	5 X 50 khoan	4	451.000	1.804.000	Công ty TNHH DEKA
254	1600	Khoanh giấy kháng sinh Cefoperazone + Sulbactam 291319	Hộp	Oxoid	Anh	5 x 50 khoan	4	451.000	1.804.000	
55	1601	Khoanh giấy kháng sinh	Hộp	MAST	Anh	5 X 50 khoan				

	HSMT	Tên hóa chất	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nhà thầu
1256	1602	Khoanh giấy kháng sinh Cefotaxime CTX	Hộp	MAST	Anh	5 X 50 khoanh	4	451.000	1.804.000	Công ty TNHH DEKA
1257	1603	Khoanh giấy kháng sinh Cefpodoxime CPD-10 10EA	Hộp	MAST	Anh	5 X 50 khoanh	2	451.000	902.000	Công ty TNHH DEKA
1258	1604	Khoanh giấy kháng sinh Ceftazidime	Hộp	MAST	Anh	5 X 50 khoanh	4	451.000	1.804.000	Công ty TNHH DEKA
1259	1605	Khoanh giấy kháng sinh Cefuroxime CXM	Hộp	MAST	Anh	5 X 50 khoanh	4	451.000	1.804.000	Công ty TNHH DEKA
1260	1606	Khoanh giấy kháng sinh Ciprofloxacin CIP 5-10EA	Hộp	MAST	Anh	5 X 50 khoanh	8	451.000	3.608.000	Công ty TNHH DEKA
1261	1607	Khoanh giấy kháng sinh Fosfomycin 231755	Hộp	MAST	Anh	5 X 50 khoanh	6	451.000	2.706.000	Công ty TNHH DEKA
1262	1608	Khoanh giấy kháng sinh Levofloxacin 213706	Hộp	MAST	Anh	5 X 50 khoanh	8	451.000	3.608.000	Công ty TNHH DEKA
1263	1609	Khoanh giấy kháng sinh Vancomycin VA-30EA	Hộp	MAST	Anh	5 X 50 khoanh	1	451.000	451.000	Công ty TNHH DEKA
1264	1610	Legionella BCYE Agar Base	Hộp	MAST	Anh	500g	1	6.307.400	6.307.400	Công ty TNHH DEKA
1265	1611	Levofloxacin 5µg	Hộp	MAST	Anh	5 X 50 khoanh	16	451.000	7.216.000	Công ty TNHH DEKA
1266	1612	Linezolid 30µg	Hộp	MAST	Anh	5 X 50 khoanh	1	451.000	451.000	Công ty TNHH DEKA
1267	1613	Lysostaphin Discs	Hộp	MAST	Anh	50 khoanh	1	1.478.400	1.478.400	Công ty TNHH DEKA
1268	1614	M.S.R.V. (Salmonella) Medium	Hộp	MAST	Anh	500g	1	1.777.600	1.777.600	Công ty TNHH DEKA
1269	1615	MacConkey Agar	Hộp	MAST	Anh	500g	1	1.551.000	1.551.000	Công ty TNHH DEKA
1270	1616	MacConkey Agar (without salt)	Hộp	MAST	Anh	500g	1	1.666.500	1.666.500	Công ty TNHH DEKA
1271	1617	MacConkey Agar No.2	Hộp	MAST	Anh	500g	1	1.599.400	1.599.400	Công ty TNHH DEKA
1272	1619	MacConkey Broth	Hộp	MAST	Anh	500g	1	1.470.700	1.470.700	Công ty TNHH DEKA
1273	1620	Mannitol Salt Agar	Hộp	MAST	Anh	500g	1	1.589.500	1.589.500	Công ty TNHH DEKA
1274	1621	Meropenem 10µg	Hộp	MAST	Anh	5 X 50 khoanh	1	451.000	451.000	Công ty TNHH DEKA
1275	1622	Metronidazole 5µg	Hộp	MAST	Anh	5 X 50 khoanh	1	451.000	451.000	Công ty TNHH DEKA
1276	1623	Minocycline 30µg	Hộp	MAST	Anh	5 X 50 khoanh	1	451.000	451.000	Công ty TNHH DEKA
1277	1624	Moxifloxacin 5µg	Hộp	MAST	Anh	5 X 50 khoanh	1	451.000	451.000	Công ty TNHH DEKA
1278	1625	Mueller Hinton Agar	Hộp	MAST	Anh	500g	1	1.793.000	1.793.000	Công ty TNHH DEKA
1279	1626	Mueller Hinton Broth	Hộp	MAST	Anh	500g	1	1.773.200	1.773.200	Công ty TNHH DEKA
1280	1627	Nalidixic Acid 30µg	Hộp	MAST	Anh	5 X 50 khoanh	1	451.000	451.000	Công ty TNHH DEKA
1281	1628	Neomycin 30µg	hộp	MAST	Anh	5 X 50 khoanh	10	451.000	4.510.000	Công ty TNHH DEKA
1282	1629	Nitrofurantoin 300µg	Hộp	MAST	Anh	5 X 50 khoanh	1	451.000	451.000	Công ty TNHH DEKA
1283	1630	Norfloxacin 10µg	Hộp	MAST	Anh	5 X 50 khoanh	1	451.000	451.000	Công ty TNHH DEKA
1284	1631	Novobiocin 5µg	Hộp	MAST	Anh	5 X 50 khoanh	1	451.000	451.000	Công ty TNHH DEKA
1285	1632	NUTRIENT Agar	Hộp	Liofilchem	Ý	500 g	12	1.173.000	14.076.000	Công ty TNHH Khoa Học Kỹ Thuật Vietlab
1286	1634	Nystatin 100	hộp	MAST	Anh	5 X 50 khoanh	10	1.331.000	13.310.000	Công ty TNHH DEKA
1287	1635	Optochin Discs	Hộp	MAST	Anh	5 x 50 khoanh	1	1.172.600	1.172.600	Công ty TNHH DEKA
1288	1636	Penicillin G 10 units	Hộp	MAST	Anh	5 X 50 khoanh	1	451.000	451.000	Công ty TNHH DEKA
1289	1637	Peptone Water	Hộp	MAST	Anh	500g	1	1.604.900	1.604.900	Công ty TNHH DEKA

STT	STT HSMT	Tên hóa chất	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nhà thầu
1290	1638	Piperacillin/Tazobactam 110µg	Hộp	MAST	Anh	5 X 50 khoanh	1	451.000	451.000	Công ty TNHH DEKA
1291	1639	Plate Count Agar	Hộp	MAST	Anh	500g	1	2.522.300	2.522.300	Công ty TNHH DEKA
1292	1640	Polymyxin B 300 units	hộp	MAST	Anh	5 X 50 khoanh	10	451.000	4.510.000	Công ty TNHH DEKA
1293	1641	S.S. Agar	Hộp	MAST	Anh	500g	1	1.591.700	1.591.700	Công ty TNHH DEKA
1294	1642	Simmons Citrate Agar	Hộp	MAST	Anh	500g	1	2.017.400	2.017.400	Công ty TNHH DEKA
1295	1643	Sorbitol MacConkey Agar	Hộp	MAST	Anh	500g	1	2.684.000	2.684.000	Công ty TNHH DEKA
1296	1644	Synercid 15µg (Quinupristin/Dalfopristin)	Hộp	MAST	Anh	5 X 50 khoanh	1	451.000	451.000	Công ty TNHH DEKA
1297	1645	T.C.B.S. Cholera Medium (blue)	Hộp	MAST	Anh	500g	1	1.335.400	1.335.400	Công ty TNHH DEKA
1298	1646	Tetracycline 30µg	Hộp	MAST	Anh	5 X 50 khoanh	1	451.000	451.000	Công ty TNHH DEKA
1299	1647	Tetrathionate Broth	Hộp	MAST	Anh	460g	1	2.350.700	2.350.700	Công ty TNHH DEKA
1300	1648	Tobramycin 10µg	Hộp	MAST	Anh	5 X 50 khoanh	1	451.000	451.000	Công ty TNHH DEKA
1301	1649	Tobramycin 30µg	hộp	MAST	Anh	5 X 50 khoanh	10	451.000	4.510.000	Công ty TNHH DEKA
1302	1650	Thioglycollate Broth USP	Hộp	MAST	Anh	500g	1	2.257.200	2.257.200	Công ty TNHH DEKA
1303	1651	Trimethoprim 1.25 µg Sulfamethoxazole 23.75 µg	Hộp	MAST	Anh	5 X 50 khoanh	1	451.000	451.000	Công ty TNHH DEKA
1304	1652	Triple Sugar Iron Agar (TSI)	Hộp	MAST	Anh	500g	1	1.260.600	1.260.600	Công ty TNHH DEKA
1305	1653	Tryptone Soy Agar	Hộp	MAST	Anh	500g	1	1.535.600	1.535.600	Công ty TNHH DEKA
1306	1654	Tryptone Soy Broth	Hộp	MAST	Anh	500g	1	1.354.100	1.354.100	Công ty TNHH DEKA
1307	1655	V Factor Discs	Hộp	MAST	Anh	5 x 50 khoanh	1	1.199.000	1.199.000	Công ty TNHH DEKA
1308	1656	Vancomycin 30µg	Hộp	MAST	Anh	5 X 50 khoanh	1	451.000	451.000	Công ty TNHH DEKA
1309	1657	X Factor Discs	Hộp	MAST	Anh	5 x 50 khoanh	1	1.199.000	1.199.000	Công ty TNHH DEKA
1310	1658	X+V Factor Discs	Hộp	MAST	Anh	5 x 50 khoanh	1	1.199.000	1.199.000	Công ty TNHH DEKA
1311	1668	RF 2x40 + 2x15	Hộp	Mindray	Trung Quốc	2x40ml + 2x15ml	1	8.800.000	8.800.000	Công ty TNHH Vạn Niên
1312	1669	Kit Real time định lượng CMV	Hộp	Nam khoa	Việt Nam	50 pu/hộp	10	9.426.000	94.260.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
1313	1671	Kit Real time định lượng Dengue	Hộp	Nam khoa	Việt Nam	50 pu/hộp	4	10.235.000	40.940.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
1314	1672	Kit Real time định lượng HBV	Hộp	Nam khoa	Việt Nam	50 pu/hộp	5	9.426.000	47.130.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
1315	1673	Kit Real time định lượng HCV	Hộp	Nam khoa	Việt Nam	50 pu/hộp	5	24.790.000	123.950.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
1316	1674	Kit Real time định lượng Enterovirus	Hộp	Nam khoa	Việt Nam	50 pu/hộp	4	24.790.000	99.160.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
1317	1676	Kit tách chiết DNA	Hộp	Nam khoa	Việt Nam	50 pu/hộp	30	4.100.000	123.000.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công

STT	STT HSMT	Tên hóa chất	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nhà thầu
1318	1677	Kit tách chiết RNA	Hộp	Nam khoa	Việt Nam	50 pu/hộp	30	9.426.000	282.780.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
1319	1687	CHROMOGENIC UTI MEDIUM 400G	Hộp	OXOID	Ý	400g	4	4.832.000	19.328.000	Công ty TNHH Khoa Học Kỹ Thuật Vietlab
1320	1688	Sabouraud Dextrose Agar	Hộp	Liofilchem	Ý	500 g	1	800.000	800.000	Công ty TNHH Khoa Học Kỹ Thuật Vietlab
1321	1689	GRAM Color KIT	Hộp	Liofilchem	Ý	4x250 mL	6	1.226.000	7.356.000	Công ty TNHH Khoa Học Kỹ Thuật Vietlab
1322	1690	HCV Strips	Test	Biorex	Anh	100 test	20	16.640	332.800	Công ty TNHH Khoa Học Kỹ Thuật Vietlab
1323	1691	IMMULITE FREE T4 KIT	Hộp	Siemens	Anh	Hộp 100 test	12	4.182.000	50.184.000	Công ty TNHH Thiết bị y tế Phương Đông
1324	1692	IMMULITE PROBE CLEANING	Hộp	Siemens	Anh	Hộp 1 lọ x 100ml	8	1.016.000	8.128.000	Công ty TNHH Thiết bị y tế Phương Đông
1325	1693	IMMULITE PROBE WASH MODULE	Hộp	Siemens	Anh	Hộp 2 x 100ml	8	3.017.000	24.136.000	Công ty TNHH Thiết bị y tế Phương Đông
1326	1694	IMMULITE T3 KIT	Hộp	Siemens	Anh	Hộp 100 test	12	4.182.000	50.184.000	Công ty TNHH Thiết bị y tế Phương Đông
1327	1695	IMMULITE TSH	Hộp	Siemens	Anh	Hộp 100 test	12	4.182.000	50.184.000	Công ty TNHH Thiết bị y tế Phương Đông
1328	1696	SD Bioline Rubella SD Bioline Rubella IgG/IgM	Hộp	Standard Diagnostic, InC	Hàn Quốc	Hộp 25 test	12	2.350.000	28.200.000	Công ty CP Y tế Đức Minh
1329	1698	Bioline DS Hpylori Bioline H.Pylori	test	Standard Diagnostic, InC	Hàn Quốc	Hộp 30 test	1.800	35.000	63.000.000	Công ty CP Y tế Đức Minh
1330	1700	ASLO Latex	Hộp	Spinreact	Tây Ban Nha	100 test / hộp	2	775.000	1.550.000	Công ty TNHH XNK thiết bị y tế An Bình
1331	1701	CRP Latex	Hộp	Spinreact	Tây Ban Nha	100 test / hộp	2	1.190.000	2.380.000	Công ty TNHH XNK thiết bị y tế An Bình
1332	1702	RF -Latex	Hộp	Spinreact	Tây Ban Nha	100 test / hộp	2	1.190.000	2.380.000	Công ty TNHH XNK thiết bị y tế An Bình
1333	1703	RF	Hộp	Biorex	Anh	100 test	2	411.000	822.000	Công ty TNHH Khoa Học Kỹ Thuật Vietlab
1334	1705	SputaPrep-kit	Test	Việt Á	Việt Nam	50 tests/bộ	600	23.000	13.800.000	Công ty CP Dược vật tư y tế Thái Bình
1335	1706	HBV qPCR plus kit	Test	Việt Á	Việt Nam	50 tests/bộ	100	164.000	16.400.000	Công ty CP Dược vật tư y tế Thái Bình
1336	1707	HCV RT qPCR plus kit	Test	Việt Á	Việt Nam	50 tests/bộ	50	410.000	20.500.000	Công ty CP Dược vật tư y tế Thái Bình
1337	1708	MTB rPCR plus kit A	Test	Việt Á	Việt Nam	50 tests/bộ	400	144.000	57.600.000	Công ty CP Dược vật tư y tế Thái Bình
1338	1709	Real Time Amplification test for quantitative detection of Hepatitis B virus (HBV)	Hộp	Việt Á	Việt Nam	50 tests/bộ	5	9.425.000	47.125.000	Công ty CP Dược vật tư y tế Thái Bình
1339	1710	Real Time Amplification test for quantitative detection of Hepatitis C virus (HCV)	Hộp	Việt Á	Việt Nam	50 tests/bộ	5	24.786.000	123.930.000	Công ty CP Dược vật tư y tế Thái Bình
1340	1711	Real Time Amplification test for the quantitative detection of Cytomegalovirus	Hộp	Việt Á	Việt Nam	50 tests/bộ	10	9.425.000	94.250.000	Công ty CP Dược vật tư y tế Thái Bình
1341	1712	Real Time PCR kit for qualitative detection of Herpes Viruses I and II	Hộp	Việt Á	Việt Nam	50 tests/bộ	7	9.425.000	65.975.000	Công ty CP Dược vật tư y tế Thái Bình
1342	1713	Sputa	test	Việt Á	Việt Nam	50 tests/bộ	300	23.000	6.900.000	Công ty CP Dược vật tư y tế Thái Bình
1343	1716	Kaliclorid	Kg	Hóa dược	Việt Nam	1 Kg/túi	11	123.800	1.361.800	Công ty CP Dược vật tư y tế Thái Bình
1344	1728	Actin FSL	Hộp	Siemens	Đức	2mlx10	72	6.370.000	458.640.000	Công ty TNHH XNK thiết bị y tế An Bình

STT	STT HSMT	Tên hóa chất	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nhà thầu
1345	1735	Bột thấm phân (Bicar 1150g)	Quả	Gambro	Thụy Điển	6 quả / thùng	2.300	230.000	529.000.000	Công ty TNHH Thiết bị y tế Phương Đông
1346	1739	CD80 deter 2 lít/can	Can	Mindray	Trung Quốc	2 Lit	52	7.300.000	379.600.000	Công ty TNHH Vạn Niên
1347	1741	Cidex 14 can 5 lít	Can	Johnson & Johnson	Anh	5 lít/can	480	470.000	225.600.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
1348	1742	Cidex OPA can 5lít	Can	Johnson & Johnson	Nhật	5 lít/can	395	1.239.000	489.405.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
1349	1743	Cidezim 1 lít	Chai	Johnson & Johnson	Mỹ/Anh	1 lít	326	730.000	237.980.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
1350	1744	Citrol 1E	Hộp	Siemens	Đức	1mlx10	20	8.840.000	176.800.000	Công ty TNHH XNK thiết bị y tế An Bình
1351	1745	Citrol 2E	Hộp	Siemens	Đức	1mlx10	20	8.840.000	176.800.000	Công ty TNHH XNK thiết bị y tế An Bình
1352	1754	Costisomol 11875116122	Lọ	Roche	Đức		3	4.340.000	13.020.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
1353	1756	Còn 90 độ	Lít	Thái Bình	Việt Nam	30 lít/can	1.260	19.000	23.940.000	Công ty CP Dược vật tư y tế Thái Bình
1354	1757	Còn 960	Lít	Hà Nội	Việt Nam	30 lít/can	37.000	21.000	777.000.000	Công ty CP Dược vật tư y tế Thái Bình
1355	1762	Cymet	Thùng	J.T.Baker	Hà Lan	1 lít/chai	12	10.600.000	127.200.000	Công ty CP Dược vật tư y tế Thái Bình
1356	1764	CYRPRA 211 (11820966122)	Hộp	Roche	Đức	100 test	10	6.700.000	67.000.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
1357	1765	CYRPRA -CS	Hộp	Roche	Đức	4x1ml	3	1.963.000	5.889.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
1358	1769	Chloramine B	Kg	Human	Trung quốc	30 Kg/thùng	105	145.000	15.225.000	Công ty CP Dược vật tư y tế Thái Bình
1359	1779	Destiny Pro Wash (12x10ml)	Hộp	Tcoag	Ireland	10ml	5	2.500.000	12.500.000	Công ty TNHH Vạn Niên
1360	1780	Diacal	Lọ	Dialab	Áo	1x3ml	10	531.300	5.313.000	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm
1361	1783	Dịch thấm phân 1A	Can	B.Braun	Việt Nam	Can 10 lít	6.000	160.000	960.000.000	Công ty TNHH Thiết bị y tế Phương Đông
1362	1784	Dịch thấm phân 1B	Can	B.Braun	Việt Nam	Can 10 lít	7.500	160.000	1.200.000.000	Công ty TNHH Thiết bị y tế Phương Đông
1363	1785	Dịch thấm phân 4A	Can	CCM Duopharma	Malaysia	Can 10 lít	2.000	163.000	326.000.000	Công ty TNHH Thiết bị y tế Phương Đông
1364	1787	Diluid ST	Thùng	J.T.Baker	Hà Lan	20 lít/thùng	20	2.960.000	59.200.000	Công ty CP Dược vật tư y tế Thái Bình
1365	1789	Diluid Sheath	Thùng	J.T Baker	Hà Lan	20 Lit	12	5.600.000	67.200.000	Công ty TNHH Thiết bị Phúc An
1366	1791	<b>Hexanios G + R</b> Dung dịch làm sạch/ khử khuẩn các dụng cụ y tế, vệ sinh, khử trùng sàn nhà và các bề mặt - 5 lít	Can	Anios	Pháp	Can 5 lít	111	1.280.000	142.080.000	Công ty CP ứng dụng và phát triển công nghệ Y học Sao Việt
1367	1792	<b>Hexanios G + R</b> Dung dịch làm sạch/ khử khuẩn các dụng cụ y tế, vệ sinh, khử trùng sàn nhà và các bề mặt 1 lít	chai	Anios	Pháp	Chai 1 lít	521	318.000	165.678.000	Công ty CP ứng dụng và phát triển công nghệ Y học Sao Việt



STT	STT HSMT	Tên hóa chất	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nhà thầu
1368	1793	Anios D.D.S.H 750ml Dung dịch phun tẩy rửa, khử khuẩn các bề mặt, bề mặt nhỏ trong phòng mổ, chai dạng phun xịt 750ml	chai	Anios	Pháp	Chai 750ml	13	270.000	3.510.000	Công ty CP ứng dụng và phát triển công nghệ Y học Sao Việt
1369	1795	Dung dịch sát khuẩn Ortho-phthaladehyde 2,5%	Bình	Medivator	Mỹ	Bình 1 gallon ( 3,8 lít)	75	378.000	28.350.000	CÔNG TY CP DƯỢC ÁNH DƯƠNG
1370	1796	Dung dịch sát khuẩn tay nhanh	Lít	TH.A	Việt Nam	5 lít/can	1.525	126.000	192.150.000	Công ty CP Dược vật tư y tế Thái Bình
1371	1797	Dung dịch sát khuẩn tay nhanh (Clinicare)	Chai	Phytopharma Opodis	Việt Nam	500 ml/chai	455	84.800	38.584.000	Công ty CP Dược vật tư y tế Thái Bình
1372	1798	Dung dịch sát khuẩn tay nhanh TH.A: 0.5% chlorhexidine Digluconate; 84% Ethanol	Chai	Tân Hương	Việt Nam	500 ml/chai	782	81.000	63.342.000	Công ty CP Dược vật tư y tế Thái Bình
1373	1799	E-Check (XS) Level 1 (1.5ml x 1)	Lọ	Sysmex/ Streck	Mỹ	1.5mlx1	5	2.550.000	12.750.000	Công ty TNHH XNK thiết bị y tế An Bình
1374	1800	E-Check (XS) Level 2 (1.5ml x 1)	Lọ	Sysmex/ Streck	Mỹ	1.5mlx2	5	2.550.000	12.750.000	Công ty TNHH XNK thiết bị y tế An Bình
1375	1801	E-Check (XS) Level 3 (1.5ml x 1)	Lọ	Sysmex/ Streck	Mỹ	1.5mlx3	5	2.550.000	12.750.000	Công ty TNHH XNK thiết bị y tế An Bình
1376	1802	Eightcheck-3WP (High	Lọ	Sysmex/ Streck	Mỹ	1.5mlx4	7	2.450.000	17.150.000	Công ty TNHH XNK thiết bị y tế An Bình
1377	1803	Eightcheck-3WP (Low	Lọ	Sysmex/ Streck	Mỹ	1.5mlx5	7	2.450.000	17.150.000	Công ty TNHH XNK thiết bị y tế An Bình
1378	1804	Eightcheck-3WP (Normal	Lọ	Sysmex/ Streck	Mỹ	1.5mlx6	7	2.450.000	17.150.000	Công ty TNHH XNK thiết bị y tế An Bình
1379	1805	Eluent 80A	Túi	ARKRAY/ NHẬT	Nhật Bản	600ml	30	3.957.395	118.721.838	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ & THIẾT BỊ THIÊN PHÚC
1380	1806	Eluent 80B	Túi	ARKRAY/ NHẬT	Nhật Bản	600ml	30	6.257.823	187.734.692	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ & THIẾT BỊ THIÊN PHÚC
1381	1807	Eluent 80C	Túi	ARKRAY/ NHẬT	Nhật Bản	600ml	12	6.257.823	75.093.877	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ & THIẾT BỊ THIÊN PHÚC
1382	1809	Enzymatic Cleaner Conce	Lọ	CDS	Mỹ	50 ml	5	3.060.000	15.300.000	Công ty TNHH thương mại kỹ thuật TPCOM
1383	1810	ETI - EBK Plus	test	Diasorin S.p.A	Italy	Hộp 96 test	1.152	68.094	78.444.288	Công ty CP Y tế Đức Minh
1384	1811	ETI - AB - EBK Plus	test	Diasorin S.p.A	Italy	Hộp 96 test	1.152	68.094	78.444.288	Công ty CP Y tế Đức Minh
1385	1815	Fluorocell PLT 12mL x 2	Hộp	Sysmex	Nhật Bản	12mlx2	4	23.450.000	93.800.000	Công ty TNHH XNK thiết bị y tế An Bình
1386	1816	Fluorocell RET 12mL x 2	Hộp	Sysmex	Nhật Bản	12mlx2	1	31.230.000	31.230.000	Công ty TNHH XNK thiết bị y tế An Bình
1387	1817	Fluorocell WDF 42mL x 2	Hộp	Sysmex	Nhật Bản	42ml.2	2	54.000.000	108.000.000	Công ty TNHH XNK thiết bị y tế An Bình
1388	1818	Fluorocell WNR 82mL x 2	Hộp	Sysmex	Nhật bản	82mlx2	2	11.220.000	22.440.000	Công ty TNHH XNK thiết bị y tế An Bình
1389	1819	Fluorocell WPC 12mL x 2	Hộp	Sysmex	Nhật Bản	12mlx2	2	24.760.000	49.520.000	Công ty TNHH XNK thiết bị y tế An Bình
1390	1821	Fort Acide Detergent	Hộp	Fortress Dianogstic	Anh	500ml	20	2.740.750	54.815.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ & THIẾT BỊ THIÊN PHÚC
1391	1822	Fort Alkaline Detergent	Hộp	Fortress Dianogstic	Anh	2l	20	3.054.250	61.085.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ & THIẾT BỊ THIÊN PHÚC
1392	1823	Fort Antibacterial Detergent	Hộp	Fortress Dianogstic	Anh	500ml	20	2.740.750	54.815.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ & THIẾT BỊ THIÊN PHÚC

STT	STT HSMT	Tên hóa chất	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nhà thầu
1393	1825	Ftress APTT	Hộp	Fortress Diagnostics	Anh	5x3ml	15	4.037.500	60.562.500	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ & THIẾT BỊ THIÊN PHÚC
1394	1826	Ftress Calci Clorid	Hộp	Fortress Diagnostics	Anh	1 lọ	10	1.377.500	13.775.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ & THIẾT BỊ THIÊN PHÚC
1395	1832	Gel bôi trơn KY 82g	Tube	Johnson & Johnson	Pháp	82g/tube	754	73.500	55.419.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
1396	1835	Gel siêu âm	can	Nationa - The pary	Canada	5 lít/can	20	238.000	4.760.000	Công ty CP Dược vật tư y tế Thái Bình
1397	1847	Hemolysis Washing Sol. 80H	Can	ARKRAY/ NHẬT	Nhật Bản	2l	40	9.424.798	376.991.920	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ & THIẾT BỊ THIÊN PHÚC
1398	1850	Hitergent	Hộp	Roche	Germany		4	1.931.000	7.724.000	Công ty CP Dược vật tư y tế Thái Bình
1399	1851	Hỗn hợp HPA	Kg	Cty CP Hóa chất Việt Nam	Việt Nam	Can 20 kg	150	176.000	26.400.000	Công ty TNHH Thiết bị y tế Phương Đông
1400	1852	Human assayed control	Hộp	Fortress Diagnostics	Anh	1x1ml	4	750.500	3.002.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ & THIẾT BỊ THIÊN PHÚC
1401	1853	Humapette 0,5-10 UL	Cái	Human	Đức	1 cái/hộp	1	6.500.000	6.500.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
1402	1854	Humased NON-VACUUM	Típ	Human	Malaysia/Đứ c	50 típ/hộp	8.530	15.900	135.627.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
1403	1855	Humatrol 6x5ml	Hộp	Human	Mỹ	6x5ml	76	2.495.000	189.620.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
1404	1857	IGA	Hộp	Elitech	Pháp	1x50ml	1	2.554.000	2.554.000	Công ty TNHH Vạn Niên
1405	1858	IGG	Hộp	Elitech	Pháp	1x50ml	1	2.554.000	2.554.000	Công ty TNHH Vạn Niên
1406	1859	I GM	Hộp	Elitech	Pháp	1x50ml	1	2.553.000	2.553.000	Công ty TNHH Vạn Niên
1407	1861	Insulin - CS 12017504122	Hộp	Roche	Đức		2	1.316.000	2.632.000	Công ty CP Dược vật tư y tế Thái Bình
1408	1862	Insulin - RP 12017547122	Hộp	Roche	Đức	100 test	6	4.195.000	25.170.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
1409	1863	Iod tinh thể	kg	Hóa dược	Việt Nam	1 Kg/lọ	160	2.958.000	473.280.000	Công ty CP Dược vật tư y tế Thái Bình
1410	1867	Lentulo	Hộp	Mani	Nhật Bản	4 cái/hộp	295	96.000	28.320.000	Công ty CP Dược vật tư y tế Thái Bình
1411	1872	Lysercell WNR 4L x 2	Hộp	Sysmex	Nhật Bản	4Lx2	5	7.370.000	36.850.000	Công ty TNHH XNK thiết bị y tế An Bình
1412	1874	Lytic Reagent	Chai	CDS	Mỹ	500 ml	189	2.182.000	412.398.000	Công ty TNHH thương mại kỹ thuật TPCOM
1413	1875	Magnesium	Hộp	Spinreact	Tây Ban Nha	2x50 mL	2	2.465.000	4.930.000	Công ty TNHH XNK thiết bị y tế An Bình
1414	1877	Microshield 2%	Can	Johnson & Johnson/Schulke	Úc/Án	5 lít/can	127	1.335.000	169.545.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
1415	1878	Microshield 4%	Can	Johnson & Johnson/Schulke	Úc/Án	5 lít/can	3	2.250.000	6.750.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công

STT	STT HSMT	Tên hóa chất	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nhà thầu
1416	1880	Minocclair 500ml	Lọ	ABx	Pháp	500ml	3	3.300.000	9.900.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
1417	1881	Mission Control	Hộp	Diamond	Mỹ	30x2ml	4	2.500.000	10.000.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ & THIẾT BỊ THIÊN PHÚC
1418	1882	Monotrol 16	Lọ	ABx	Pháp	2,5ml	12	2.050.000	24.600.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
1419	1885	MYTH Cleaning solution	Lọ	Orphee/ Pháp	Pháp	1l	15	1.425.000	21.375.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ & THIẾT BỊ THIÊN PHÚC
1420	1886	MYTH Diluent	Can	Orphee/ Pháp	Pháp	10l	15	2.375.000	35.625.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ & THIẾT BỊ THIÊN PHÚC
1421	1887	MYTH Lytic	lọ	Orphee/ Pháp	Pháp	1l	10	3.325.000	33.250.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ & THIẾT BỊ THIÊN PHÚC
1422	1892	Normal control Assayed	Hộp	IL	Mỹ	10x1ml	2	5.680.000	11.360.000	Công ty TNHH Thiết bị Phúc An
1423	1893	Normal Control Serum	Lọ	I.S.E	Italy	4x5ml	32	2.440.000	78.080.000	Công ty TNHH thương mại kỹ thuật TPCOM
1424	1900	Owren's Veronal Bufer	Hộp	Siemens	Đức	15mlx10	100	6.570.000	657.000.000	Công ty TNHH XNK thiết bị y tế An Bình
1425	1905	PARAFFIN (Nén hạt tinh khiết Leica Paraplast)	kg	Leica	Đức/Mỹ	1kg/túi	20	715.000	14.300.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
1426	1908	Periodic acid	Lọ	Leica	Đức/Mỹ	500ml	2	6.150.000	12.300.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
1427	1909	pH refill solution	Bộ	Techno Medica	Nhật Bản	2 cái/ bộ	1	1.059.450	1.059.450	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm
1428	1910	Potassium Iodua (KI)	Kg	Hóa dược	Việt Nam	1 kg/túi	20	2.500.000	50.000.000	Công ty CP Dược vật tư y tế Thái Bình
1429	1911	Presep 2,5g	Viên	Johnson & Johnson	Ai Len	100 viên/hộp	10.120	5.650	57.178.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
1430	1915	Phytasep 500 ml	Chai	Opodis	Việt Nam	500 ml/chai	720	94.600	68.112.000	Công ty CP Dược vật tư y tế Thái Bình
1431	1916	qPCR 4Standard kit	test	Việt Á	Việt Nam	50 tests/bộ	500	6.600	3.300.000	Công ty CP Dược vật tư y tế Thái Bình
1432	1917	Quantinorm	Hộp	Chema	Italy	5ml	12	488.000	5.856.000	Liên danh Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Trí Đức và Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Dịch vụ Anh Phát
1433	1918	Quantinpath	Hộp	Chema	Italy	5ml	12	488.000	5.856.000	Liên danh Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Trí Đức và Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Dịch vụ Anh Phát
1434	1921	Ref refill solution	Bộ	Techno Medica	Nhật Bản	2 cái/ bộ	1	1.412.250	1.412.250	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm
1435	1922	Ref Filling Solution R04S033	Hộp	SFR1	Pháp	1x30ml	1	4.494.000	4.494.000	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm
1436	1923	Reference Emulsion	Hộp	IL	Mỹ	4x500ml	5	3.600.000	18.000.000	Công ty TNHH Thiết bị Phúc An
1437	1925	Ret-search II	Hộp	Sysmex	Singapore	1L	24	14.810.000	355.440.000	Công ty TNHH XNK thiết bị y tế An Bình
1438	1928	Rotors	Hộp	IL	Tây Ban Nha	100 rotor	6	9.000.000	54.000.000	Công ty TNHH Thiết bị Phúc An
1439	1932	Schiff Reagent	Lọ	Leica	Đức/Mỹ	500ml	2	3.989.000	7.978.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công

STT	STT HSMT	Tên hóa chất	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nhà thầu
1440	1941	TDA	Hộp	BioMerieux	Pháp	2 ống	1	917.400	917.400	Công ty TNHH DEKA
1441	1943	Test thử đường huyết	test	Terumo	Nhật	30 test/hộp	46.400	8.000	371.200.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
1442	1944	Test thử H. Pylory nhanh AB	test	Abon	Trung Quốc	50 test/hộp	200	34.500	6.900.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
1443	1946	Test thử thai	Test	Phamatech	Hoa Kỳ	01 Test/ Hộp	5.500	15.470	85.085.000	Công ty TNHH TM Hùng Phương
1444	1947	Test thử thai HCG 5mm	test	Abon	Trung Quốc	50 test/hộp	8.800	8.000	70.400.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
1445	1959	Thuốc hiện hãm hình tự động	Cơ số	Agfa	Bi	1 cơ số/thùng	306	770.000	235.620.000	Công Ty CP Sao Mai
1446	1965	Troponin T hs Calset	Hộp	Roche	Đức	4x1ml	2	1.206.000	2.412.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
1447	1967	Vôi sô đa 4,5kg	kg	Molecular	Anh	4,5 kg/can	93	190.000	17.670.000	Nhà thầu liên danh Công ty TNHH Hưng Mỹ - Công ty TNHH thiết bị y tế Thành Công
1448	1970	XN Check L1 3.0mL x 1 vials	Hộp	Sysmex/ Streck	Mỹ	3.0mlx1	9	7.070.000	63.630.000	Công ty TNHH XNK thiết bị y tế An Bình
1449	1971	XN Check L2 3.0mL x 1 vials	Hộp	Sysmex/ Streck	Mỹ	3.0mlx1	9	7.070.000	63.630.000	Công ty TNHH XNK thiết bị y tế An Bình
1450	1972	XN Check L3 3.0mL x 1 vials	Hộp	Sysmex/ Streck	Mỹ	3.0mlx1	9	7.070.000	63.630.000	Công ty TNHH XNK thiết bị y tế An Bình
1451	1973	XYL (XYLENE)	Hộp	BioMerieux	Pháp	2 ống x 5 ml	1	535.700	535.700	Công ty TNHH DEKA
<b>Tổng số tiền</b>									<b>134.282.821.159</b>	

**GIÁM ĐỐC**

**Phạm Văn Dịu**